



ISSN 2734-9551

Số tháng 10+11/2023

www.doanhnghiepkinhthexanh.vn

TẠP CHÍ **DOANH NGHIỆP** & **KINH TẾ XANH**

CƠ QUAN CỦA HIỆP HỘI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG - DỊCH VỤ NÔNG LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

Khơi dậy tinh thần doanh nhân



Tổ quốc nơi đầu sóng



Quyết tâm bảo vệ Tổ quốc.

Trong những ngày mùa thu, tôi lại nhớ về các chiến sĩ đang ngày đêm canh giữ biển trời Tổ quốc trên quần đảo Trường Sa xa xôi. Trường Sa vẫn sóng, vẫn gió, nhưng giữ đêm đêm lộng lẫy ánh đèn, rau xanh, nhà xây tường vàng, mái đỏ... Những người lính giữ biển hôm nay dạn sóng, bạn với chim hải âu, vẫn luôn thể hiện ý chí, nghị lực, tấm lòng kiên trung với tình yêu Tổ quốc nồng nàn.

Suốt cuộc hải trình dài đặc gần 1.000 hải lý đến 17 điểm trên quần đảo Trường Sa, nhưng tôi ấn tượng nhất với đảo Tiên Nữ - điểm cực đông của quần đảo Trường Sa, là nơi đón bình minh đầu tiên của Tổ quốc. Mùa nắng, ở đây khoảng 4 giờ rưỡi đã thấy mặt trời.

Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, cán bộ chiến sĩ trên đảo Tiên Nữ sinh hoạt, học tập, tăng gia và trực chiến tương tự đất liền. Đảo chìm chẳng có bàng vuông, xương rồng, muống biển, chỉ có rau cải, mồng tơi, được trồng trong các thùng, hộp xốp độn sặc xanh với biển.

Bây giờ lính đảo chìm vẫn nghe được giọng nói, xem được hình ảnh người đất liền, vui đi những nhớ mong. Lính trẻ dạn với sóng, quen với chim hải âu nay bỗng chốc bối rối trước các



Các chiến sĩ đảo An Bang kéo ca nô chở đoàn công tác vào bờ trong sóng lớn.



Ca nô tuần tra trên biển



Cán bộ chiến sĩ tập hợp theo hiệu lệnh trên đảo Tiên Nữ.



Tạm biệt đảo Đá Tây.

cô văn công. Bên lên bắt tay: "Ở đảo thừa nắng, thừa gió, thiếu mỗi... người thôi ạ".

Người vừa đến lại vừa đi rất vội, 17 điểm đảo, 17 lần vội vã gặp gỡ rồi chia tay.

Tàu cập đảo, tàu lại nhổ neo, dăng đảo, bóng bộ đội Trường Sa chỉ còn như những cái chấm rồi dần khuất hẳn, nhưng những cánh tay còn vẫy mãi...

THIỆN NGÃ

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Chủ tịch:

Nhà báo Lê Hữu Quế

Phó Chủ tịch Hội đồng:

Thạc sĩ, nhà báo Nguyễn Văn Tổng

Cử nhân luật Nguyễn Văn Sơn

Đại tá, nhà báo Đinh Quang Tồn

PGS, TS Lê Quang Vinh

Thạc sĩ Nguyễn Mạnh Thắng

Ủy viên:

Thạc sĩ Nguyễn Dũng

Tiến sĩ Nguyễn Thị Lan Hương

BAN BIÊN TẬP

Nhà báo Đỗ Ngọc Thi - Trưởng Ban Biên tập

Thạc sĩ Nguyễn Mạnh Thắng - Ủy viên

Thường trực

Nhà báo Lê Hữu Quế - Ủy viên

Nhà báo Nguyễn Văn Tổng - Ủy viên

Tiến sĩ Nguyễn Thị Lan Hương - Ủy viên

Tòa soạn

Số 120 Võ Chí Công, P. Xuân La, Q. Tây Hồ,
TP. Hà Nội

Hotline: 024.2210.2285

Email: toasoan.kinhthexanh@gmail.com

Ban Hành chính trị sự

Điện thoại: 024.2210.2285 - 098.519.2498

Ban Thư ký biên tập

Điện thoại: 024.2210.2285 - 091.334.5059

Ban Điện tử

Điện thoại: 024.2210.2285 - 096.131.5656

Ban Phóng viên thường trú

Điện thoại: 024.2210.2285

Ban Kinh tế

Điện thoại: 024.2210.2285 - 096.310.0034

Giấy phép số 598/GP-BTTTT cấp ngày

31/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông

Tài khoản: Tạp chí Doanh nghiệp và Kinh tế

xanh 35930999 Ngân hàng Eximbank,

Chi nhánh Hà Nội

Mã số thuế: 0109752939

Chế bản tại Tạp chí Doanh nghiệp và Kinh tế xanh

In tại: Công ty TNHH-MTV in và nghiên cứu
thị trường Việt Cường

Bìa 1: Hành động đúng để đạt mục tiêu
tăng trưởng xanh.

Giá: 60.000VNĐ

Thiết kế và trình bày: Đỗ Long

Mục lục

- | | | | |
|-------|---|-------|---|
| 4-5 | Thư ngỏ | 36-37 | Giải mã “nghịch lý”
giá điện tăng khi tỷ lệ
điện mặt trời tăng |
| 6-7 | Xây dựng đội ngũ doanh nhân
theo tâm thư của Chủ tịch
Hồ Chí Minh | 38-45 | Nghiên cứu công nghệ tách sợi
từ lá dừa bằng phương pháp
cơ học |
| 8-9 | Cơ cấu lại ngành nông nghiệp
bắt đầu từ nguồn nhân lực | 46-47 | Hướng đến nền nông nghiệp
sạch bằng phân bón hữu cơ |
| 10-11 | Đại hội đại biểu toàn quốc lần
thứ II của Vicsafa: Dân chủ -
Trách nhiệm - Hiệu quả | 48-51 | 28 năm vững vàng bản lĩnh
người thợ khoáng sản |
| 12-13 | Đồng lòng phát triển Hiệp hội
lên tầm cao mới | 52-53 | Dược sĩ Nguyễn Thị Hậu:
“Nàng Hậu” giữa đời thường |
| 14-15 | Khơi dậy tinh thần doanh nhân | 54-55 | Bác sĩ - Doanh nhân
Lê Thị Vinh: Niềm vui
của người bệnh là thước đo
thành công |
| 16-21 | Đào tạo nguồn nhân lực
chất lượng cao
cho nông nghiệp, nông thôn
giai đoạn 2023-2030 | 56-57 | Công ty TNHH Cung ứng
nhân lực Quảng Bình:
Lấy chữ “Tin”
làm phương châm hoạt động |
| 22-23 | Trách nhiệm của doanh nghiệp
trong tăng trưởng xanh | 58-59 | Hình thành các “sứ giả OCOP”
để lan tỏa văn hóa Việt Nam |
| 24-25 | Xác lập vai trò nông hộ nhỏ
trong sự phát triển bền vững
“tam nông” | 60-61 | Người đưa bánh đa vùng
Hà Tĩnh xuất ngoại |
| 26-27 | Định vị thương hiệu OCOP
trên thị trường nông sản | 62-63 | “Rèn chìa khóa”
để doanh nghiệp phát triển
bền vững |
| 28-29 | Phát triển vùng đồng bào
dân tộc thiểu số từ “mỏ vàng”
được liệu | 64-65 | Trung tướng Nguyễn Sơn Hà:
Hạnh phúc và may mắn là cứu
được người |
| 30-31 | Kiến tạo hành trình
tăng trưởng xanh | 66 | Ford Việt Nam:
Dấu ấn thành tựu
và trải nghiệm
sở hữu khác biệt |
| 32-33 | Nỗ lực bảo tồn
hồ Đông Dương
trước nguy cơ tuyệt chủng | | |
| 34-35 | Phát triển kinh tế tuần hoàn
trong ngành chế biến gỗ | | |



**Ông Lê Minh Hoan - Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.**
Ảnh: Minh Phúc.

Thư ngỏ

Gửi các Doanh nghiệp Nông nghiệp nhân Ngày Doanh nhân Việt Nam 13/10

“Việc nước và việc nhà bao giờ cũng đi đôi với nhau. Nền kinh tế quốc dân thịnh vượng nghĩa là các sự kinh doanh của các nhà công nghiệp, thương nghiệp thịnh vượng” - Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thấm đẫm ý nghĩa lịch sử sâu sắc như thế, sự ra đời của Ngày Doanh nhân Việt Nam khuyến khích sự chủ động, sáng tạo, động viên thi đua sản xuất, kinh doanh, biểu dương tinh thần doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân. Ngày 13/10 đang đến, trong bối cảnh kinh tế có những tín hiệu phục hồi, nhưng vẫn còn đầy nhiều khó khăn, thách thức. Với tình cảm của người luôn gắn bó cùng cộng đồng doanh nghiệp nông nghiệp nước nhà, tôi xin được chúc mừng những doanh nhân, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, nhân sự kiện đặc biệt này. Tôi cũng xin bày tỏ lòng tri ân với đội ngũ “Doanh nông” đã luôn đồng hành với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Tiếng gọi “Doanh nông” vang lên, vừa bình dị, vừa tự hào, gắn kết giữa “doanh nhân” với “nông nghiệp”. Tư duy luôn rộng mở và tích hợp điều mới, theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, tương ứng với xu thế phát triển. Những mô hình khởi nghiệp, kinh doanh nhỏ và vừa, tìm tòi, phát triển giá trị tài nguyên bản địa, gắn với nông nghiệp, nông thôn, trở thành niềm tự hào cho cộng đồng, địa phương và đất nước. Có bạn trẻ tuổi đôi mươi, hướng dẫn bà con biến lục bình thân thuộc trên kênh, rạch miền Tây thành những sản phẩm thủ công lưu niệm, đi đến khắp các châu lục khác thông qua thương mại điện tử. Có những nông hộ miệt mài chăm bón vườn cây ăn trái, trao đi sức khỏe, nhận lại niềm tin. Có những người chủ công ty, tập đoàn miệt mài đi đến từng hợp tác xã, gặp gỡ trực tiếp từng bà con nông dân để

nói về câu chuyện liên kết, hợp tác. Có các cô, các chú ở độ tuổi xưa nay hiếm vẫn mạnh dạn “khởi nghiệp” du lịch nông nghiệp, sinh thái, như lời khẳng định chắc nịch rằng: “Tôi lớn tuổi như thế mà vẫn làm được, thì lý do gì thanh niên nông thôn lại không làm được!”

Tất cả đều là những người bạn Doanh nông thiết thân và trân quý. Tôi tự hào về những người bạn đồng hành thật tuyệt vời, luôn một lòng vì nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Cùng với các đơn vị quản lý nhà nước chuyên ngành và ở địa phương, các bạn đang tham gia dẫn dắt chuyển đổi nông nghiệp từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế. Cùng với hợp tác xã, bà con nông dân, các bạn đang tạo ra giá trị gia tăng cao cho nông sản Việt khi tham gia tích cực vào các chuỗi ngành hàng. Cùng với toàn ngành Nông nghiệp, các bạn đang tiên phong tiếp cận tư duy nông nghiệp đa giá trị: hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn, du lịch, công nghệ, số hoá,...

Xúc động qua từng tin nhắn, thư điện tử hàng ngày nhận được từ các bạn. Khi thì tin vui với một sản phẩm vừa mới giới thiệu. Khi thì hạnh phúc vì những ý tưởng nung nấu được hiện thực hoá. Khi thì phấn khích vì đơn hàng được thông quan sau thời gian kiên trì đàm phán với đối tác. Mỗi một tin vui là thành quả sau bao ngày đêm nghĩ suy, trăn trở. Đó là những món quà quý giá, giúp tôi và các đồng nghiệp, cộng sự như được tiếp thêm nguồn năng lượng, động lực làm việc. Tôi cảm nhận được ý chí và khát vọng trong đội ngũ Doanh nông Việt. Và hơn hết, các bạn luôn mong muốn và nỗ lực đóng góp thiết thực, ý nghĩa cho quê hương, đất nước.

Tuy nhiên, con đường đầu phải lúc nào cũng trải hoa hồng, công việc sản xuất, kinh doanh đâu phải lúc nào cũng “thuận buồm xuôi gió”, “thuận chèo mát mái”. Có khi các bạn phần nào hụt hẫng, vì kết quả nhận lại chưa tương xứng. Có khi các bạn bức xúc về khoảng cách giữa thể chế

quy định, cách thức thực thi với thực tiễn đa dạng, thay đổi không ngừng. Có khi các bạn lại trần trở về tinh thần hợp tác, liên kết với đối tác và e dè về sự cạnh tranh thiếu lành mạnh giữa các doanh nghiệp với nhau. Chia sẻ với suy tư của các bạn, tôi cũng cảm thấy nặng lòng và tự thấy mình không vô can trong những chuyện chưa vui ấy.

Đặc điểm của nông nghiệp nước mình là manh mún, nhỏ lẻ, tự phát. Đó là những điều dễ nhận thấy. Tuy nhiên, còn những điều vô hình đang làm cản trở tiến trình chuyển đổi nông nghiệp. Tinh thần hợp tác, liên kết còn mỏng manh, dễ đứt gãy khi xảy ra xung đột lợi ích. Chất lượng nông sản chưa được chú trọng đúng mức trong khi người tiêu dùng ngày càng yêu cầu khắt khe hơn đến an toàn thực phẩm. Chữ tín trong sản xuất kinh doanh, một yếu tố quan trọng trong tạo dựng thương hiệu, đôi lúc dễ bị đánh đổi do thiệt hơn trong ngắn hạn.

Thách thức bên ngoài lẫn bên trong, dù lớn dù nhỏ, không làm chùn chân nhiều doanh nghiệp. Các bạn xem thách thức chính là cơ hội để khẳng định mình. Đúng như một cách nói của một doanh nhân: “Khi người khác đếm điều không thể, thì tôi đếm từng điều có thể”. Nhiều doanh nghiệp chủ động đổi mới với thực trạng và nỗ lực tìm kiếm con đường cho riêng mình. Nhiều doanh nghiệp tích cực nối kết, thường xuyên chia sẻ với nhau về dự định, mục tiêu lớn lao.

Các tựa sách về doanh nhân, được chấp bút bởi doanh nhân, các chia sẻ, trình bày, đối thoại của cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng, cả trong và ngoài nước, gợi mở nhiều điều thiết thực, mới mẻ, về sứ mệnh doanh nghiệp, về tinh thần hợp tác “buôn có bạn, bán có phường”, về trách nhiệm xã hội... Với quan điểm tiếp cận “người khác làm được, thì mình có thể làm được”, tin rằng, đội ngũ Doanh nông sẽ tiếp tục không ngừng học hỏi, chọn lọc, tiếp thu điều hữu ích, để đúc kết, áp dụng phù hợp cho riêng mình.

Trân quý thay, những doanh nghiệp không chấp nhận đi một mình, những doanh nghiệp dám nghĩ khác đi và thật sự đã hành

động khác đi. Sao mà tránh khỏi những lúc chao đảo, giảm niềm tin, nhưng cuối cùng rồi cũng “giận thì giận, thương thì thương”, tạm gác bất đồng, kiềm nén cảm xúc để cùng nhau nói chuyện, lắng nghe. “Khi ngồi lại, không gì là không thể”. Kể vai sát cánh, các bạn có thể khám phá và thấu hiểu điểm mạnh, điểm tốt của mỗi người.

Thương trường, thị trường lúc thì sôi động, khi lại khắc nghiệt. Tạo ra một sản phẩm đã khó, đưa sản phẩm đó đến được thị trường với mức giá tối ưu còn khó hơn. Đưa sản phẩm đến được thị trường đã khó, làm gì để sản phẩm đứng vững trên thương trường đầy áp lực cạnh tranh và thay đổi không ngừng, lại càng khó hơn bội phần.

Chuyển công tác ngắn ngày tại các quốc gia có nền nông nghiệp phát triển ghi nhận được nhiều điều đáng tham khảo. Mỗi doanh nghiệp của nước bạn hầu hết hoạch định chiến lược phát triển rõ ràng, thuyết phục. Tầm nhìn, sứ mệnh được gửi gắm qua các thông điệp, thường “gấp nhau” ở điểm chung là: “nâng cao chất lượng sống cho người tiêu dùng”, “vì một cộng đồng khỏe mạnh”, “vì một thế giới tốt đẹp hơn”,... Một doanh nhân tâm niệm rằng: “Bán hàng không phải là lấy được tiền, lợi nhuận về cho mình, mà phải chạm đến trái tim, giữ trọn niềm tin của khách hàng”. Xu thế tiêu dùng xanh, bền vững luôn được quan tâm. Văn hoá doanh nghiệp, trách nhiệm cộng đồng luôn đặt lên hàng đầu. Sự mới mẻ, sáng tạo trong từng sản phẩm được chăm chút, giới thiệu. Đơn cử như mặt hàng muối, không chỉ là một loại muối ăn gia vị, mà kết hợp với các loại thảo dược trở thành dược phẩm, mỹ phẩm cao cấp..., đáp ứng đa dạng nhu cầu tiêu dùng.

Đi cùng nhau, đi xa hơn. Năng lực của đội ngũ nhân sự, những người bạn tiếp sức với doanh nghiệp trên suốt hành trình, có vai trò quyết định. Một doanh nhân đã bày tỏ: “Nếu lấy đi nhà máy, mà vẫn để lại đội ngũ nhân lực mạnh thì rồi sẽ có nhà máy mới ra đời còn tốt hơn. Ngược lại, nếu lấy đi đội ngũ nhân lực mạnh, thì nhà máy dù lớn mạnh thế nào rồi sẽ tan rã”. Vì vậy mà có người đúc kết

rằng: “Tổng kết thành công của cả đời tôi chỉ gói gọn trong triết lý: hãy tạo hạnh phúc cho nhân viên của mình. Đơn giản vậy thôi!”.

Trao đổi về tầm quan trọng của chiến lược, quản trị, thương hiệu, văn hoá trong doanh nghiệp, không ít doanh nhân, doanh nghiệp phản hồi rằng, đầu biết những điều ấy là quan trọng, nhưng trong bối cảnh vô cùng khó khăn này, mục tiêu “kiếm gạo” đã chi phối hết tâm trí, còn đâu mà lo xa nữa. Tôi thấu hiểu nỗi niềm lo lắng đó, nhưng thử nghĩ ngược lại, nếu biết “liệu cơm gắp mắm”, nếu biết lo xa, thì mới có thể bền bỉ đi tiếp chặng đường dài.

Đội ngũ Doanh nông trải khắp chiều dài đất nước, từ miền ngược đến miền xuôi, từ đồng bằng đến vùng núi, hải đảo đã, đang và sẽ góp phần vào sự trù phú cho nền nông nghiệp nước nhà. Vẫn biết, kinh doanh thì cần đến lợi nhuận, mới có thể tồn tại và phát triển. Trong các nấc thang nhu cầu, chắc hẳn doanh thu và lợi nhuận thường là nấc thang đầu tiên mà các doanh nghiệp hay nhắc đến. Tuy nhiên, vì là nấc thang đầu tiên, nên đó là bước đệm cho những nấc thang kế tiếp, chứ không phải là mục tiêu duy nhất. Những nấc thang tiếp đến, đó là sự ghi nhận, tôn trọng từ cộng đồng, từ xã hội. Và xa hơn là giá trị tạo ra cho cộng đồng và trao gửi cho thế hệ mai sau. Với bất cứ quy mô sản xuất, kinh doanh nào, cũng đều có thể tạo ra giá trị cho cộng đồng, đóng góp từng điều thiết thực cho nền nông nghiệp, cho sự phát triển chung.

Xin gửi đến các “Doanh nông” thân mến lời chúc: trí tuệ rộng mở, sức khoẻ dồi dào, guồng chân khoẻ khoắn để tiếp tục vững chãi trên hành trình cùng hiện thực hoá khát vọng Nông nghiệp Việt Nam.

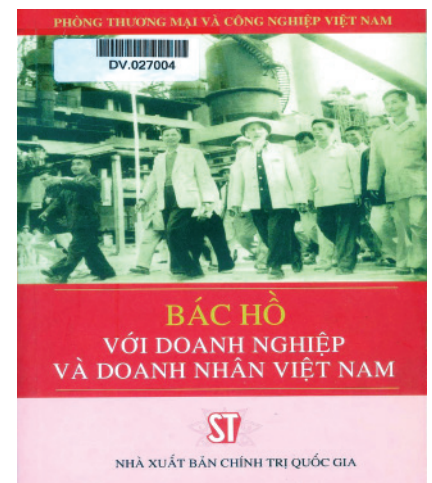
LÊ MINH HOAN





Bác Hồ về thăm Khu Gang thép Thái Nguyên năm 1964. (Ảnh tư liệu)

Ngay sau khi thành lập nước, ngày 13/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho giới công thương Việt Nam. Trong thư, Người xác định rõ vai trò, vị trí, trách nhiệm và việc phát huy vai trò, vị trí, trách nhiệm của đội ngũ doanh nhân để kiến thiết đất nước. Thực hiện lời dạy của Người, Đảng và Nhà nước ta luôn có chiến lược xây dựng và phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



Cuốn sách “Bác Hồ với doanh nghiệp và doanh nhân Việt Nam” gồm 74 bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ ngày đầu thành lập nước đến năm 1969 liên quan đến sự phát triển kinh tế và doanh nghiệp, doanh nhân Việt Nam. (Ảnh tư liệu)

Xây dựng đội ngũ doanh nhân theo tâm thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh

THI THI

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành tâm huyết, tình cảm và sự quan tâm đặc biệt cho giới doanh nhân Việt Nam. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền cách mạng còn non trẻ, giữa bộn bề việc Nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn dành thời gian để gặp gỡ giới doanh nghiệp và doanh nhân.

Trong Tuần lễ Vàng, các nhà công thương Hà Nội là giới chức xã hội đầu tiên được Bác tiếp tại Phủ Chủ tịch. Một tháng sau, ngày 13/10/1945, Người viết thư động viên giới doanh nghiệp và doanh nhân tham gia Công thương cứu quốc đoàn. Bức thư chưa đầy 200 chữ của Bác có thể coi như văn kiện đầu tiên của Đảng và Nhà nước ta đối với doanh nghiệp, doanh nhân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh mở đầu bức thư một cách thân mật và trân trọng: “Cùng các

Ngài trong giới công thương”. Khẳng định vị trí của giới doanh nhân là một thành viên của hệ thống chính trị của đất nước, Người viết: “Được tin giới công thương đã đoàn kết lại thành Công thương cứu quốc đoàn và gia nhập vào Mặt trận Việt Minh, tôi rất vui mừng”. Trong thư, Người cũng đã xác định vai trò của giới doanh nhân là “phải hoạt động để xây dựng một nền kinh tế và tài chính vững vàng và thịnh vượng”.

Về mối quan hệ giữa giới doanh nhân



Bác Hồ về thăm Xưởng May 10 năm 1959. (Ảnh tư liệu)

Ngày 10/10/2023, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết 41-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) về xây dựng và phát triển đội ngũ doanh nhân thời kỳ mới, thay cho Nghị quyết 09-NQ/TW được ban hành cách đây 12 năm. Nghị quyết số 41-NQ/TW định hướng cho một giai đoạn phát triển mạnh mẽ tiếp theo của các doanh nghiệp nước ta, góp phần xây dựng đội ngũ doanh nhân Việt Nam lớn mạnh, đủ sức gánh vác nhiệm vụ tiên phong thực hiện mục tiêu và khát vọng đưa nước ta trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.”

với đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Việc nước và việc nhà bao giờ cũng đi đôi với nhau. Nền kinh tế quốc dân thịnh vượng nghĩa là các sự kinh doanh của các nhà doanh nghiệp thịnh vượng”. Đồng thời, Người cũng chỉ rõ trách nhiệm của các cơ quan công quyền đối với sự nghiệp phát triển của doanh nghiệp, doanh nhân: “Chính phủ, Nhân dân và tôi sẽ tận tâm giúp đỡ giới thương nhân trong công cuộc kiến thiết này”.

Bức tâm thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi giới công thương cách đây 78 năm được coi như Tuyên ngôn về vai trò, sứ mệnh của doanh nhân Việt Nam. Thực hiện tâm thư của Người, Đảng và Nhà nước ta luôn có chiến lược xây dựng và phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước cùng với các cơ chế, chính sách hỗ trợ kịp thời, cộng đồng

doanh nghiệp, doanh nhân Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ. Theo “Sách trắng Doanh nghiệp năm 2022” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cả nước có 857.551 doanh nghiệp đang hoạt động, có khoảng 14,4 nghìn hợp tác xã và hơn 5 triệu hộ kinh doanh. Khu vực doanh nghiệp đóng góp hơn 60% GDP, khoảng 30% tổng số lao động đang làm việc...

Tuy vậy, cũng phải nhìn nhận một thực tế là, hiện đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân của nước ta vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước, chưa đúng như kỳ vọng trong tâm thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh cách đây 78 năm. Trong tâm thư, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn đội ngũ doanh nhân là “việc nước việc nhà phải đi đôi với nhau”. Đây là lời dạy rất quan trọng của Bác đối với doanh nhân trong sự nghiệp làm giàu, trong việc phụng sự đất nước, phụng sự Nhân dân, là yêu cầu cơ bản của

đạo đức, văn hóa kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nhân, doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện vẫn còn một bộ phận doanh nhân chưa tuân thủ đúng pháp luật, thiếu trách nhiệm xã hội; chưa xây dựng được văn hóa kinh doanh chung, chưa liên kết chặt chẽ trong hoạt động.

Dành sự quan tâm đặc biệt cho doanh nghiệp, doanh nhân nên ngoài tâm thư ngày 13/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có rất nhiều bài nói, bài viết liên quan đến đội ngũ này. Năm 2008, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (nay là Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam) phối hợp cùng Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật đã tập hợp các bài viết, bài nói của Người, xuất bản cuốn sách “Bác Hồ với doanh nghiệp và doanh nhân Việt Nam”. Trong cuốn sách này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những chỉ dẫn để xây dựng, phát triển đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân Việt Nam vững mạnh.

Người căn dặn, các doanh nhân phải đoàn kết (đoàn kết nội bộ, đoàn kết trên dưới, đoàn kết giữa cán bộ công nhân và đồng bào địa phương); phải chăm lo đào tạo nguồn nhân lực, phải xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của cán bộ công nhân viên... Bác dặn, sản xuất phải “nhanh, nhiều, tốt, rẻ”, người sản xuất phải thực thà, sản xuất hàng hóa tốt cho đồng bào dùng, không nên trưng bày hàng tốt mà bán hàng xấu. Người yêu cầu phải đẩy mạnh phong trào thi đua trong các doanh nghiệp, thường xuyên tổng kết những kinh nghiệm tốt, những điển hình hay để nhân rộng trong cả nước.

Những chỉ dẫn của Người vẫn đang có ý nghĩa thời sự việc xây dựng, phát triển đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân trong bối cảnh cả nước đang ra sức thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Để nước ta trở thành một nước có thu nhập cao vào năm 2045, một trong những giải pháp được Đại hội XIII của Đảng xác định là: “Phát triển nhanh, hài hòa các khu vực kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế”.

Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) tiếp tục nhấn mạnh, nông nghiệp là lợi thế quốc gia, trụ đỡ của nền kinh tế. Để đảm trách tốt vai trò đó, ngành Nông nghiệp phải tiếp tục tái cơ cấu, đồng thời xác định công tác sử dụng người tài và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có ý nghĩa then chốt, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn từ những ngày đầu thành lập nước Việt Nam mới: “Nhà nước cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài”.



Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời cụ Huỳnh Thúc Kháng (hàng đầu, bên phải) tham gia Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, năm 1946 (Ảnh: Tư liệu)

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp bắt đầu từ nguồn nhân lực

TÙNG NGUYỄN

Trọng dụng người tài đức

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi người tài đức là nhân tố có tính quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Trong thực tiễn lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, Hồ Chí Minh là người thầy tiêu biểu trong cách tuyển dụng nhân tài để “trị nước” trong bối cảnh mới của đất nước, nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Theo tài liệu “Hồ Chí Minh toàn tập” (Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 4), sau Cách mạng Tháng Tám, ngày 20/11/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có bài viết “Tìm người tài đức” đăng trên Báo Cứu quốc (tiền thân của Báo Đại đoàn kết hiện nay) số 411. Trong bài viết, Người chỉ rõ: “Nhà nước cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài”. Và Người yêu cầu: “Các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết. Báo cáo phải nói rõ tên tuổi, nghề nghiệp, tài năng, nguyện vọng và chỗ ở của người đó”.

Từ lời kêu gọi của Người, nhiều người

tài đức, các nhân sĩ, trí thức ở trong nước và ngoài nước đã theo Đảng, Bác Hồ, đóng góp trí tuệ cho hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cũng như cho công cuộc xây dựng hòa bình, phát triển đất nước. Trong số những nhà trí thức yêu nước đã từ bỏ vị trí công tác tại nước ngoài trở về đóng góp cho sự nghiệp cách mạng của đất nước theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhà nông học Lương Định Của – nhà bác học của đồng ruộng. Năm 1951, ông được Nhật Bản trao bằng Bác sĩ Nông học - học vị cao nhất ở Nhật Bản lúc bấy giờ; đồng thời ông cũng là một trong những nhà khoa học đi tiên phong trong nghiên cứu sinh học của thế giới.

Năm 1952, theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông cùng vợ con trở về Việt Nam. Ông là người có công lớn trong giáo dục, đào tạo nhiều thế hệ học trò trở thành cán bộ đầu ngành trong các lĩnh vực khoa học nông nghiệp Việt Nam. Không chỉ lai tạo thành công nhiều giống cây trồng (lúa, dưa hấu không hạt, dưa lê, khoai lang, rau muống, đu đủ,...), ông còn đề xướng các mô hình canh tác: “bờ vùng, bờ thửa”, “cây nông tay thẳng hàng”, “đảm bảo mặt

độ”... được hàng triệu nông dân Việt Nam áp dụng thành công trên diện rộng, tạo ra một cuộc cách mạng trong nông nghiệp, giúp nâng cao năng suất cây trồng, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của cách mạng cả nước.

Quan tâm đào tạo nhân tài

Cùng với trọng dụng người tài đức, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chăm lo công tác đào tạo cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”. Trong tài liệu “Hồ Chí Minh toàn tập” (Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 7) lưu rõ lời căn dặn của Người: “Trong việc kiến thiết nước nhà về mọi mặt, ta thiếu rất nhiều cán bộ như kỹ sư, chuyên gia, thợ lành nghề, thầy dạy học,... Vì vậy, ta phải phát triển mạnh đại học và chuyên nghiệp”.

Để đào tạo nhân tài, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng, Nhà nước ta-đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã cử những thanh niên ưu tú nhất ra nước ngoài học tập để chuẩn bị cho công cuộc xây dựng đất nước sau này. Một trong những thanh niên ưu tú đầu tiên được cử ra nước ngoài học tập là GS. Lê Duy Thuốc, sinh năm 1918, tại Diễn Châu, Nghệ An. Năm 1951, khi đang làm Phó Đồng lý Văn phòng Bộ

Canh Nông (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn), ông được cử đi học ở Liên Xô, đến năm 1955 về nước tiếp tục công tác tại Bộ Canh nông.

Từ 1976 đến 1983, ông là Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp I – nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Ông được phong học hàm Giáo sư đợt đầu năm 1980, danh hiệu Nhà giáo Nhân dân và được coi là “Ông tổ” của ngành khoa học Đất Việt Nam. Cụm công trình “Điều tra, phân loại, lập bản đồ đất Việt Nam tỷ lệ 1/500.000” của ông cùng các cộng sự được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 2 (năm 2000) trong lĩnh vực khoa học Nông nghiệp.

Việc ươm mầm những “hạt giống” để trở thành những nhà khoa học hàng đầu cho thấy tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao. Người không chỉ thấy hiện tại mà còn thấy cả tương lai, không chỉ dành tâm huyết trước mắt cho sự nghiệp cách mạng mà còn chăm lo vun trồng cho cái gốc của sự phát triển bền vững của đất nước.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có giá trị thời đại, đặc biệt đối với việc đào tạo nguồn nhân lực trong ngành Nông nghiệp hiện nay.

Trong bối cảnh cạnh tranh và toàn cầu hóa, nguồn nhân lực là tài sản quan trọng nhất của mỗi quốc gia.

Tuy nhiên, đối với ngành Nông nghiệp nước ta, hiện nguồn nhân lực không chỉ thiếu về số lượng và còn yếu về chất lượng. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2022, cả nước có hơn 521 nghìn sinh viên nhập học ở 25 lĩnh vực đào tạo thì chỉ có 7.100 sinh viên nhập học khối ngành nông-lâm-thủy sản và thú y, chỉ chiếm tỷ lệ 1,37%. Trước đó, cũng theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong 3 năm liên tiếp (2019, 2020, 2021) khối ngành nông-lâm-thủy sản và thú y đứng đầu danh sách các lĩnh vực tuyển sinh ít nhất.

Đây rõ ràng là điểm nghẽn trong mục tiêu phát triển bền vững nền nông nghiệp nước nhà. Bởi vậy, muốn làm tốt vai trò là “trụ đỡ” của nền kinh tế thì ngành Nông nghiệp phải tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành, bắt đầu từ nguồn nhân lực, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Kiến thiết cần phải có nhân tài”. Có như vậy mới thực hiện thắng lợi tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “Công nghiệp hóa,

hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.■



Nông nghiệp công nghệ cao là ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp.

Đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp chất lượng cao là yêu cầu cấp thiết. (Trong ảnh: Sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam trong giờ thực hành. Ảnh: Thiếu Trang)





Phát huy kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm của nhiệm kỳ qua, nhiệm kỳ 2023 – 2028, Hiệp hội Đầu tư xây dựng – Dịch vụ nông, lâm nghiệp Việt Nam (Vicsafa) đặt mục tiêu chiêu tài đãi sĩ, thu hút những hội viên có cùng trí hướng, có trình độ chuyên môn lý luận cao, những doanh nghiệp thành đạt để cùng xây dựng và phát triển Hiệp hội lên tầm cao mới.

Chủ tịch Hiệp hội Nguyễn Văn Sơn trình bày dự thảo báo cáo tổng kết hoạt động Hiệp hội nhiệm kỳ 2016 - 2023.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ II CỦA VICSAFA:

Dân chủ - Trách nhiệm - Hiệu quả



Ban Thường vụ Hiệp hội nhiệm kỳ 2023 - 2028 ra mắt tại Đại hội.

KHÁNH THI

NHIỀU KẾT QUẢ NỔI BẬT

Ngày 24/9/2023, tại Hà Nội, Hiệp hội Đầu tư xây dựng – Dịch vụ nông, lâm nghiệp Việt Nam đã tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II, nhiệm kỳ 2023 – 2028. Tham dự đại hội có đại diện các Ban, Bộ, Ngành Trung ương, đại diện Đảng ủy Khối Doanh

nh nghiệp quận Tây Hồ, đại diện các hiệp hội cùng các hội viên của Vicssafa đến từ các tỉnh, thành phố trên cả nước.

Dự thảo Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2016 – 2023; phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp hoạt động nhiệm kỳ 2023 – 2028 do ông Nguyễn Văn Sơn - Chủ tịch Hiệp hội Đầu tư xây dựng - Dịch vụ nông, lâm nghiệp Việt Nam, trình bày tại Đại hội cho thấy: Hiệp hội

Đầu tư xây dựng - Dịch vụ nông, lâm nghiệp Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 603/QĐ-BNV ngày 06/4/2016 của Bộ Nội vụ. Ngày 15/4/2016, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Hiệp hội đã được tổ chức, bầu ra Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Ban Kiểm tra nhiệm kỳ 2016 - 2021. Đại hội đã bầu ông Nguyễn Văn Sơn làm Chủ tịch Hiệp hội nhiệm kỳ I.

Trong nhiệm kỳ I, Hiệp hội đã kiện toàn và hoạt động thường xuyên Văn phòng Hiệp hội, Ban Kinh tế, Ban Đối ngoại, Ban Kiểm tra; thành lập được 04 viện nghiên cứu, một Trung tâm và 02 Văn phòng đại diện, 01 cơ quan đại diện tại TP. Hồ Chí Minh. Đồng thời, Hiệp hội đã tập hợp được nhiều hội viên cá nhân và doanh nghiệp, hợp tác xã, trại chăn nuôi, hộ kinh doanh...; liên kết với các đơn vị bạn như: Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hiệp hội Những người lao động sáng tạo... Cùng với nhiệm vụ chuyên môn, Hiệp hội đã phối hợp với Đảng ủy Khối Doanh nghiệp quận Tây Hồ thực hiện thủ tục thành lập Chi bộ của Hiệp hội - thuộc Đảng ủy Khối Doanh nghiệp quận Tây Hồ.

Trong nhiệm kỳ qua, Hiệp hội đã tích cực tham gia các hội thảo, hội nghị do các Ban, Bộ, Ngành, cơ quan Trung ương và địa phương tổ chức liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội. Công tác tuyên truyền về

hoạt động của Hiệp hội và phát triển hội viên đã được Ban lãnh đạo Hiệp hội chú trọng thực hiện trong nhiệm kỳ qua...

Tháng 8/2021, Hiệp hội được Ban Tuyên giáo Trung ương và Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép thành lập Tạp chí Doanh nghiệp và Kinh tế xanh – Cơ quan ngôn luận của Hiệp hội. Hiệp hội đã tăng cường xây dựng bộ máy lãnh đạo Tạp chí theo quy định của Đảng và Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Từ khi thành lập đến nay, Tạp chí Doanh nghiệp và Kinh tế xanh đã tuyên truyền sâu rộng góp phần nâng cao vai trò, vị thế của Hiệp hội; hỗ trợ thiết thực, hiệu quả vào công tác sản xuất kinh doanh của của hội viên, công tác tuyên truyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên cũng như công tác phát triển hội viên trong thời gian tới.

DÂN CHỦ, THẮNG THẦN, TRÁCH NHIỆM

Phát huy kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm của nhiệm kỳ qua, nhiệm kỳ 2023 – 2028, Hiệp hội Đầu tư xây dựng – Dịch vụ nông, lâm nghiệp Việt Nam đặt mục tiêu chiêu tài đãi sĩ, mời những hội viên có cùng trí hướng, có trình độ chuyên môn lý luận cao, những doanh nghiệp thành đạt tham gia vào vị trí lãnh đạo phù hợp của Hiệp hội để cùng xây dựng

và phát triển Hiệp hội lên tầm cao mới.

Hiệp hội thực hiện chủ trương đồng hành cùng hội viên trong sản xuất kinh doanh, đóng góp tích cực mọi khả năng sẵn có về sức người, sức của và trí tuệ, cùng hội viên tạo ra sản phẩm hàng hóa năng suất, chất lượng, có giá trị; không ngừng nâng cao năng suất lao động, tạo thu nhập cho hội viên. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về chức năng, nhiệm vụ của Hiệp hội nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên; phát huy hiệu quả vai trò của Tạp chí Doanh nghiệp và Kinh tế xanh, các Viện, các đơn vị trực thuộc và các Văn phòng đại diện

Tại Hội nghị lần thứ Nhất, Ban Chấp hành Hiệp hội Đầu tư xây dựng – Dịch vụ nông, lâm nghiệp Việt Nam nhiệm kỳ 2023 – 2028 đã bầu Ban Thường vụ gồm 05 Ủy viên, bầu Ban Kiểm tra gồm 03 Ủy viên; bầu Chủ tịch và 03 Phó Chủ tịch Hiệp hội. Ông Nguyễn Văn Sơn tái đắc cử Chủ tịch Hiệp hội Đầu tư xây dựng – Dịch vụ nông, lâm nghiệp Việt Nam nhiệm kỳ 2023 – 2028.

trong việc tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên.

Hiệp hội sẽ tiếp tục tăng cường phối hợp với các Ban, Bộ, Ngành, đoàn thể Trung ương và các Viện nghiên cứu, các Trường đại học tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học về lĩnh vực kinh tế nông, lâm nghiệp, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nhân trong đầu tư, phát triển các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững ở Việt Nam...

Tại Đại hội, sau khi nghe Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Báo cáo Tài chính, Báo cáo thực hiện Điều lệ Hiệp hội nhiệm kỳ 2016 – 2023, trên tinh thần dân chủ, thẳng thắn, trách nhiệm, các đại biểu đã thảo luận, đánh giá những ưu nhược điểm trong nhiệm kỳ qua, đồng thời kiến nghị những giải pháp để đưa Hiệp hội tiếp tục phát triển vững mạnh trong giai đoạn tới. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Hiệp hội Đầu tư, xây dựng – Dịch vụ nông, lâm nghiệp nhiệm kỳ 2023 – 2028. Đại hội cũng đã quyết nghị thông qua các văn kiện trình tại Đại hội và Nghị quyết Đại hội lần thứ II, nhiệm kỳ 2023 – 2028.■



Các đại biểu bỏ phiếu bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra nhiệm kỳ 2023 – 2028.



Đại biểu bỏ phiếu bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hiệp hội nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Đồng lòng phát triển Hiệp hội lên tầm cao mới

HƯƠNG LAN

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II – nhiệm kỳ 2023 -2028 của Hiệp hội Đầu tư xây dựng – Dịch vụ nông, lâm nghiệp Việt Nam diễn ra ngày 24/9/2023. Tại Đại hội, trên tinh thần thẳng thắn, dân chủ và trách nhiệm, các đại biểu đã đóng góp các ý kiến tâm huyết nhằm xây dựng và phát triển Hiệp hội lên tầm cao mới.



Đại biểu Lê Hữu Quế.

Đại biểu Lê Hữu Quế - Phó Chủ tịch Thường trực Hiệp hội: Trong nhiệm kỳ qua, dù phải hoạt động trong điều kiện cơ sở vật chất, tài chính và kinh nghiệm còn rất nhiều hạn chế nhưng Hiệp hội Đầu tư xây dựng – Dịch vụ nông, lâm nghiệp Việt Nam đã triển khai được nhiều hoạt động theo đúng Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ I để ra. Để có được những kết quả đó, trước hết là nhờ tinh thần đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

Để phát huy những kết quả đã đạt được

trong nhiệm kỳ qua và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2023 - 2028, trong nhiệm kỳ tới cần kiện toàn, xây dựng Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hiệp hội gồm những thành viên có năng lực, tâm huyết, có tư duy đổi mới, sáng tạo và ý chí, quyết tâm. Hiệp hội cần tăng cường kết nạp hội viên là những doanh nhân chủ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, các hợp tác xã trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng, dịch vụ nông, lâm nghiệp ...; nâng cao hoạt động của Chi bộ Hiệp hội, thành lập thêm Chi bộ của Tạp chí Doanh nghiệp và



Đại biểu Đỗ Ngọc Thi.



Đại biểu Nguyễn Hùng Việt.



Đại biểu Trần Gia Bình.

Kinh tế xanh để Tập chí hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Đại biểu Đỗ Ngọc Thi – Trưởng Ban Biên tập Tạp chí Doanh nghiệp và Kinh tế xanh: Là cơ quan ngôn luận của Hiệp hội, với sự quan tâm của các Ban, Bộ, Ngành Trung ương, của Hiệp hội và của các đối tác, Tạp chí Doanh nghiệp và Kinh tế xanh xác định phải luôn luôn đổi mới, tiếp tục nâng cao chất lượng nội dung và hình thức, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của Hiệp hội giao; đáp ứng kỳ vọng của các nhà khoa học và bạn đọc quan tâm. Để nâng cao công tác truyền thông, góp phần vào sự phát triển của Hiệp hội, Tạp chí mong muốn Hiệp hội tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn bộ máy nhân sự của Tạp chí, đặc biệt là tiếp tục kiện toàn, bổ sung nhân sự Ban Biên tập, Hội đồng biên tập; đề nghị lãnh đạo Hiệp hội chỉ đạo việc tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ thông tin, đặt mua phát hành tạp chí đến các đơn vị trực thuộc và từng

hội viên, tạo sự gắn kết với các hội viên, doanh nghiệp, đơn vị thành viên của Hiệp hội; ngoài tổ chức Chi hội Nhà báo của Tạp chí mới được thành lập, lãnh đạo Hiệp hội cho chủ trương thành lập Chi bộ của Tạp chí để sớm đi vào hoạt động ổn định, nề nếp; lãnh đạo Hiệp hội cho chủ trương, cơ chế đầu tư nâng cấp hạ tầng Tạp chí điện tử để đáp ứng với yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Đại biểu Nguyễn Hùng Việt (TP. Hồ Chí Minh): Tôi nhất trí cao với các báo cáo của Ban Chấp hành nhiệm kỳ 2016 – 2023 trình bày tại Đại hội. Trong thời gian tới, Hiệp hội cần có định hướng cụ thể cho sự phát triển của Hiệp hội tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam. Bước đi trọng tâm vào lĩnh vực kinh tế xanh của Hiệp hội là hoàn toàn xác đáng. Hiệp hội cần tích cực tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn xung quanh nội dung này để góp phần thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn, chống biến đổi khí hậu theo chủ trương của Đảng, Nhà nước.

Đại biểu Trần Gia Bình (TP. Hồ Chí Minh): Trong nhiệm kỳ tới, đề nghị Hiệp hội phát triển thêm văn phòng tại các địa phương, mở rộng thành viên Hiệp hội trên nhiều tỉnh thành của cả nước. Tăng cường phối hợp, hợp tác với những hiệp hội cùng ngành nghề, lĩnh vực hoạt động tích cực, hiệu quả,... Muốn đi nhanh thì đi một mình, đi xa thì đi cùng nhau. Vì vậy, Hiệp hội cần tăng cường hơn nữa trong công tác phát triển hội viên, đồng hành cùng hội viên trong sản xuất, kinh doanh, đóng góp tích cực mọi khả năng sẵn có về sức người, sức của và trí tuệ để tạo ra những sản phẩm hàng hóa năng suất, chất lượng, có giá trị. Không ngừng nâng cao năng suất lao động, tạo thu nhập cho Hiệp hội và hội viên. Tạp chí Doanh nghiệp và Kinh tế xanh – với vai trò là cơ quan ngôn luận của Hiệp hội, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền giới thiệu về sản phẩm cũng như doanh nghiệp của hội viên Hiệp hội. ■



Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung hoạt động của Hiệp hội nhiệm kỳ 2023 – 2028.



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính gặp mặt các doanh nhân tiêu biểu nhân ngày 11/10/2023 nhân Kỷ niệm Ngày Doanh nhân Việt Nam.
(Ảnh: TTXVN)

Khơi dậy tinh thần doanh nhân

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn năm 2021 - 2030 trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất hai triệu doanh nghiệp, với tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP đạt từ 60 - 65%. Hướng tới mục tiêu này, ngày 10/10/2023, Bộ Chính trị (khóa XIII) đã ban hành Nghị quyết số 41/NQ-TW về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới, từ đó huy động sự vào cuộc mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị, khơi dậy tinh thần cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân.



PHÚC LÂM

ĐIỂM NHẤN TỪ NGHỊ QUYẾT SỐ 09-NQ/TW

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp (DN), phát huy vai trò của doanh nhân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Đặc biệt, ngày 09/12/2011, Bộ Chính trị (khóa XI) đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Nghị quyết đặt ra mục tiêu là tiếp tục phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam lên tầm vóc mới, đảm bảo tương ứng với yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Triển khai thực hiện Nghị quyết, với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị đã tạo điều kiện cho cộng đồng DN, doanh nhân phát triển.

Số liệu của Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án

Vingroup đã áp dụng thành công các mô hình kinh tế tuần hoàn, đáp ứng linh hoạt trước sự biến động của thế giới hiện đại.
(Ảnh: Vingroup)

tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW cho thấy, cả nước hiện có khoảng 900 nghìn DN đang hoạt động, khoảng 15,3 nghìn HTX và khoảng 5,6 triệu hộ kinh doanh (trong đó khoảng 1,6 triệu hộ có mã số thuế). Nếu chỉ tính các hộ kinh doanh có mã số thuế, cả nước có gần 4 triệu doanh nhân; còn nếu xét cả các hộ kinh doanh không có mã số thuế, cả nước có hơn 7 triệu doanh nhân. Việt Nam hiện có 124 DN, với 283 sản phẩm là thương hiệu quốc gia, một số thương hiệu gây được tiếng vang và khẳng định giá trị thương hiệu trên thị trường khu vực và thế giới; có 7 doanh nhân lọt vào top tỷ phú USD toàn cầu.

Đánh giá về kết quả sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, Ủy viên Bộ Chính trị - Trưởng ban Kinh tế Trung ương Trần Tuấn Anh cho rằng, đội ngũ doanh nhân nước ta đã không ngừng lớn mạnh trong thời gian vừa qua. Đội ngũ này đóng vai trò rất quan trọng trong thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, tạo ra công ăn việc làm, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, phục vụ cho xóa đói, giảm nghèo và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh đất nước đang hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng.

TIẾP LỬA TINH THẦN DOANH NHÂN

Sự phát triển của DN, doanh nhân trong hơn một thập kỷ qua rất đáng ghi nhận, nhưng những tồn tại, hạn chế của DN, doanh nhân Việt cũng đã được chỉ ra. Trong đó, việc nhiều DN mới được thành lập song hành với nhiều DN tạm ngừng hoạt động, hoặc giải thể là thực trạng đáng quan ngại. Theo một báo cáo chuyên đề của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), giai đoạn 2011 - 2020, trung bình mỗi

Trong thời điểm khó khăn nhất cũng là lúc những DN tỷ USD như Vietjet, TH True Milk khởi nghiệp. (Ảnh minh họa)

năm có 103.529 DN thành lập mới nhưng lại có 76.140 DN rút khỏi thị trường.

Còn trong 9 tháng năm 2023, theo số liệu của Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), cả nước có 116,3 nghìn DN đăng ký thành lập mới, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2022. Tuy nhiên, cả nước có tới 5,8 nghìn DN tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 21,2%, 46,1 nghìn DN ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 26,9%; 13,2 nghìn DN hoàn tất thủ tục giải thể.

PGS. TS Trần Đình Thiên - nguyên Viện trưởng Kinh tế Việt Nam, cho rằng, nhìn vào bức tranh kinh tế thì phải nhìn vào DN, vì đó là chủ thể chính của nền kinh tế. Ông Thiên nhấn mạnh, 70% số DN phải rời bỏ thị trường với “tuổi thọ” trung bình chỉ khoảng 4 - 5 năm. Quá trình hoạt động đó gần như chưa có đóng góp gì, là một sự lãng phí nguồn lực rất lớn trong xã hội. 30% số DN trụ lại phải cần 30 - 40 năm mới vươn ra được thị trường thế giới vì xuất phát điểm thấp, quy mô vốn và lao động nhỏ.

Những mối lo nhất - theo các chuyên gia kinh tế, là nằm ở tinh thần của doanh nhân. Sự chững lại của cải cách môi trường kinh doanh, tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm trong các cơ quan quản lý và sự chống chọi của quy định pháp luật đang làm giảm sút động lực của doanh nhân, DN. Báo cáo của Bộ Kế hoạch và

Đầu tư cho thấy, 5 năm vừa qua, rất ít dự án, công trình mới của DN nhà nước được khởi công. Hầu như các DN chỉ thực hiện những dự án dở dang hoặc xử lý dự án tồn đọng từ giai đoạn trước.

Tuy nhiên, theo TS. Vũ Tiến Lộc - Ủy viên Ủy Ban Kinh tế của Quốc hội, Chủ tịch Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), thời điểm khó khăn nhất cũng là lúc những DN tỷ USD như Vietjet, TH True Milk khởi nghiệp; hay Vingroup, Thaco,... có bước đi mới để vươn mình. Khi cộng đồng DN vừa bước ra khỏi đại dịch COVID - 19, sẽ là một thế hệ DN kế tiếp được sinh ra, gồm những con sếu đầu đàn đã trưởng thành cùng đội ngũ doanh nhân mới khởi nghiệp từ sự đam mê, ý chí, khát vọng mang tầm thời đại. Đây là thế hệ doanh nhân phụng sự, những người đặt lợi ích của dân tộc, của quốc gia lên trên hết.

Để khơi dậy tinh thần doanh nhân, trước thời điểm Kỷ niệm 19 năm Ngày Doanh nhân Việt Nam (13/10/2004 - 13/10/2023), ngày 10/10/2023, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới, thay thế Nghị quyết số 09-NQ/TW. Nghị quyết 41-NQ/TƯW đã giao trách nhiệm cụ thể cho các Ban, Bộ, Ngành Trung ương, các địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong việc xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới. Nghị quyết được ban hành đúng ngày “Tết Doanh nhân” là niềm động viên to lớn để đội ngũ doanh nhân Việt Nam tiếp tục cống hiến, tiên phong thực hiện mục tiêu và khát vọng đưa nước ta trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.■

Trong hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, các cơ quan quản lý đã xây dựng và trình Quốc hội ban hành 12 đạo luật quan trọng liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh của DN như: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp (năm 2014 và 2020), Luật Đầu thầu, Luật Hợp tác xã, Luật Quy hoạch, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. . . Các văn bản quy phạm pháp luật đã tạo ra bước đột phá về cải cách thể chế, bảo đảm quyền tự do kinh doanh của người dân và DN.”



Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2023-2030

TS. VŨ MẠNH HÙNG
Vụ trưởng Vụ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn -
Ban Kinh tế Trung ương

KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO NHÂN LỰC NGÀNH NÔNG NGHIỆP

Tính đến hết tháng 12/2022, có khoảng 13.937.600 lao động hoạt động trong ngành Nông nghiệp, chiếm 27,54% trong tổng số lao động cả nước. Trong 10 năm thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, cả nước có gần 10 triệu lượt người được học nghề, trong đó có 4,6 triệu người được hỗ trợ đào tạo. Riêng đối với đào tạo nghề nông nghiệp, cả nước đã đào tạo được 2,84 triệu lượt người; trong đó: sơ cấp nghề đạt 0,87 triệu người (chiếm 30,50%), đào tạo dưới 03 tháng đạt 1,89 triệu người (chiếm 66,55%), trình độ trung cấp là 0,06 triệu người (chiếm 2,02%) và cao đẳng được 0,03 triệu người (chiếm 0,97%). Tỷ lệ lao động nông nghiệp sau đào tạo có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có thu nhập cao hơn đạt trên 90%, năng tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo (có văn bằng, chứng chỉ) từ 6,3% lên 17,2%. Đã chú

“Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao” là một trong ba đột phá chiến lược được Đảng chỉ đạo tại Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và lần thứ XIII; ngành Nông nghiệp Việt Nam với vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế, phải đi tiên phong trong tiến trình đó. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Nông nghiệp có thể nói là giải pháp của giải pháp để hoàn thành mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Nông nghiệp, thực hiện nhiều giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm tiêu chuẩn, thống nhất trong quản lý, đã đào tạo sau đại học được 24.484 người, trong đó: Tiến sỹ 1.145 người, thạc sỹ 23.339 người; đại học, cao đẳng 234.551 người; trung cấp 213.192 người; tổ chức 155 lớp cho 13.322 học viên đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên.

Về cơ sở đào tạo, hiện cả nước có khoảng 54 cơ sở giáo dục đại học, nghiên cứu đào tạo đại học, sau đại học có liên quan đến lĩnh vực Nông nghiệp, với khoảng 325 ngành nghề, hàng năm có khoảng 10.000 cử nhân tốt nghiệp phục vụ các hoạt động khác nhau trong lĩnh vực Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn. So với yêu cầu về số lượng qua đào tạo, con số này còn nhỏ bé. Trong khi đó, việc đào tạo nguồn nhân lực có đủ kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi của nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có vai trò rất quan trọng và cấp thiết. Trong thực tế, phần lớn nguồn nhân lực qua đào tạo cũng mới chỉ tập trung cho khâu sản xuất, chưa có đủ cho khâu tiếp thị, quảng bá sản phẩm, tạo dựng và bảo vệ thương hiệu để tạo đầu ra ổn định cho nông sản.

Bên cạnh các kết quả đạt được, vẫn có một số hạn chế, khó khăn cần khắc phục. Trong đó, lao động nông thôn trình độ còn thấp, đang có xu hướng già hóa (nhóm tuổi từ 50 trở lên gia tăng từ 10,4% năm 2006 lên

15,2% năm 2011 và 26,9% năm 2020). Chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tuy có bước cải thiện, nhưng hiệu quả chưa cao, tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo (tính cả không có bằng, chứng chỉ) đạt 44,5%; lao động nông thôn qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ đạt 10,03%. Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ từ trình độ sơ cấp trở lên được đào tạo còn chiếm tỷ lệ thấp, dưới 5%.

Tỷ lệ học sinh, sinh viên đăng ký các ngành, lĩnh vực nông - lâm - thủy sản giảm mạnh, năm 2022, tỷ lệ này chiếm chưa đến 2% trong tổng số khoảng 520.000 sinh viên nhập học trên toàn quốc và có xu hướng tiếp tục giảm; trong đó có một số ngành nông - lâm - thủy sản truyền thống như: Khoa học đất, khuyến nông, khai thác thủy sản, quản lý và khai thác nguồn lợi biển đảo; lâm sinh, lâm học, quản lý tài nguyên rừng... có rất ít hoặc thậm chí không có sinh viên đăng ký theo học. Chất lượng nguồn nhân lực ngành Nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu cũng là một trong những nguyên nhân làm cho năng suất lao động nông nghiệp thấp, chỉ bằng 44,52% năng suất lao động toàn xã hội, tương đương với 40% của Thái Lan, 30% của Trung Quốc.

NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CHO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Phát triển nguồn nhân lực nói chung và phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp nói riêng luôn được Đảng ta coi là một nhiệm vụ chiến lược của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, góp phần quan trọng trong công cuộc giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội. Qua các kỳ Đại hội Đảng, vấn đề phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp được nhận thức ngày một sâu sắc hơn với những chủ trương, định hướng đúng đắn, phù hợp với tình hình và từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Đại hội XIII của Đảng đã chỉ đạo: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và

các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã chỉ đạo: “Tạo đột phá trong phát triển nhân lực, đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, tận dụng hiệu quả cơ hội Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Đổi mới toàn diện hình thức tổ chức và nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, nhất là lao động trẻ, đáp ứng nhu cầu thị trường. Mở rộng quy mô, ngành nghề đào tạo phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, khoa học - công nghệ, quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu lao động ở nông thôn, chuyển đổi nghề nghiệp

và xuất khẩu lao động. Có chiến lược nâng cao năng suất lao động, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức tư nhân tham gia đào tạo nghề, phát triển thị trường lao động ở nông thôn”.

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/CP, ngày 27/02/2023 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/06/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với 5 nhóm nhiệm vụ, cụ thể:

Thứ nhất, đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tập trung đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, tập trung, quy mô lớn; đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để chuyển đổi một bộ phận lao động nông thôn sang làm công nghiệp, dịch vụ, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và hội nhập quốc tế. Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa thực chất, hiệu quả, bền vững, đi vào chiều sâu, lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, đem lại chuyển biến tích cực, rõ nét hơn về chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.



Đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp, nông thôn luôn là một trong những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Ảnh: TL.

Thứ hai, xây dựng, phê duyệt và triển khai hiệu quả quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung triển khai Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó triển khai phát triển nhanh giáo dục nghề nghiệp khu vực nông thôn nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển của đất nước trong từng giai đoạn.

Thứ ba, xây dựng và tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030”; xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút nguồn lực cho ngành Nông nghiệp, tập trung vào những nhiệm vụ trọng yếu trong quản lý, kiến tạo giá trị mới và theo hướng tăng cường phân cấp cho địa phương. Đổi mới tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức bảo đảm chất lượng năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công vụ. Sắp xếp, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Thứ tư, phân cấp mạnh mẽ hoạt động khuyến nông cho các tổ chức của nông dân và doanh nghiệp; phát triển hệ thống khuyến nông cộng đồng. Khuyến khích doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, ngành hàng tham gia vào quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong đào tạo nghề và khuyến nông.

Thứ năm, xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, khu vực nông thôn. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, Ngành (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch



Nông dân muốn thoát nghèo, làm giàu phải có trình độ.



Khoa học công nghệ đóng góp lớn vào giá trị nông nghiệp.



và Đầu tư, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Đoàn TNCS HCM) theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện ngay trong năm 2023 và 2024, cụ thể: (1) Đề án đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; (2) Đề án hỗ trợ phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả phổ cập giáo dục ở vùng nông thôn; (3) Đề án xây dựng và phát triển mô hình đào tạo, bồi dưỡng nghề gắn với thực hành sản xuất nông nghiệp và giải quyết việc làm tại chỗ cho thanh niên nông thôn; (4) Chương trình đưa lao động

nông nghiệp, thành viên hợp tác xã nông nghiệp đi làm việc và học tập ở các nước nông nghiệp phát triển.

KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CHO NGÀNH NÔNG NGHIỆP

Để tổ chức thực hiện tốt những định hướng của Đảng và Nhà nước về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho nông nghiệp, nông thôn, người viết khuyến nghị một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như sau:

Hoàn thiện thể chế, chính sách đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn: Tổ chức thực hiện tốt các chương trình, đề án đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho nông nghiệp, nông thôn theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/CP,

ngày 27/2/2023 của Chính phủ; xây dựng Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội từng ngành, vùng, địa phương theo hướng mở, tinh gọn, phù hợp, chất lượng và hiệu quả. Hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung các văn bản để đồng bộ hóa các quy định giữa các Luật: Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục, Luật Việc làm, Bộ Luật Lao động. Triển khai các hoạt động đánh giá, sơ kết Luật Giáo dục nghề nghiệp để sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục nghề nghiệp phù hợp với bối cảnh và giai đoạn phát triển mới; hoàn thiện, sửa đổi Luật Hợp tác xã 2012 theo hướng bổ sung việc luật hóa đào tạo nghề và phát triển quỹ dạy nghề trong các hợp tác xã nông nghiệp.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg, trong đó, triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề; tăng cường chuyển đổi số và đào tạo trực tuyến, chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên lực lượng lao động để tạo chuyển biến mạnh mẽ về quy mô, chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp. Hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý đào tạo nghề nói chung và giáo viên, quản lý đào tạo nghề vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa, đặc biệt khó khăn; có chính sách đãi ngộ nhằm khuyến khích lao động lành nghề trong các lĩnh vực, nghề nhân trong các làng nghề tham gia đào tạo nghề tại các cơ

sở đào tạo nghề nông thôn, tại các doanh nghiệp. Hoàn thiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nông thôn tuyển dụng, đào tạo lao động tại chỗ để nâng cao kỹ năng, đáp ứng sự thay đổi của khoa học công nghệ.

Xây dựng và ban hành khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề cho người lao động. Có chính sách tăng cường và khuyến khích chuẩn hóa lao động theo khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia nhằm tăng cường khả năng dịch chuyển của người lao động trong thị trường trong nước và quốc tế; đồng thời nâng cao hiệu quả đào tạo lao động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Phát triển mạng lưới đào tạo và tăng cường các điều kiện về cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, đội ngũ giáo viên cho hoạt động đào tạo nghề: Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đào tạo lao động nông thôn; tăng cường thu hút giáo viên trình độ cao, chuyên môn giỏi, đảm bảo cơ cấu và số lượng; Chú trọng đào tạo bồi dưỡng tăng cường năng lực chuyên môn, kỹ năng mềm cho đội ngũ cán bộ quản lý, người dạy nghề cho lao động nông thôn; thu hút cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề, nông dân sản xuất giỏi... tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn. Chuẩn hoá trong công tác tuyển chọn, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề; thực hiện tốt các chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý dạy nghề. Đầu tư đồng bộ cho các trường trọng điểm, nghề trọng điểm để đào tạo một bộ phận nhân lực chất



Giờ thực hành của sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

lượng cao, đáp ứng yêu cầu của các ngành nghề mũi nhọn, trọng điểm. Chuẩn hoá, hiện đại hoá cơ sở đào tạo nghề. Tăng cường hỗ trợ đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập để xây dựng, sửa chữa nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và các công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho lao động nông thôn, người học nội trú, người khuyết tật; mua sắm, đổi mới trang thiết bị đào tạo tại chỗ, phương tiện vận chuyển thiết bị đào tạo phục vụ dạy nghề lưu động cho lao động nông thôn. Chú trọng các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy nghề, đáp ứng sự thay đổi công nghệ sản xuất, khoa học kỹ thuật và xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động.

Nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu đào tạo: Chính phủ cần chủ động xây dựng và công bố các định hướng phát triển kinh tế trong dài hạn, trung hạn và ngắn hạn trên quy mô cả nước và đối với từng vùng. Trên cơ sở đó hình thành kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đáp ứng cho các nhu cầu của từng ngành và lĩnh vực kinh tế. Đồng thời, thường xuyên theo dõi sự biến chuyển của cơ cấu kinh tế để điều chỉnh kịp thời công tác đào tạo nguồn nhân lực mới cho các ngành đang và sẽ hình thành và đào tạo lại người lao động ở những ngành bị mất đi để giúp họ có đủ năng lực chuyển sang hoạt động ở các

ngành kinh tế mới, đặc biệt trong bối cảnh cơ giới hoá và ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp ngày càng được phổ biến rộng rãi. Nâng cao chất lượng hoạt động dự báo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu việc làm và nhu cầu đào tạo theo lĩnh vực, ngành nghề, cấp trình độ đào tạo; hình thành cơ sở dữ liệu chung về cung cầu thị trường lao động. Bổ sung nhân sự chuyên trách, có chuyên môn dự báo cung - cầu lao động, có khả năng phân tích dự báo thị trường lao động; phân tích các biến động lao động, nhân tố

ảnh hưởng đến cung cầu lao động. Đào tạo, nâng cao năng lực dự báo cho đội ngũ cán bộ đang làm công tác dự báo.

Đổi mới và phát triển các chương trình, phương thức đào tạo và mô hình đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn: Rà soát danh mục nghề đào tạo để phê duyệt phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, yêu cầu thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu của cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực, từng bước chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp, dịch vụ nông thôn. Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo từ xa, trực tuyến phù hợp với mọi người để có thể tham gia học tại bất cứ nơi nào, thời gian nào phù hợp với điều kiện và trình độ của mình. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, trình độ đào tạo; mở rộng các hình thức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo thường xuyên, đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn, giúp cho người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn, người khuyết tật, người nội trợ và người cao tuổi dễ dàng tiếp cận với đào tạo nghề để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, tạo chuyển biến mạnh mẽ về quy mô, chất lượng và hiệu quả của đào tạo nghề nông thôn. Tăng cường các mô hình đào tạo nghề có sự gắn kết giữa đào tạo và thị trường lao động.



Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động đào tạo nghề nghiệp định kỳ:

Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp và Nhân dân trong việc thực hiện giám sát và phản biện xã hội đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn; thực hiện kiểm tra, giám sát đối với từng lớp đào tạo trước khi mở lớp, trong quá trình đào tạo, việc sử dụng kinh phí và thực hiện các chính sách của Nhà nước đối với người học nghề, công tác giải quyết việc làm sau đào tạo của người học góp phần thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tăng cường công tác hậu kiểm trên cơ sở các chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Bố trí và phân bổ nguồn lực tài chính:

Đầu tư cho đào tạo nghề nông nghiệp, nông thôn cần được ưu tiên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nhân lực của từng địa phương. Ngân sách cho đào tạo nghề nông nghiệp, nông thôn được phân bổ từ tổng chi ngân sách nhà nước dành cho giáo dục, đào tạo và các chương trình mục tiêu quốc gia, được phân bổ theo nguyên tắc công khai, minh bạch, kịp thời. Tập trung đầu tư cho các cơ sở đào tạo ngành, nghề

trọng điểm, đặc thù đào tạo nhân lực chất lượng cao; đầu tư phát triển đội ngũ giáo viên, chuyên gia dạy nghề, cán bộ quản lý cơ sở; hỗ trợ nâng cao trình độ, kỹ năng, cập nhật xu hướng công nghệ cho những người làm công tác dạy nghề cho lao động nông thôn. Tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo, từng bước thị trường hóa dịch vụ dạy nghề cho đối tượng có điều kiện, có nhu cầu học nghề; đa dạng hoá nguồn lực xã hội. Đổi mới phương thức phân bổ ngân sách chi cho đào tạo nghề nông thôn theo hướng đặt hàng, giao nhiệm vụ theo số lượng và chất lượng kết quả đầu ra.

Tăng cường đầu tư phát triển kinh tế, ứng dụng công nghệ cao để tạo thêm nhiều việc làm tốt hơn và tạo đột phá trong chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng hiện đại, sử dụng nhiều lao động chất lượng cao ở khu vực nông thôn:

Tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước và đa dạng hóa các nguồn vốn để tiếp tục đầu tư phát triển mạnh hơn cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội nông thôn; có chiến lược và quy hoạch phát triển phù hợp nhằm định hướng doanh nghiệp ở các thành thị phát triển lan tỏa về khu vực nông thôn; tổ chức sản xuất hiệu quả, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại và chuyển đổi cơ cấu sản xuất nhằm nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí

hậu. Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng sản xuất tập trung, cơ giới hoá đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản hàng nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng; Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản hàng hóa chủ lực của từng tỉnh theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu; Xây dựng, phát triển kênh phân phối, mô hình kết nối xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp nông thôn gắn với chuỗi các chợ đầu mối, trung tâm cung ứng hàng nông sản hiện đại, hạ tầng thương mại hiện đại. Thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp công nghiệp hiện đại ở khu vực nông thôn, qua đó góp phần giải quyết việc làm vùng nông thôn, tăng cường sức thu hút của doanh nghiệp lớn đối với nguồn nhân lực chất lượng cao; hình thành và kiện toàn cơ quan quản lý nhà nước về phát triển công nghiệp nông thôn các cấp.

Tăng cường chất lượng nguồn nhân lực cho công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Cần có chính sách đãi ngộ hợp lý với cán bộ nghiên cứu nông nghiệp trẻ để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu ngày càng tăng cao. Có chiến lược đào tạo các nhà khoa học đầu ngành ngang tầm với quốc tế, khuyến khích những người có khả năng tham gia các tổ chức nghiên cứu quốc tế, hay mời các chuyên gia quốc tế vào tham gia điều hành các nhóm nghiên cứu liên ngành để nâng cao khả năng hội nhập về khoa học công nghệ nông nghiệp của Việt nam. Nguồn nhân lực cho công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cần được đào tạo và đào tạo lại để cập nhật kiến thức, nâng cao chất lượng về chuyên môn đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực cho công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, xem xét về chế độ đãi ngộ để không bị chảy máu chất xám đối với cán bộ nghiên cứu và để cán bộ làm công tác khuyến nông yên tâm công tác có hiệu quả. ■



Trách nhiệm của doanh nghiệp trong tăng trưởng xanh

PGS.TS. NGUYỄN THẾ CHINH.

Nguyên Viện trưởng Viện Chiến lược Chính sách tài nguyên và môi trường (ISPONRE).

Đặt vấn đề.

Tăng trưởng xanh (TTX) ở Việt Nam đã được triển khai khá sớm từ những năm đầu của thập niên 2010-2020, sau một quá trình tiếp cận và triển khai thực hiện, đến nay đã có những sự thay đổi dần được sự chấp nhận của xã hội nhằm thực hiện nội hàm của kinh tế xanh hướng đến phát triển bền vững. Để thực hiện TTX, vai trò của doanh nghiệp (DN) là hết sức quan trọng, bởi lẽ DN là chủ thể thực hiện chính đối với tăng trưởng kinh tế nói chung và TTX nói riêng. Vậy trách nhiệm của DN đối với TTX theo chỉ đạo của Chính phủ cũng như với xã hội như thế nào cần được xem xét một cách đầy đủ để có những khuyến nghị và giải pháp phù hợp.

Trách nhiệm của DN đối với TTX được quy định trong chỉ đạo của Chính phủ

Từ đầu những năm thập niên 2010-2020, Việt Nam đã thực hiện TTX phù hợp với xu hướng chung của thế giới nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, nhất là chuyển đổi sử dụng năng lượng, hạn chế phát thải khí nhà kính, sử dụng năng lượng tái tạo và khôi phục duy trì hệ sinh thái tự nhiên, đầu tư phục hồi vốn tự nhiên. Từ việc học hỏi kinh nghiệm của các nước tiên phong trong cách tiếp cận này như Hàn Quốc, các nước châu Âu, Bắc Mỹ và một số nước khác tiếp cận theo hướng này như Singapore, Trung Quốc, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của Việt Nam, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 phê duyệt Chiến lược quốc gia TTX; trong quyết định này về quan điểm thể hiện liên quan đến DN cho rằng, TTX là sự nghiệp của DN và cần phải xanh hóa trong mọi ngành, lĩnh vực và lối sống.

Sau hơn 10 năm triển khai thực hiện Quyết định số 1393/QĐ-TTg, Chính phủ đã tổng kết và ban hành Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về TTX giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Về quan điểm được đưa ra trong Chiến lược liên quan đến trách nhiệm của DN khẳng định “TTX là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị, toàn dân, cộng đồng DN và các cơ quan, tổ chức liên quan, được thúc đẩy bằng tinh thần đổi mới sáng tạo và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, bền vững”.

Như vậy, giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trách nhiệm của DN đối với TTX là đổi mới sáng tạo để phát triển phồn vinh đất nước nhằm thực hiện mục tiêu bền vững. Mục tiêu Chiến lược TTX đặt ra về “xanh hóa các ngành kinh tế” yêu cầu “áp dụng mô hình kinh

tế tuần hoàn” để nâng cao chất lượng tăng trưởng dựa vào nền tảng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong khai thác, sử dụng, tiết kiệm tài nguyên, chuyển đổi năng lượng và bảo vệ môi trường, thực hiện những mục tiêu đầy tham vọng của Việt Nam nhằm hướng đến cam kết vào năm 2050 đưa phát thải ròng carbon bằng 0; 75% năng lượng dự kiến đến từ các nguồn năng lượng tái tạo vào năm 2045; quy mô nền kinh tế xanh từ 6,7 tỷ USD năm 2020 lên đến 300 tỷ USD trong tổng GDP quốc gia vào năm 2050. Như vậy, nếu DN không thấy rõ trách nhiệm của mình sẽ khó đạt được những mục tiêu, chỉ tiêu đã đặt ra cho quốc gia.

Để thực hiện TTX, đòi hỏi DN phải thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến TTX của DN. Hiện nay ở Việt Nam có khoảng 13.000 tiêu chuẩn quốc gia và gần 800 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã được xây dựng. Đặc biệt, trong số các tiêu chuẩn quốc gia, Việt Nam đã xây dựng được 750 tiêu chuẩn hướng tới thúc đẩy TTX (1). Tùy thuộc vào loại hình DN để áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn phù hợp.

Thực tiễn những năm vừa qua, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về TTX đã có nhiều DN thể hiện trách nhiệm của mình đối với TTX. Theo tính toán của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, khu vực DN bao gồm DN FDI và DN trong nước đã đầu tư khoảng 9 tỷ USD trong các lĩnh vực liên quan đến TTX, phát triển xanh như năng lượng tái tạo, các trang thiết bị phục vụ cho kinh tế xanh (2). Như vậy, với con số đạt được đầu tư cho TTX ngày càng tăng thể hiện trách nhiệm của DN đối với hoạt động của mình. Có những DN đã tiên phong thực hiện trách nhiệm của mình đối với TTX như VinBus vào tháng 3/2022 đã khai trương xe buýt điện tại Hà Nội và sau đó là TP. Hồ Chí Minh; hiện nay đã triển khai thêm hệ thống Taxi xanh SM. Công ty Cổ phần Di chuyển xanh và thông minh GSM chính thức thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 14/4/2023 đánh dấu mốc quan trọng thể hiện trách nhiệm của DN đối với TTX tiên phong ở Việt Nam. Trước mắt, công ty hoạt động trên 5 tỉnh thành trong cả nước, trên cơ sở đó tiếp tục mở rộng ra các tỉnh thành khác. Biểu tượng xe Bus và xe Taxi xanh của Vinfast đã minh chứng cho trách nhiệm của DN đối với TTX trong lĩnh vực giao thông công cộng và dịch vụ Taxi đã chiếm cảm tình của xã hội...

Nhiều DN khác cũng đã và đang thực hiện mô hình kinh tế tuần hoàn, thực hiện trách nhiệm TTX tại cơ sở sản xuất kinh doanh của mình như các DN thuộc khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, Hải Phòng; Vinamilk; TH Trung milk; Bia Heniken.... Từ thực tiễn hoạt động kinh doanh của các DN những năm gần đây cho thấy, nhận thức về trách nhiệm thực hiện TTX của các DN ở Việt Nam ngày càng tăng, nhất là trong bối cảnh những DN xuất khẩu, các nước nhập khẩu sản phẩm đòi hỏi ngày càng cao không chỉ chất lượng sản phẩm mà còn hoạt

động sản xuất của sản phẩm đó phải đáp ứng các tiêu chí về môi trường.

Từ ngày 01/10/2023, Liên minh Châu Âu (EU) thí điểm áp dụng giai đoạn chuyển tiếp đối với hàng hóa xuất khẩu vào EU là Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM), đến năm 2026 sẽ thực hiện đầy đủ. Theo đó, trong tương lai sẽ đánh thuế carbon đối với tất cả các hàng hóa xuất khẩu sang thị trường EU dựa vào cường độ phát thải khí nhà kính trong quy trình sản xuất tại nước sở tại, trước mắt CBAM sẽ tập trung vào các nhóm hàng hóa có nguy cơ rò rỉ carbon cao nhất, bao gồm: xi măng, sắt và thép, nhôm, phân bón, Hydrogen và điện. EU đang là một thị trường xuất khẩu lớn và giàu tiềm năng với Việt Nam, việc áp thuế carbon của các nước EU sẽ có những tác động không nhỏ đến DN Việt Nam. Như vậy đặt ra cho DN Việt Nam những yêu cầu và trách nhiệm cao cho việc thực hiện giảm thiểu CO₂ trong thời gian tới hoặc phải chịu áp thuế Carbon.

Trong lĩnh vực năng lượng, đã và đang có nhiều DN đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo như năng lượng gió và năng lượng mặt trời thể hiện rõ trách nhiệm của DN đối với TTX thông qua việc chuyển đổi năng lượng, nhất là ở khu vực phía Nam, các tỉnh ven biển miền Trung, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

Từ thực tiễn hoạt động của một số DN như đã phân tích ở trên cho thấy, ở Việt Nam đã và đang có nhiều DN có sự chuyển đổi hoạt động từ “nâu” sang “xanh”, thể hiện rõ trách nhiệm của DN đối với TTX. Tuy nhiên vẫn còn những DN chưa thể hiện được trách nhiệm của DN đối với TTX, nhất là những loại hình DN vừa và nhỏ, các DN hoạt động trong các làng nghề hiệu quả kinh tế thấp, gây ô nhiễm môi trường và tiêu hao nhiều năng lượng, chưa sử dụng năng lượng tái tạo trong khi có điều kiện thực hiện.

Một số kiến nghị nhằm tăng cường trách nhiệm của DN đối với TTX

Thứ nhất, vai trò của Nhà nước: Mặc dù hiện chúng ta đã có Chiến lược TTX quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021, nhưng trong nội dung chiến lược các mục triển khai thể hiện trách nhiệm của DN đối với TTX chưa rõ. Do vậy cần có những quy định bổ sung thể hiện rõ trách nhiệm của DN đối với thực hiện chiến lược TTX như thế nào. Mặt khác cũng cần xác định việc DN thực hiện chuyển đổi từ “nâu” sang “xanh” sẽ gặp phải những khó khăn vướng mắc gì từ những quy định pháp luật trước đây để có hướng tháo gỡ những vướng mắc đó tạo điều kiện thuận lợi cho DN thực hiện trách nhiệm của mình.

Thứ hai, vấn đề nhận thức của DN về TTX. Nhận thức là quan trọng nhất, đặc biệt đối với chủ DN để thực hiện chuyển đổi xanh có 2 nhóm tiêu chí cơ bản DN cần hướng đến đó là: (i) tiết kiệm và chuyển đổi năng lượng sang năng lượng tái tạo, giảm thiểu tối đa phát thải khí nhà kính (ii) duy trì và phục hồi hệ sinh thái, hạn chế tối đa và không gây thiệt hại cho môi trường, định hướng chiến lược kinh doanh thân thiện với môi trường. Với cách tư duy như vậy DN sẽ chuyển đổi cách thức hoạt động kinh doanh của mình ngay từ khâu chiến lược, quy hoạch và triển khai của DN trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, vấn đề đầu tư của DN đối với chuyển đổi từ “nâu” sang

“xanh”. Bên cạnh trách nhiệm DN cũng phải căn cứ vào thực lực của mình, nhất là nguồn vốn đầu tư cho chuyển đổi công nghệ, vốn đầu tư phục hồi môi trường, vốn cho quảng bá sản phẩm mới, tìm kiếm thị trường thay thế, đào tạo nhân lực.... Để có nguồn vốn đầu tư, DN nên tìm hiểu và tiếp cận những nguồn vốn “xanh” như tín dụng xanh, trái phiếu xanh, quỹ bảo vệ môi trường và các nguồn vốn liên quan khác phù hợp với chuyển đổi xanh của DN.

Thứ tư, vấn đề truyền thông, cập nhật thông tin mới liên quan đến DN thực hiện trách nhiệm của mình đối với TTX. Chẳng hạn như cam kết của Việt Nam tại COP26 đến năm 2050 phát thải ròng bằng không liên quan đến trách nhiệm của DN. Hay từ tháng 10/2023 EU bắt đầu triển khai CBAM cho sáu loại hình kinh doanh nhập khẩu sản phẩm vào EU của các DN phải tiến hành kiểm kê phát thải khí nhà kính để đến năm 2027 trở đi khi nhập khẩu sản phẩm vào EU phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế Carbon. Như vậy, DN sẽ nắm bắt được thông tin không chỉ để thực hiện trách nhiệm của mình mà còn tránh được những rủi ro trong kinh doanh của DN.

Thứ năm, vai trò của các bên liên quan đến hoạt động kinh doanh của DN cùng đồng hành với DN để doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm của mình đối với TTX như cơ quan quản lý của các Bộ, Ngành, nhất là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương, Bộ Tài chính..., các hiệp hội DN và ngành nghề, Liên đoàn Thương mại và công nghiệp Việt Nam, các cơ quan tư vấn cho DN.

Kết luận.

Chiến lược TTX đã được Chính phủ ban hành hai lần, lần thứ hai được triển khai cho giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Để thực hiện Chiến lược TTX, trách nhiệm của DN là hết sức quan trọng. Thực tế đã có những DN thực hiện trách nhiệm của mình, nhưng vẫn còn những DN chưa thực hiện hoặc đang do dự với những lý do khác nhau, nhất là DN vừa và nhỏ. Chính vì vậy cần có những giải pháp để tháo gỡ những khó khăn giúp DN thực hiện trách nhiệm của mình đối với TTX. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ. Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2012 “phê duyệt Chiến lược quốc gia tăng trưởng xanh”.
2. Chính phủ. Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
3. China - ASEAN Environmental Cooperation Center. Environment Outlook 1. Towards Green Development CAEO-1. China Environment Press. ISBN 978-7-5111-2903-1.
4. Đặng Hiếu. Doanh nghiệp FDI trong tăng trưởng xanh của Việt Nam. <https://dangcongsan.vn/kinh-te/doanh-nghiep-fdi-trong-tang-truong-xanh-cua-viet-nam-636682.html>.
5. Minh Thi. Vai trò của các doanh nghiệp trong tăng trưởng xanh. <https://baochinhphu.vn/vai-tro-cua-cac-doanh-nghiep-trong-tang-truong-xanh-102230426215407326.htm>

Xác lập vai trò nông hộ nhỏ trong sự phát triển bền vững “tam nông”

Việt Nam nói chung, ngành Nông nghiệp nói riêng xác định sẽ tiếp tục hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Trong bối cảnh ấy, việc mở rộng quy mô sản xuất để tăng khả năng cạnh tranh sẽ khiến hàng triệu nông hộ nhỏ phải rút khỏi sản xuất nông nghiệp. Trong khi đó, dù là nhóm đối tượng yếu thế, nhưng nông hộ nhỏ góp phần tạo nên diện mạo mới cho nông thôn trong thời đại công nghiệp 4.0

THẢO NGỌC

“XƯƠNG SỐNG” CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP

Theo Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), hộ là đơn vị kinh tế cơ bản trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ở nước ta hiện nay. Ngành Nông nghiệp Việt Nam đang dựa chủ yếu vào nông hộ nhỏ. Kết quả điều tra nông nghiệp, nông thôn giữa kỳ năm 2020 của Tổng cục Thống kê cho thấy, tại thời điểm 01/7/2020, trong tổng hơn 9,12 triệu đơn vị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản thì có tới 9,108 triệu đơn vị sản xuất là hộ.

Với xu thế mở rộng quy mô, diện tích đất sản xuất nông nghiệp bình quân một nông hộ đã tăng lên, nhưng không nhiều. Báo cáo mới đây của Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cho thấy, hiện có 63% trong tổng số khoảng gần 10 triệu nông hộ trên cả nước đang sử dụng diện tích đất nhỏ hơn 0,5ha; 26% nông hộ sử dụng diện tích đất nông nghiệp từ 0,5 – 2ha.

Mặc dù sử dụng diện tích đất sản xuất nhỏ nhưng nông hộ là “xương sống” của ngành Nông nghiệp nước nhà – sản xuất khối lượng



Nông hộ nhỏ sản xuất khối lượng lương thực lớn, không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn góp phần đáng kể vào xuất khẩu. (Ảnh minh họa)

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông dân, trông cậy vào nông nghiệp một phần lớn. Nông dân giàu thì nước ta giàu, nông nghiệp thịnh thì nước ta thịnh”. Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XIII) tiếp tục khẳng định, nông dân là nhân tố quyết định, đảm nhiệm vị trí trung tâm của tiến trình phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới, góp phần đưa đất nước tiến lên giàu đẹp, hiện đại, văn minh.”

lương thực lớn, không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn góp phần đáng kể vào xuất khẩu. Cuộc điều tra nông nghiệp nông thôn của Tổng cục Thống kê giữa kỳ năm 2020 cho thấy, mặc dù Nhà nước có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ nhưng tình hình phát triển doanh nghiệp ở khu vực nông thôn chưa có nhiều khả quan.

Cụ thể, tại thời điểm ngày 01/7/2020, toàn vùng nông thôn của cả nước có 7.418 hợp tác

xã và 7.471 doanh nghiệp. Trước đó, tại thời điểm ngày 01/7/2016, cũng theo kết quả điều tra nông nghiệp, nông thôn của Tổng cục Thống kê thì vùng nông thôn của cả nước có 6.946 hợp tác xã và có 3.846 doanh nghiệp. Còn tại thời điểm năm 2011, toàn vùng nông thôn nước ta có 6.302 hợp tác xã và hơn 1.500 doanh nghiệp. Như vậy, nông hộ nhỏ vẫn nhận “vai chính” trong quá trình sản xuất nông nghiệp ở vùng nông thôn.

Vai trò quan trọng của nông hộ được tiếp tục khẳng định trong Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XIII) về nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Nghị quyết xác định: Trong thời gian tới, nông dân không chỉ là chủ thể mà còn là trung tâm của quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Theo TS. Đặng Kim Sơn - Phó Chủ tịch Hiệp hội các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, với Nghị quyết số 19-NQ/TW, lần đầu tiên, “nông dân” được đặt lên vị trí trước “nông nghiệp”, “nông thôn”. Điều đó khẳng định một tinh thần mới, một kết luận súc tích, rõ ràng, một khẳng định chắc chắn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về vị trí quan trọng hàng đầu của nông dân.

NHÓM YẾU THỂ TRONG HỘI NHẬP

Theo đánh giá của các chuyên gia, khi đất nước hội nhập kinh tế quốc tế, ngành Nông nghiệp đã tạo thành tích ngoạn mục khi liên tục xuất siêu và khẳng định vai trò là “bệ đỡ” của nền kinh tế. Mặc dù hội nhập đã tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng đem lại vô vàn thách thức đối với các nông hộ nhỏ do khả năng nắm bắt cơ hội của họ còn hạn chế, năng lực và khả năng thích ứng với hội nhập chưa cao, nguồn lực hạn hẹp, công nghệ thấp và chịu nhiều rủi ro từ những biến động và rào cản trên thị trường.

Cụ thể, những nông hộ nhỏ có thể gặp rất nhiều rủi ro ở các cấp độ khác nhau. Với những hộ bán sản phẩm ngay sau khi thu

hoạch để trả nợ thì gặp nhiều rủi ro hơn so với những hộ chủ động nâng cao chất lượng, sản xuất nhiều sản phẩm và tham gia vào các thị trường phát triển hơn. Những hộ bán sản phẩm tại các chợ địa phương thì gặp rủi ro về giá cả - được mùa mất giá. Những hộ tham gia vào cộng đồng sản xuất nông sản có khả năng gặp rủi ro bị phá vỡ hợp đồng mặc dù có thể giảm rủi ro về đầu ra...

Vậy, liệu sản xuất theo mô hình nông hộ nhỏ có tiếp tục tồn tại không? Tại hội thảo về cơ cấu xã hội nông thôn Việt Nam được tổ chức ngày 08/9/2023, TS. Cao Đức Phát, nguyên Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho rằng, nhóm nông hộ nhỏ là đối tượng yếu thế, dễ bị tác động bởi các yếu tố khách quan. Do đó, các cấp, các ngành cần quan tâm hỗ trợ các nông hộ nhỏ để họ không bị bỏ rơi, tụt hậu, mà có cơ hội tiếp tục vươn lên, đóng góp cho sự phát triển chung của quốc gia.

“Nông hộ nhỏ phải đối diện với nhiều vấn đề, nhưng vẫn có thể phát huy tác dụng thông qua huy động nguồn lực sẵn có kết hợp với áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, trở thành các cơ sở sản xuất nhỏ về diện tích nhưng lớn về giá trị. Nếu được hỗ trợ phù hợp, đối tượng này đủ sức hình thành một cấu trúc xã hội mới ở nông thôn, trong đó người dân nghèo được tạo cơ hội tự chủ sản xuất kinh doanh và có địa vị xã hội được nâng cao”, ông Phát khẳng định.

Đây cũng là nhận định của nhiều chuyên gia trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Thực tế cho thấy, việc tăng quy mô sản xuất là



Các cấp, các ngành cần quan tâm hỗ trợ các nông hộ nhỏ để họ không bị bỏ rơi, tụt hậu, mà có cơ hội tiếp tục vươn lên, đóng góp cho sự phát triển chung của quốc gia.

một phần tất yếu để nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành Nông nghiệp. Tuy nhiên sẽ có một nhóm nông dân không theo kịp quá trình hội nhập và Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ đảm bảo thu nhập tối thiểu cho nhóm này; cần có những nghiên cứu sâu hơn về tác động của hội nhập đến hộ nông dân nhỏ, hộ nghèo để có chính sách hỗ trợ, từ đó đảm bảo sự tham gia của nông hộ nhỏ vào quá trình hội nhập.■

Nghị quyết số 19-NQ/TW xác định, nông dân không chỉ là chủ thể mà còn là trung tâm của quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.



Sau 5 năm triển khai Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm” (OCOP) theo Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, diện mạo nông nghiệp của Việt Nam được định hình rõ hơn bằng hàng ngàn sản phẩm được cấp chứng nhận OCOP. Tuy nhiên, bên cạnh sự đa dạng, phong phú về sản phẩm thì vẫn còn không ít băn khoăn về chất lượng, giá trị kinh tế mang lại và đặc biệt là tính bền vững của sản phẩm OCOP.



Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Lê Minh Hoan.

Định vị thương hiệu OCOP trên thị trường nông sản

TÙNG NGUYỄN

GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP

OCOP là một chương trình lớn của ngành Nông nghiệp và được triển khai sâu rộng đến từng thôn, xã trong cả nước. Đây cũng là chương trình gửi gắm nhiều kỳ vọng của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và của chính người nông dân trong mục tiêu chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế hàng hóa.

Trao đổi với Tạp chí Doanh nghiệp và Kinh tế xanh, TS. Ngô Trường Sơn - Chánh

Văn phòng điều phối nông thôn mới (NTM) Trung ương, cho biết, sau 5 năm triển khai, có thể nói Chương trình OCOP đã có sự lan tỏa mạnh mẽ, được triển khai đồng bộ, rộng khắp, được tất cả các địa phương chủ động triển khai một cách hiệu quả và thành công.

“Với vai trò là một chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị, chú trọng các nguồn lực tại chỗ, sẵn có làm động lực phát triển kinh tế, Chương trình OCOP đã được các địa phương và người dân đón nhận. Chương trình đã huy động sự vào cuộc của các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở, trở thành một giải pháp được ưu tiên trong phát triển kinh tế nông thôn, gắn với

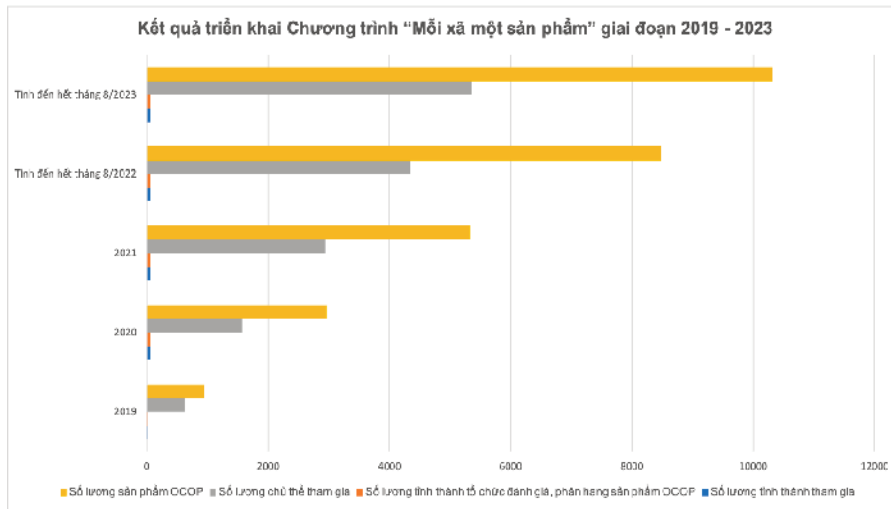
xây dựng NTM ở tất cả các địa phương”, ông Sơn cho biết.

Trả lời phỏng vấn báo chí mới đây, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) Lê Minh Hoan đã dành những lời hay, ý đẹp nhất để đánh giá về Chương trình OCOP. Theo Bộ trưởng, sản phẩm gì cũng vậy, không riêng gì nông nghiệp, muốn tạo sự chú ý, muốn có chỗ đứng trên thị trường thì trước hết phải xây dựng được thương hiệu và nhãn hiệu. Và khi đã mang thương hiệu, nhãn hiệu thì phải có gì đó khác biệt với những sản phẩm cùng loại.

“Đó chính là chất lượng, là mẫu mã, là quy trình sản xuất... Với nông sản thì sản xuất sạch, an toàn vô cùng quan trọng. Và cuối



Đoàn Nguyễn Văn, Phó Giám đốc địa phương (thị trấn Xuân Viên, huyện Xuân Yên, tỉnh Nghệ An) đang tham gia triển khai dự án OCOP tại địa phương.



Nguồn số liệu: Văn phòng điều phối Nông thôn mới Trung ương.

cùng anh muốn người ta nhớ, người ta để tâm thì phải có một cái tên để định danh, để gọi. Trong nông nghiệp, OCOP chính là như thế”, Bộ trưởng Lê Minh Hoan nhấn mạnh.

Xác định vai trò, ý nghĩa của Chương trình OCOP, sau 05 năm triển khai, theo báo cáo của Văn phòng điều phối NTM Trung ương, tính đến ngày 31/8/2023, cả nước đã có 63/63 tỉnh, thành phố đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP, đã có 10.322 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên của 5.361 chủ thể OCOP. Chương trình OCOP thực sự đã tạo “cú hích” trong việc gia tăng giá trị nông sản Việt, đem lại thu nhập cao hơn cho người nông dân. Theo khảo sát của Văn phòng điều phối NTM Trung ương, hơn 60,7% chủ thể OCOP đạt từ 3 sao trở lên có doanh thu tăng bình quân 17,6%/năm, giá bán các sản phẩm khi được công nhận OCOP tăng bình quân 12,2%.

CẦN SỰ CHĂM CHÚT CHO SẢN PHẨM OCOP

Tăng trưởng nhanh về số lượng cho thấy sức lan tỏa của Chương trình OCOP, tuy nhiên, các chuyên gia bày tỏ quan ngại trong khâu tiêu thụ sản phẩm. Nguy cơ sản phẩm OCOP “thua trên sân nhà” đã hiển hiện khi sản phẩm dù đạt chuẩn OCOP vẫn khó mở rộng thị trường tiêu thụ. Bởi nhiều người tiêu dùng chưa tiếp cận sản phẩm OCOP và kênh phân phối còn hạn chế, chưa xuất hiện nhiều trong các hệ thống phân phối bán lẻ hiện đại.

Theo tìm hiểu của Tạp chí Doanh nghiệp và Kinh tế xanh, người tiêu dùng còn ít cơ hội được tiếp cận sản phẩm OCOP ở các hệ thống bán lẻ xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Trong đó, nhiều chủ thể OCOP gặp khó khăn khi muốn đưa sản phẩm vào hệ thống siêu thị. Như chia sẻ của ông Nguyễn Văn Tuấn - chủ

Quan điểm, tư duy và suy nghĩ giá trị của sản phẩm OCOP nằm ở đâu thì lãnh đạo địa phương sẽ hành động tới đó. Thấy nó là niềm tự hào thì chúng ta sẽ tìm những chỗ nào đẹp để trưng bày và giới thiệu, và đi đâu cũng mang theo niềm tự hào đó. Còn nếu chúng ta không tự hào và cho rằng nó có tạo ra được bao nhiêu GDP cho tỉnh đâu, vậy thì đương nhiên sẽ không có sự đầu tư chăm chút cho nó”.

(Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Lê Minh Hoan)

doanh nghiệp sở hữu 6 sản phẩm OCOP về đồng trùng hạ thảo ở thị trấn Nga Sơn (huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá), để đưa mặt hàng vào siêu thị để bán rất khó, về thủ tục hồ sơ, giấy tờ cũng như khâu bảo quản sản phẩm và việc luân chuyển vốn.

“Nếu mình chấp nhận để đưa sản phẩm vào siêu thị, tôi nghĩ chỉ có lỗ, vì mình phải hạ giá thành xuống để đáp ứng giá trị sản

phẩm tại siêu thị không quá cao. Trong khi mặt hàng của mình tại siêu thị chắc gì đã đủ cạnh tranh bằng các loại sản phẩm khác”, ông Tuấn cho biết.

Thực tế, sản phẩm hàng hóa muốn tiêu thụ được thì phải được người tiêu dùng biết đến. Ở góc độ marketing, rất nhiều sản phẩm OCOP sẽ rất khó cạnh tranh với các nông sản khác, chưa nói tới hàng hóa nhập khẩu cùng chủng loại bởi không nhiều người tiêu dùng biết đến sản phẩm OCOP. Như vậy, sự tăng trưởng về số lượng sản phẩm OCOP đang không tỷ lệ thuận với sự nhận biết của người tiêu dùng.

Trong lần trả lời truyền thông mới đây, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Lê Minh Hoan đã chia sẻ những trăn trở trong công tác tuyên truyền, quảng bá, tiếp thị sản phẩm OCOP. Ông cho rằng, một vấn đề trong tiếp thị, giới thiệu quảng bá sản phẩm OCOP là lãnh đạo địa phương phải trở thành người đi tiếp thị sản phẩm cho bà con chứ không phải chỉ đóng vai trò phát động để bà con sản xuất, rồi bà con tự đi tìm kiếm thị trường.

Rõ ràng, vai trò định hướng của Nhà nước trong triển khai Chương trình OCOP cũng cần gắn liền với vai trò hỗ trợ. Bởi như Bộ trưởng Bộ NN&PTNT đã khẳng định, lãnh đạo địa phương phải trở thành người đi tiếp thị sản phẩm cho bà con chứ không phải chỉ đóng vai trò phát động để bà con sản xuất, rồi bà con tự đi tìm kiếm thị trường. Và theo ông, thành công của Chương trình OCOP không phải là tạo ra một sản phẩm OCOP, mà là tạo ra một sự tự tin, tạo ra một sự thay đổi, một tư duy mới cho người nông dân, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp. Đây cũng chính là giải pháp để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; với mục tiêu nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn.■



Đại đa số cây dược liệu đều sinh trưởng trong rừng phòng hộ, dưới tán rừng - là địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi. Do vậy, phát triển ngành dược liệu sẽ mở ra cơ hội rất lớn đối với vùng "lỗi nghèo của cả nước."

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hầu A Lềnh (áo xanh) tham quan các gian hàng tại Diễn đàn kinh tế Dược liệu Việt Nam ngày 25/7/2023.

Phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số từ "mỏ vàng" dược liệu

SỸ HÀO

"MỎ VÀNG" Ở VÙNG "LỖI NGHÈO"

Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2021 – 2025, vùng đồng bào DTTS và miền núi bao gồm 3.434 xã thuộc địa bàn 51 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó có 1.551 xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn), 210 xã khu vực II và 1.673 xã khu vực I. Đây là nơi sinh sống chủ yếu của hơn 14,2 triệu đồng bào DTTS, là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn - "lỗi nghèo" của cả nước.

Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo theo Quyết định số 71/QĐ-LĐTBXH ngày 19/1/2023 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cho thấy, trong 6 vùng kinh tế của cả nước thì những vùng có đông đồng bào DTTS sinh sống hiện có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo (tỷ lệ nghèo đa chiều) còn rất cao. Trong khi tỷ lệ nghèo bình quân chung cả nước là 7,52% (tương ứng 1.972.767 hộ) thì ở

vùng Trung du và miền núi phía Bắc, tỷ lệ này là 21,92% (tương ứng 701.461 hộ), vùng Tây Nguyên là 15,39% (tương ứng 236.766 hộ)... Còn ở các vùng có ít đồng bào DTTS sinh sống, tỷ lệ hộ nghèo thấp dưới mức bình quân chung cả nước (Đông Nam bộ là 0,34%, Đồng bằng sông Hồng là 2,45%,...).

Trong chiến lược phát triển đất nước, Đảng, Nhà nước ta xác định, giảm nghèo nhanh và bền vững cho vùng đồng bào DTTS và miền núi là nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng. Tuy gặp không ít khó khăn nhưng đây là nhiệm vụ rất khả thi bởi ngoài sự quan tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội thì vùng đồng bào DTTS và miền núi có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, với tiềm năng về nông - lâm nghiệp, một trong những "mỏ vàng" ở địa bàn này là cây dược liệu, "đầu vào" quan trọng của ngành y dược học cổ truyền.

Tại Chương trình "Vinh danh vì sự phát triển dược liệu Việt gắn với phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi" diễn ra ngày 26/9/2023, PGS.TS Nguyễn Thế

Thịnh - Cục trưởng Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền (Bộ Y tế) đã chia sẻ: Nói đến y dược học cổ truyền là nói đến dược liệu, nguyên liệu để làm thuốc. Nhưng ngày nay, dược liệu không chỉ khẳng định vai trò quan trọng trong chăm sóc sức khỏe Nhân dân mà còn là nguyên liệu cho ngành hóa dược, thực phẩm, hóa mỹ phẩm tạo ra nhiều loại sản phẩm có giá trị mang lại nhiều nguồn lợi về kinh tế.

Theo PGS. TS Nguyễn Thế Thịnh, với hệ sinh thái phong phú, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tiềm năng lớn về việc nuôi dưỡng và phát triển các cây thuốc, dược liệu quý, hiếm. Thống kê của Viện Dược liệu Trung ương cho thấy, Việt Nam đã ghi nhận trên 5.000 loài thực vật và nấm, 408 loài động vật và 75 loại khoáng vật có công dụng làm thuốc. Trong đó có nhiều loài dược liệu quý về công dụng chữa bệnh lần giá trị về mặt kinh tế. Cây thuốc được phát triển có thể giúp cho nhiều vùng nông thôn, miền núi xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường.



Cây dược liệu giúp đồng bào DTTS thoát nghèo bền vững.

“Chúng ta có hơn 5.000 loại dược liệu có giá trị, phần lớn đều nằm ở vùng đồng bào DTTS. Nếu chúng ta có chiến lược phát triển tốt, tạo nên giá trị thương hiệu tốt, thì sẽ mang lại giá trị kinh tế cao cho các doanh nghiệp cũng như nâng cao đời sống kinh tế của bà con. Phát triển kinh tế vùng đồng bào DTTS thông qua rất nhiều loại hình khác nhau, trong đó phát triển kinh tế thông qua cây dược liệu có vai trò rất quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bào DTTS”.

(Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hầu A Lềnh - Phát biểu tại Diễn đàn “Kinh tế Dược liệu Việt Nam - Thế mạnh của kinh tế tập thể, hợp tác xã” được tổ chức ngày 25/7/2023)

GỖ NÚT THẮT ĐỂ PHÁT TRIỂN

Theo PGS.TS Trần Văn Ôn - nguyên Trưởng bộ môn Thực vật (Trường Đại học Dược Hà Nội), Cố vấn Chương trình OCOP Việt Nam, với thị trường trong nước, tổng số loài cây thuốc có nhu cầu sử dụng trong y học cổ truyền khoảng 800 loài, tổng nhu cầu về lượng khoảng 30.000 tấn/năm. Tổng số loài thảo dược có nhu cầu sử dụng trong công nghiệp dược phẩm, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, công nghiệp thực phẩm, đồ uống khoảng 300 loài, tổng nhu cầu về lượng khoảng 30.000 tấn/năm. Tổng giá trị xuất khẩu thảo dược Việt Nam được ước khoảng 400 triệu USD/năm, trong đó đóng góp chính là quế, hồi và thảo quả. Do vậy, phát triển ngành dược liệu sẽ mở ra cơ hội rất lớn đối với vùng DTTS và miền núi.

Tại Diễn đàn “Kinh tế Dược liệu Việt Nam - Thế mạnh của kinh tế tập thể, hợp tác xã” được tổ chức ngày 25/7/2023, TS. Trần Ngọc Minh – Phó Cục trưởng Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền cho rằng, mặc dù tiềm năng rất lớn nhưng việc phát triển ngành dược liệu của nước ta vẫn đang trong giai đoạn non trẻ và còn nhiều khó khăn. Đầu tiên là thách thức về vùng trồng, việc trồng dược liệu diễn ra ở quy mô nhỏ lẻ, rải rác ở cấp hộ gia đình. Thứ hai là thách thức về chế biến, việc áp dụng các công nghệ hiện đại còn khá khiêm tốn.

“Thứ ba là thách thức về tiếp thị, thông tin thị trường hiếm khi có sẵn. Chưa có một nghiên cứu thị trường chính thức nào cho cây dược liệu”, TS. Trần Ngọc Minh cho biết.

Xác định được tầm quan trọng về vai trò của dược liệu, từ năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1976/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Với mục tiêu đưa ngành dược liệu thành ngành sản xuất hàng hóa, Quy hoạch tổng thể đã định hướng phát triển 8 vùng trồng nguyên liệu trên cả nước để trồng 54 loài dược liệu, lựa chọn và khai thác hợp lý 24 loài dược liệu tự nhiên.

“Mỏ vàng” dược liệu được kỳ vọng sẽ được khai thác sau khi Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1719/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 – 2030; giai đoạn I: 2021 – 2025. Chương trình mở ra hướng phát triển dược liệu vùng đồng bào DTTS và miền núi, không chỉ phát triển, bảo tồn cây dược liệu mà còn giúp phát triển kinh tế - xã hội, đem lại cuộc sống ấm no cho bà con tại địa bàn này.■

Miền núi có tiềm năng phát triển vùng trồng dược liệu. (Trong ảnh:

Trồng đảng sâm xen canh với bắp nếp giúp nhiều hộ dân đồng bào dân tộc thiểu số của huyện Tây Giang có thêm nguồn thu nhập)





Đại biểu tham dự Diễn đàn Kinh tế TP. Hồ Chí Minh lần thứ 4 năm 2023 (HEF 2023).

Kiến tạo hành trình tăng trưởng xanh

Diễn đàn Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (HEF) năm 2023 với chủ đề “Tăng trưởng xanh – Hành trình hướng tới giảm phát thải ròng bằng không” đã thu hút hơn 1.200 đại biểu đến từ các tổ chức quốc tế, định chế tài chính, cơ quan nghiên cứu, các trường đại học, tổ chức quốc tế, chuyên gia, doanh nghiệp,... Điều đó cho thấy Diễn đàn đã nhận được sự quan tâm lớn của Việt Nam cũng như các nước trên thế giới về tăng trưởng xanh. Tạp chí Doanh nghiệp và Kinh tế xanh lược ghi những ý kiến tâm huyết của các diễn giả tại Diễn đàn này.



Trưởng Đại diện Phòng Công nghiệp và Thương mại Đức tại Việt Nam (AHK) Marko Walde.

NHÓM PV

Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh Nguyễn Văn Nền: TP. Hồ Chí Minh cùng nhiều đô thị khác trên thế giới đã chứng kiến rõ ràng những tác động của biến đổi khí hậu, cùng với những bất cập cần phải giải quyết, thúc giục chúng ta gắn kết chặt chẽ, hành động mạnh mẽ và hiệu quả hơn nữa. Thành phố ý thức rõ rằng, mô hình tăng trưởng kinh tế truyền thống không còn là lựa chọn tối ưu. Hiện thành phố đã chuyển hướng, kiến tạo một hành trình mới, hành



Bí thư Thành ủy TP. HCM Nguyễn Văn Nền phát biểu tại Diễn đàn.

trình tăng trưởng xanh với tầm nhìn cho tương lai bền vững. Cụ thể, thành phố đang khẩn trương hoàn thiện khung chiến lược phát triển xanh đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, nhằm xây dựng thành phố trở thành đô thị văn minh, hiện đại nghĩa tình, là điểm đến hấp dẫn của nhà đầu tư, du khách.

Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương Nguyễn Đức Hiền: TP. Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, là cực tăng trưởng kinh tế quan trọng, đóng góp lớn vào ngân sách quốc gia, có năng suất lao động cao nhất; ngoài ra, là

trung tâm dịch vụ và công nghiệp lớn và là địa phương có số lượng doanh nghiệp hoạt động lớn nhất cả nước. TP. Hồ Chí Minh được Bộ Chính trị đặc biệt quan tâm ban hành nghị quyết riêng để phát triển thành phố. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 31 của Bộ Chính trị, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 98, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 87 để thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố phát triển nhanh, bền vững. Vì vậy, với vị



**Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương
Nguyễn Đức Hiên.**

trí, vai trò đặc biệt quan trọng, quy mô lớn, trong thời gian tới TP. Hồ Chí Minh phải lựa chọn con đường phát triển khác thời gian trước, thành phố lựa chọn tiên phong trong phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh là hướng đi đúng, phù hợp với định hướng của Đảng và xu thế mới của thế giới, tạo ra động lực và không gian mới trong phát triển kinh tế - xã hội.

Nguyên Phó Thủ tướng Đức Philipp Rösler: Các tiêu chí Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) đã phát triển thành một khuôn



Nguyên Phó Thủ tướng Đức Philipp Rösler

khô quan trọng để đánh giá các hậu quả lâu dài và đạo đức của các hoạt động đầu tư kinh doanh. Các yếu tố Môi trường, Xã hội và Quản trị trở nên nổi bật là một mô hình quan trọng để đánh giá hiệu quả phi tài chính của các tổ chức và đầu tư. Bộ tiêu chí toàn diện này bao gồm nhiều mối quan tâm, từ đo lường tác động môi trường của các hoạt động và tuân thủ các cam kết trách nhiệm xã hội cho đến kiểm tra tính hiệu quả của các thủ tục quản trị doanh nghiệp. Sự cần thiết vào cuộc và đề cao vai trò của Liên Hợp quốc trong việc hướng tới tiêu chuẩn hóa ESG toàn cầu.

Trưởng Đại diện Phòng Công nghiệp và Thương mại Đức tại Việt Nam (AHK) Marko Walde: Đức là một trong những ngọn cờ đầu ở Châu Âu, có nền tảng công nghiệp mạnh và các chính sách, chiến lược ổn định. Đức đã đưa ra các chính sách khắt khe về tái chế, quản lý chất thải, hay những vấn đề tương tự. Hiện các doanh nghiệp Đức muốn đầu tư vào Việt Nam, và vài doanh nghiệp Việt Nam muốn tham gia vào quá trình phát triển kinh

tế tuần hoàn. Chúng tôi có luật lệ rất khắt khe trong tái chế, đặc biệt là thị trường xe điện. Chúng tôi cũng khắt khe trong việc thu gom và đặt ra mức tối thiểu cho việc tái chế các vật liệu. Chúng tôi cũng có các quy định của pháp luật về các vật liệu phải được tái chế thành pin mới. Và tất nhiên, chúng tôi kiến tạo nên môi trường, chúng tôi có một hệ thống ký gửi cho chai nhựa và chai thủy tinh. Chúng tôi đã triển khai toàn bộ hệ thống để quản lý chất thải. Tất cả mọi thứ đều nhằm tạo ra một hệ thống chuỗi cung ứng.

Đặc phái viên Đặc biệt về Biến đổi Khí hậu và Bền vững tại Bộ Ngoại giao của Israel – ông Gideon Behar: Nước thải không phải là rác và Israel coi nước thải như nguồn tài nguyên. Mô hình của chúng tôi dựa trên trạm xử lý bốn chiều. Trạm đầu tiên là khu vực khử muối. Chúng tôi khử 70% lượng muối trong



Đặc phái viên Đặc biệt về Biến đổi Khí hậu và Bền vững tại Bộ Ngoại giao của Israel – ông Gideon Behar.

nguồn nước uống lấy từ biển. Sau khi khử muối, nước được chuyển tới các thành phố và trộn với nước khoáng, nước ngầm nhằm cải thiện chất lượng và cuối cùng, sẽ được người dân sử dụng. Đặc biệt, Israel tái chế nước sau khi sử dụng. Quốc gia chúng tôi hiện xử lý và tinh lọc 95% tổng lượng nước thải. Lượng nước tái chế nói trên được dùng để tưới tiêu nông nghiệp. Chúng tôi tinh lọc nước thải với tiêu chuẩn rất cao, cùng quy định nghiêm ngặt và hệ thống đường ống chặt chẽ. Nếu không có lượng nước thải tinh lọc này, lượng nước sử dụng cho nông nghiệp ở Israel rất ít. Tôi nghĩ rằng, mô hình tái chế nước thải của Israel có thể được áp dụng cho Việt Nam. ■

Diễn đàn Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (HEF) là sự kiện quốc tế được UBND TP. Hồ Chí Minh tổ chức thường niên từ năm 2018 (năm 2020, 2021 không tổ chức do phòng chống dịch). HEF 2023 có sự tham gia của hơn 1.200 đại biểu đến từ các định chế tài chính quốc tế, các tổ chức quốc tế như Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF); các nhà quản lý và lãnh đạo các địa phương nước ngoài đến từ 21 quốc gia, đại diện các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước; các chuyên gia trong nước và chuyên gia ở các quốc gia thành công trong lĩnh vực kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, hướng tới tăng trưởng xanh, bền vững của thế giới.

Nỗ lực bảo tồn hổ Đông Dương trước nguy cơ tuyệt chủng



Khai thác gỗ, phát triển nông nghiệp và cơ sở hạ tầng khiến cho môi trường sống của loài hổ dần bị thu hẹp. (Ảnh minh họa)

LÊ THÀNH Ý

HỔ ĐÔNG DƯƠNG TỪ GÓC NHÌN KHOA HỌC

Hổ Đông Dương có tên khoa học là *Panthera Tigris Corbetti*, thuộc danh mục các loài nguy cấp trong sách đỏ của IUCN. Loài động vật này sống chủ yếu trong môi trường hoang dã ở bán đảo Đông Dương, hiện còn khoảng 250 cá thể sống tại Myanmar và Thái Lan.

Là một phân loài được tìm thấy tại Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan và Việt Nam. Loài hổ này còn có tên gọi là “hổ Corbett” do nguồn gốc khoa học của nó là *Panthera tigris Corbetti*, được đặt vào năm 1968 để ghi công nhà bảo tồn nổi tiếng Jim Corbett. Theo ước tính của các chuyên gia bảo tồn, toàn khu vực còn có trên 300 cá thể hổ sống nuôi nhốt, phần lớn trái với quy định hiện hành. Nạn săn bắt, buôn bán trái phép cùng với suy giảm môi trường sống là nguyên nhân chính đẩy loài hổ này đến bờ vực tuyệt chủng. Do vậy, nhiệm vụ cứu hộ, bảo vệ và bảo tồn hổ Đông Dương ngày càng trở nên cấp bách.

Do phải sinh sống trong các khu rừng bị chia cắt và tàn phá nghiêm trọng, số cá thể hổ ở Việt Nam đã suy giảm nhanh chóng. Hiện chỉ còn khoảng 150 con ở 17

Với kinh nghiệm tiếp cận chăm sóc thú y cho nhiều động vật hoang dã như voi, hổ ở các trung tâm cứu hộ và lịch sử cứu hộ, chăm sóc động vật hoang dã (ĐVHD) 25 năm qua, Tổ chức Động vật Châu Á mong muốn tập trung vào việc cung cấp các hướng dẫn kỹ thuật thú y chuẩn về quy trình cứu hộ hổ Đông Dương trong điều kiện nuôi nhốt và ngoài tự nhiên, cách tiếp cận và xử lý an toàn khi làm việc với hổ, nhằm đảm bảo an toàn cho cả con người và động vật. Trong Thông cáo báo chí phát đi từ Hà Nội ngày 20/9/2023, tổ chức quốc tế hàng đầu về bảo tồn ĐVHD và nâng cao phúc lợi cho động vật bị nuôi nhốt, đã giới thiệu và chia sẻ tập sách chuyên môn “Hướng dẫn kỹ thuật cứu hộ động vật hoang dã hổ Đông Dương” - một loài ĐVHD đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng nghiêm trọng ở Châu Á-Thái Bình Dương.



“Hướng dẫn kỹ thuật cứu hộ ĐVHD Hổ Đông Dương” là một tài liệu cần thiết và hữu ích đối với người làm việc trong lĩnh vực cứu hộ và quản lý ĐVHD.

tỉnh trong cả nước. Trước đây, hổ phân bố rộng ở vùng rừng núi, thậm chí cả ở trung du và hải đảo. Ngày nay, hổ tập trung ở các khu bảo tồn thiên nhiên hoặc vườn quốc gia, nơi rừng ít bị tác động và có chế độ bảo vệ khá nghiêm ngặt.

Hổ ở Việt Nam đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng cao, do khả năng thích nghi thấp với sinh cảnh manh mún và quần thể nhỏ. Hầu hết các khu bảo tồn có hổ sinh sống bị chia cắt, việc phối giống giữa các quần thể ít xảy ra, gây suy thoái nguồn gen, không có lợi cho việc bảo tồn. Hổ Đông Dương không còn được ghi nhận tồn tại trong môi trường hoang dã ở Việt Nam.

MỘT NỖ LỰC BẢO TỒN ĐỘC ĐÁO

Cuốn “Hướng dẫn kỹ thuật cứu hộ động vật hoang dã hổ Đông Dương” ra đời là một trong những nỗ lực nhằm bảo tồn được loài ĐVHD quý hiếm này. Với mục tiêu chấm dứt sự đối xử tàn bạo, thể hiện sự tôn trọng tất cả các loài động vật, Tổ chức Động vật Châu Á đã làm việc chặt chẽ với nhiều nước châu Á, bao gồm cả Việt Nam.

Tập hợp chuyên môn được thể hiện bằng song ngữ Anh - Việt, gồm hơn 200 trang thông tin hữu ích, do các bác sỹ thú y của tổ chức ĐVHD Châu Á biên soạn, có tham khảo thông tin của Trung tâm sức khỏe hổ hoang dã (Wild Tiger Health Centre). Thông tin đưa ra đảm bảo tính chính

xác và đáng tin cậy, được kiểm chứng bởi các chuyên gia thú y về ĐVHD.

Với kinh nghiệm tiếp cận chăm sóc thú y cho nhiều ĐVHD ở các trung tâm cứu hộ, Tổ chức Động vật Châu Á đã tập trung vào cung cấp hướng dẫn kỹ thuật chuẩn thú y, quy trình cứu hộ hổ Đông Dương trong điều kiện nuôi nhốt và ngoài tự nhiên, cách tiếp cận và xử lý an toàn khi làm việc với hổ, nhằm đảm bảo an toàn cho cả con người và động vật.

Tập hợp thông tin được chia thành các phần bao gồm: Yêu cầu cơ bản cần chuẩn bị trước khi cứu hộ; thông tin về thiết bị, công cụ cứu hộ và những yêu cầu cần thiết về thú y; giới thiệu phương pháp an toàn và hiệu quả tiếp cận, đánh giá và xử lý tình huống cứu hộ ĐVHD; quy trình cứu hộ hổ Đông Dương và những bước cần thiết để đảm bảo

an toàn cho người và động vật. Không chỉ giới thiệu về cứu hộ hổ Đông Dương, tài liệu này còn chia sẻ cụ thể về các bước tiến hành và tiếp cận ĐVHD cho mục đích cứu hộ.

Tài liệu chuyên môn nhấn mạnh: “Sự an toàn của nhân viên cứu hộ cũng như động vật phải luôn được ưu tiên hàng đầu”. Những nhân viên chưa qua đào tạo, không có kinh nghiệm không bao giờ được ở một mình với các loài ĐVHD có sức mạnh

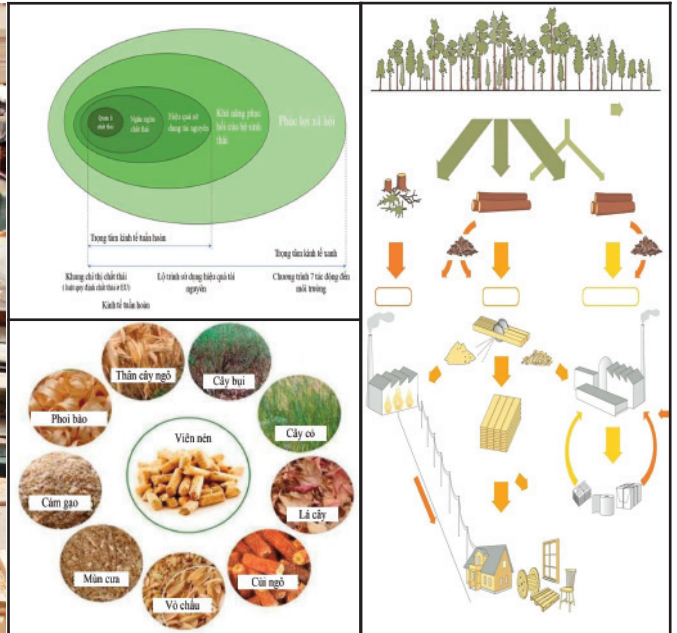
Tại Việt Nam, Tổ chức Động vật Châu Á đã thực hiện nhiều việc quan trọng nhằm nâng cao phúc lợi cho các loài thông qua hợp tác với các cơ quan Chính phủ, nhiều địa phương và các tổ chức cộng đồng. Tổ chức Động vật Châu Á đã có kế hoạch gửi tặng ấn bản tài liệu “Hướng dẫn kỹ thuật cứu hộ động vật hoang dã hổ Đông Dương” tới tất cả các cơ quan chịu trách nhiệm cứu hộ và vận chuyển các loài ĐVHD, đặc biệt ở những nơi có sự hiện diện của hổ, bao gồm các vườn quốc gia, chi cục kiểm lâm các tỉnh, các khu bảo tồn thiên nhiên và những tổ chức có liên quan. “Hướng dẫn kỹ thuật cứu hộ động vật hoang dã hổ Đông Dương” là một tài liệu cần thiết và hữu ích đối với người làm việc trong lĩnh vực cứu hộ và quản lý ĐVHD, giúp nâng cao nhận thức và kiến thức về quá trình cứu hộ ĐVHD, đặc biệt là hổ Đông Dương, đồng thời với cải thiện chăm sóc và bảo tồn loài hổ trong tương lai.■

 Hổ Đông Dương có tên khoa học là *Panthera Tigris Corbetti*, thuộc danh mục các loài nguy cấp trong sách đỏ của IUCN. Loài động vật này sống chủ yếu trong môi trường hoang dã ở bán đảo Đông Dương, hiện còn khoảng 250 cá thể sống tại Myanmar và Thái Lan.



Hổ Đông Dương. (Ảnh Wikipedia)

Phát triển kinh tế tuần hoàn trong ngành chế biến gỗ



Mối quan hệ giữa quản lý chất thải với kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh (Nguồn: Idiano D'Adamo, 2019) và Sơ đồ tuần hoàn chuỗi giá trị sản xuất chế biến gỗ, sản phẩm viên nén năng lượng từ phụ phẩm nông nghiệp.

PGS.TS VŨ HUY ĐÀI
Trường Đại học Lâm nghiệp

KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG SẢN XUẤT CHẾ BIẾN GỖ

Kinh tế tuần hoàn là “mô hình kinh tế mà trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm thiểu khai thác nguyên vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và loại bỏ các tác động tiêu cực tới môi trường”. Ở góc độ nền kinh tế nông nghiệp tuần hoàn gắn với tăng trưởng xanh, phụ phẩm trong nông, lâm nghiệp phải được xem là nguồn tài nguyên tái tạo. Nguồn nguyên liệu này cần được xem là đầu vào quan trọng, kéo dài chuỗi giá trị gia tăng trong nông nghiệp.

Hiện nay, ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản xuất khẩu của Việt Nam đã và đang phát triển nhanh và ổn định, không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm đồ gỗ trong nước mà còn hướng tới xuất khẩu bền vững. Sự tăng trưởng đó thể hiện rõ nét nhất trên quy mô các doanh nghiệp ngành chế biến gỗ. Cụ thể, nếu như cách đây 5 năm, cả nước chỉ có 3.200 doanh nghiệp, thì đến nay đã có khoảng 5.840 doanh nghiệp tham gia vào sản xuất, chế biến đồ gỗ (không tính hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ). Toàn ngành đã thu hút hàng vạn công nhân và hàng triệu hộ nông dân trồng rừng nguyên liệu và thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của nền kinh tế quốc dân.

Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới

(WB), ngành công nghiệp chế biến gỗ là ngành có tiềm năng phát triển, có năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế, thị trường rộng lớn. Báo cáo của Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam cho thấy, kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản của Việt Nam nhiều năm qua đều tăng trưởng đạt từ 12-17%. Năm 2022, mặc dù bị ảnh hưởng của dịch COVID-19 nhưng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vẫn đạt 16,92 tỷ USD, tăng 6,1% so với năm 2021.

Năm 2020, cả nước có trên 340 làng nghề, 5.840 doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, chế biến gỗ và lâm sản, tăng 73% so với năm 2010; trong đó có 4.674 doanh nghiệp chế biến gỗ; 349 doanh nghiệp sản xuất ván nhân tạo (146 doanh nghiệp ván ghép thanh; 132 doanh nghiệp ván lạng, ván bóc; 99 doanh nghiệp ván dán; 45 doanh nghiệp ván dăm và 17 doanh nghiệp ván MDF); 55 doanh nghiệp pallet; 25 doanh nghiệp sản xuất viên nén gỗ, 188 doanh nghiệp sản xuất dăm gỗ và 459 doanh nghiệp chế biến lâm sản ngoài gỗ. Có 26 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào chế biến gỗ ở Việt Nam

như Đài Loan, Hàn Quốc, Anh, Nhật Bản, Trung Quốc,... Các doanh nghiệp chế biến gỗ đã chú trọng đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại, có hệ thống dây chuyền sản xuất tự động, sản xuất được các chi tiết, sản phẩm phức tạp, tiết kiệm nguyên liệu.

Trong những năm gần đây và trong tương lai, hầu như tất cả các sản phẩm gia dụng thiết yếu, ly, chén dụng cụ nhà ăn, túi xách, chứa đồ, bao bì, Palet... đều làm bằng gỗ, giấy). Đây là xu hướng áp đảo của thời đại khi mà nguyên liệu hoá thạch ngày càng khan hiếm và gây ô nhiễm môi trường trầm trọng.

Ngành công nghiệp chế biến gỗ sử dụng nguyên liệu chính là gỗ và lâm sản ngoài gỗ. Thực hành tốt quản lý rừng bền vững và sản xuất chế biến gỗ trong ngành Lâm nghiệp mang lại nhiều cơ hội để thúc đẩy các nguyên tắc của nền kinh tế tuần hoàn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, đồng thời góp phần chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn và theo đuổi các mục tiêu xã hội rộng lớn hơn, bao gồm những nội dung trong Chương trình nghị sự quốc tế đến năm 2030 vì sự phát triển bền vững và các mục tiêu phát triển bền vững

TÁI SỬ DỤNG PHỤ PHẨM CHẾ BIẾN GỖ SẢN XUẤT VIÊN NÉN

Viên nén gỗ, chủ yếu được làm từ phụ phẩm của ngành Lâm nghiệp như cành, ngọn, bìa bắp, vỏ bào, mùn cưa, gỗ vụn. Việc

gia tăng sản xuất mặt hàng này giúp tận dụng nguyên liệu thừa trong các công đoạn chế biến gỗ tạo ra, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, tạo giá trị gia tăng quan trọng cho kim ngạch xuất khẩu.

Việt Nam có trên 300 cơ sở sản xuất viên nén gỗ, khoảng 70-80% tập trung ở các tỉnh phía Nam và Nam miền Trung, nơi có các trung tâm chế biến đồ gỗ xuất khẩu. Viên nén trở thành mặt hàng xuất khẩu lớn thứ 4 trong ngành hàng gỗ. Năm 2022, viên nén đứng thứ 4 về giá trị xuất khẩu trong 8 mặt hàng xuất khẩu của gỗ và lâm sản, chỉ đứng sau đồ gỗ nội ngoại thất, gỗ nguyên liệu (bao gồm cả gỗ dán), dăm gỗ.

Là sản phẩm nằm trong chuỗi chế biến gỗ rừng trồng, nên viên nén có ý nghĩa rất lớn trong nâng cao giá trị cho trồng rừng ở Việt Nam. Giá viên nén gỗ hiện nay đã tăng gần gấp đôi lên 200 euro một tấn tại Việt Nam, mức tăng rất cao so với dưới 100 USD/tấn hồi đầu năm. Các nước đã thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc giảm phát thải khí nhà kính, bao gồm cả việc thay thế các nguồn nguyên liệu hóa thạch bằng các nguồn nguyên liệu sinh học như viên nén trong tương lai. Tại Việt Nam, viên nén cũng trở thành một mặt hàng quan trọng giúp ngành công nghiệp chế biến gỗ phát triển, góp phần thực hiện mục tiêu COP 26 của Việt Nam.

Đặc điểm của viên nén được xác định là

độ ẩm, hàm lượng tro, quá trình đốt cháy suất và nhiệt trị. Kết quả cho thấy, viên nén từ nguyên liệu vỏ hạt lạc đạt nhiệt độ cao hơn lõi ngô. Nhiệt độ thu được của 100g mỗi loại nhiên liệu là 7560C và 6000C đối với hạt nghiền và viên lõi ngô tương ứng. Kết quả kiểm tra giá trị nhiệt lượng ròng cho lõi ngô được tìm thấy là 13,8MJ/kg trong khi của viên vỏ lạc là 13,9MJ/kg. Những kết quả này cho thấy rằng, các viên nén có khả năng tạo ra nhiệt đó là đủ để sử dụng trong gia đình nếu các thiết bị thích hợp được đã sử dụng.

Từ việc tái sử dụng phụ phẩm chế biến gỗ sản xuất viên nén, có thể khẳng định, phát triển công nghiệp chế biến gỗ là giải pháp tái tạo tuần hoàn bền vững nhất đáp ứng yêu cầu về phát triển kinh tế, xã hội và môi trường. Ưu điểm của sản phẩm ngành công nghiệp chế biến gỗ là tạo ra sản phẩm xanh, thân thiện môi trường, rất ít sử dụng nguyên liệu hoá thạch. Khi hết vòng đời các sản phẩm của chuỗi có thể tái tạo vòng đời mới, tạo ra các sản phẩm, tạo ra nguồn năng lượng mới thay thế các năng lượng truyền thống, hoặc phân huỷ nhanh không gây ảnh hưởng môi trường và thậm chí có thể làm phân bón hữu cơ sử dụng trong kinh tế nông nghiệp và kinh tế trồng rừng. ■



Nhà máy sản xuất viên nén gỗ tại Việt Nam



Đại đa số chúng ta đều nghĩ rằng, điện Mặt Trời (ĐMT) là điện lấy từ năng lượng, là Trời cho và đương nhiên rằng, càng có nhiều ĐMT trong hệ thống thì giá điện phải càng rẻ. Nhưng nghịch lý là, khi ĐMT phát triển đến một ngưỡng nào đó thì giá điện của hệ thống sẽ tăng theo sự gia tăng của ĐMT. Bài viết này hy vọng sẽ cùng bạn đọc làm sáng tỏ “nghịch lý” trên.

TS. LÊ HẢI HƯNG

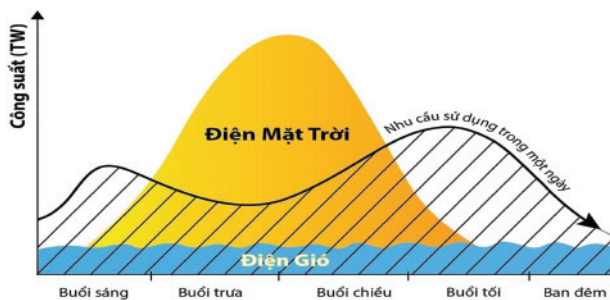
Viện Nghiên cứu ứng dụng công nghệ

Giải mã “nghịch lý” giá điện tăng khi tỷ lệ điện mặt trời tăng

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM (VÀ CŨNG LÀ NHƯỢC ĐIỂM) CỦA ĐMT

Thứ nhất, ĐMT phát thất thường, không liên tục. ĐMT chỉ phát vào giờ nắng, giữa trưa nắng to thì được nhiều điện hơn buổi sáng và xế chiều. Ở miền Bắc, trong các tháng 7, 8 thì ĐMT phát tốt nhưng tháng 2, tháng 3, trời nhiều mây, âm u, không có nắng thì hầu như không có ĐMT. Rồi trường hợp trời đang nắng, ĐMT đang phát tốt nhưng đột nhiên có một đám mây đi qua nên ĐMT bị ngắt quãng.

Thứ hai, ĐMT phát lệch pha về thời gian so với nhu cầu sử dụng. ĐMT phát công suất cực đại vào giờ thấp điểm, tức là vào lúc mà nhu cầu sử dụng điện không nhiều.



Mô tả biểu đồ phát của ĐMT và nhu cầu sử dụng trong ngày.

Lấy một thí dụ tại TP. Hồ Chí Minh, nơi có cường độ bức xạ mặt trời khoảng 4,5 kWh/m²/ngày, một hộ gia đình bình quân tiêu thụ điện 18kWh/ngày, muốn lắp đặt một hệ ĐMT áp mái để tạo ra điện năng tương đương với điện năng đã sử dụng thì hộ này phải lắp đặt hệ ĐMT áp mái công suất 4kWp. Điện năng mà hệ thống phát ra trong một ngày là $W = 4kWp \times 4,5 kWh/kWp/ngày = 18kWh$ (18 số điện, vừa đủ điện năng gia đình dùng trong một ngày).

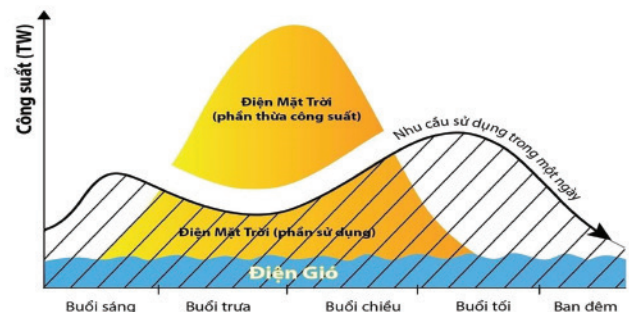
Nghịch lý ở chỗ, gia đình này hầu như không được sử dụng điện năng “của nhà mình” tạo ra. Bởi buổi sáng, nhu cầu sử dụng điện nhiều thì ĐMT chưa phát. Buổi trưa, khi ĐMT phát tốt nhất thì không ai ở nhà. Buổi tối về nhà nhu cầu dùng điện rất cao thì hết nắng nên không có ĐMT. Trạm ĐMT áp mái của gia đình này vô hình trung đã “ăn cơm nhà, vác tù và hàng tổng”!

Thứ ba, ĐMT còn lệch pha về không gian, nghĩa là những vùng kinh tế kém phát triển, nhu cầu dùng điện ít như Ninh Thuận, Tây Nguyên thì lại giàu ĐMT. Trong khi Hà Nội và các tỉnh phía Bắc, nhu cầu dùng điện nhiều thì lại khó phát triển ĐMT. [2]

GIÁ ĐIỆN TĂNG KHI ĐMT VƯỢT NGƯỠNG VÀ CÀNG TĂNG KHI ĐMT CÀNG NHIỀU

“Ngưỡng” là khi công suất ĐMT chưa đủ lớn, sự tham gia của ĐMT chưa đến mức phải điều độ hệ thống phát điện. Ngưỡng này phụ thuộc vào công suất của phụ tải và độ “vững chắc” của hệ thống truyền tải. Ở Việt Nam, do hoàn cảnh địa lý đặc biệt, đất nước trải theo chiều dài và chỉ có một trục đường dây 500kV nên trong năm 2021, khi ĐMT mới chỉ chiếm khoảng 4,3% điện năng thương mại mà chúng ta đã phải xả bỏ 1,3 tỷ kW/h. [3]

Chế độ phát vượt ngưỡng là tình trạng công suất của ĐMT đã chiếm một tỷ lệ đáng kể trong toàn hệ thống lưới điện. Lúc này, biểu đồ



Biểu đồ ĐMT vượt ngưỡng.

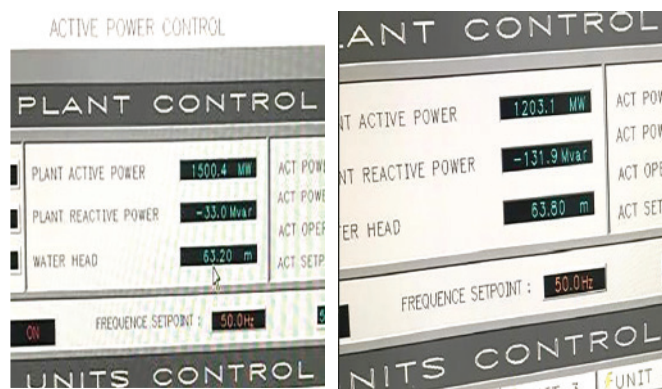
phát của ĐMT có một phần công suất thừa.

Có ba giải pháp để có thể sử dụng phần điện năng thừa:

Thứ nhất, gia cố, xây dựng thêm hệ thống truyền tải để có thể hấp thụ được hết sự tăng đột biến của ĐMT. Kinh phí xây dựng thêm hệ thống truyền tải là một thứ kinh phí “phát sinh” nên phải được tính vào giá điện và thường được gọi là phụ phí truyền tải.

Thứ hai, điều độ công suất phát của các nhà máy phát điện truyền thống khác. Thực chất của việc điều độ là phối hợp hoạt động của toàn hệ thống để đáp ứng yêu cầu của phụ tải. Thực tế ở Việt Nam cho thấy, khi có sự tham gia của ĐMT thì quá trình điều độ trở nên phức tạp hơn rất nhiều. Trong quá trình điều độ, người ta thậm chí có thể phải dùng

phát một phần hoặc toàn bộ một nhà máy phát điện truyền thống để “dành” công suất phát cho ĐMT. Trong trường hợp này, nhiều nhà máy

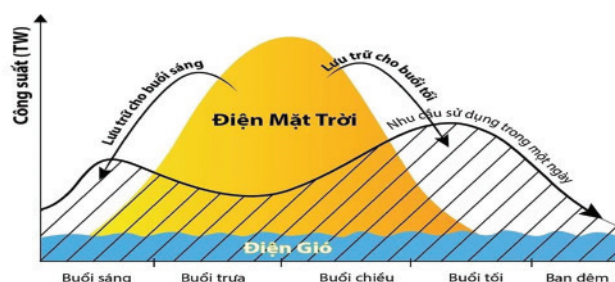


Nhà máy Thủy điện Sơn La phát công suất 1500MW vào lúc 8h00 sáng nhưng đã giảm xuống 1200MW vào lúc 12h00 để chấp hành điều độ của hệ thống. (Ảnh: Lê Hải Hưng, chụp ngày 27/7/2020)

điện truyền thống đã đóng vai trò là “phát điện dự phòng”.

Như đã biết, mỗi loại hình phát điện đều có “quán tính” hay “độ trễ” tính bằng thời gian để hệ thống trở lại phát điện bình thường tính từ lúc ngừng hoạt động. Về mặt vật lý, ta thấy quán tính của máy phát điện diesel là nhỏ nhất (tính bằng thời gian khởi động máy), sau đó là nhà máy thủy điện (tính thời gian đóng mở của xả của đập nước). Trong khi các nhà máy khác như nhiệt điện chạy than, chạy dầu, chạy khí đốt, nhà máy điện hạt nhân,... độ trễ tính bằng thời gian cung cấp nhiệt đun sôi và hóa hơi nước để chạy tua bin phát điện. Thời gian khởi động của các loại hình phát điện này đều tính bằng giờ, trong đó thời gian khởi động (nhóm lò) của các nhà máy nhiệt chạy than là lớn nhất tính bằng hàng chục giờ.

Chấp hành điều độ, các nhà máy nhiệt điện phải chạy theo lệnh, thậm chí là cầm chừng. Khi đó, ngoài việc giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng phát thải khí nhà kính thì tất cả các chi phí vận hành đều tăng, dẫn đến việc tất yếu phải tăng giá điện.



Giải pháp lưu trữ ĐMT.

Thứ ba, lưu trữ điện năng. Bản chất công nghệ lưu trữ điện năng là lưu trữ điện lúc dư thừa (giờ thấp điểm) và phát lại vào giờ cao điểm.

Chắc chắn rằng, chỉ có lưu trữ điện, nhân loại mới có thể loại bỏ được hoàn toàn các loại hình phát điện dùng nhiên liệu hóa thạch trong tương lai. Có nhiều loại hình lưu trữ điện, song hiện nay, hai công nghệ được dùng phổ biến là thủy điện tích năng và công nghệ điện hóa (lưu trữ điện bằng pin).

Bản chất của công nghệ thủy điện tích năng là dùng năng lượng

mặt trời lúc dư thừa để bơm nước lên một hồ chứa ở trên cao và xả nước làm quay tuabin phát điện vào giờ cao điểm. Công nghệ này chiếm khoảng 90% tổng điện năng lưu trữ trên toàn thế giới. Ở Việt Nam, năm 2022, chúng ta đã khởi công xây dựng Nhà máy thủy điện tích năng Bắc Ái (Ninh Thuận) với tổng công suất 1200MW với tổng chi phí 21.000 tỷ đồng và sẽ phát điện vào năm 2029. Hy vọng khi nhà máy này hoạt động thì sẽ tận dụng được hầu hết điện năng dư thừa của một số nhà máy ĐMT tại Ninh Thuận

Công nghệ lưu trữ bằng pin Lithium đã phát triển rất nhanh trên thế giới và cũng rất mau lẹ ở Việt Nam. Hiện nay, nhiều hộ gia đình hoặc cơ quan có ĐMT áp mái đã tự trang bị hệ thống lưu trữ bằng pin Lithium. Tuy nhiên công nghệ lưu trữ được gọi là công nghệ giành cho nhà giàu vì rất đắt đỏ.

Người ta cũng đã tính được là khi áp dụng công nghệ lưu trữ thì giá ĐMT sẽ tăng lên gấp nhiều lần so với hiện tại và kéo theo giá điện sẽ tăng. Có lẽ chính vì vậy nên ngay trong Quy hoạch điện VIII, chúng ta mới đề ra chỉ tiêu rất khiêm tốn là đến 2030 thủy điện tích năng chiếm 1,6%, ứng với 2.400MW và pin lưu trữ chiếm 0,2%, ứng với 300MW. [1]

Kết luận

Đến đây, chúng ta có thể kết luận rằng, phần gia tăng giá bán điện khi có sự tham gia của ĐMT chính là phần “kinh phí phát sinh” để tận dụng phần công suất dư thừa, lệch pha của ĐMT. Người viết hy vọng sẽ nhận được sự chia sẻ của bạn đọc và cũng hy vọng chúng ta sẽ thống nhất với nhau rằng, giá điện sẽ tăng theo sự gia tăng của ĐMT là một thực tế khách quan chứ không phải là một nghịch lý.

Tăng giá điện là một vấn đề rất nhạy cảm vì nó ảnh hưởng đến đời sống của tất cả mọi người. Vì vậy, khi tính toán giá điện, cần phân tích tác động của tất cả các yếu tố cấu thành chứ không nên lấy việc ảnh hưởng của ĐMT làm cái “cớ” để tăng giá điện. Khi làm minh bạch chuyện này, nhất định chúng ta sẽ nhận được sự chia sẻ của người tiêu dùng.

Và cuối cùng là, để hướng tới mục tiêu đưa phát thải ròng về “0” (Net-Zero), chúng ta phải chấp nhận quy luật có vẻ như “nghịch lý” trên. Trong mọi trường hợp, sự tham gia của ĐMT và các loại năng lượng tái tạo khác là xu thế tất yếu để bảo vệ môi trường, chống lại sự biến đổi khí hậu và mang lại sự phát triển bền vững cho Việt Nam cũng như mọi quốc gia trên thế giới. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Quy hoạch điện VIII “Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 20021 – 2030, tầm nhìn đến 2030”, 15/5/2023.
- [2]. Lê Hải Hưng: “Nhận thức đúng những hạn chế của điện Mặt Trời để có quyết sách đúng về năng lượng”, Tạp chí Ánh sáng và Cuộc sống 17/10/2019.
- [3]. Cường Ngô: “Điện Mặt Trời có thể bị xả bỏ 8 tỷ kWh trong năm 2021”, Báo Lao Động 7/10/2021.

Nghiên cứu công nghệ tách sợi từ lá dứa bằng phương pháp cơ học

VŨ HUY ĐẠI¹, TẠ THỊ PHƯƠNG HOA¹,
NGUYỄN THỊ LOAN¹, TỐNG THỊ PHƯỢNG¹, VŨ THỊ NGOAN²

TÓM TẮT

Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu xác định một số thông số công nghệ tách sợi từ lá dứa bằng phương pháp cơ học trên thiết bị tách sợi TS.HĐ.HN.02. Xác định được ảnh hưởng khoảng cách giữa ru lô tách sợi và ru lô cuốn đến tỷ lệ tách sợi và khoảng cách hợp lý bằng 1,5 lần chiều dày lá dứa; xác định ảnh hưởng của độ ẩm lá dứa khi tách đến tỷ lệ tách sợi, khi lá dứa tươi, độ ẩm cao, đạt giá trị trung bình khoảng 82,20%, tương ứng với thời gian lưu giữ lá dứa sau khai thác quả từ 1 - 7 ngày, quá trình tách sợi trên thiết bị TS.HĐ.HN.02 thuận lợi hơn và tỷ lệ tách sợi cao hơn và đạt 2,61%. Xây dựng được quy trình công nghệ tách sợi từ lá dứa bằng phương pháp cơ học trên thiết bị TS.HĐ.HN.02 được chế tạo. Xác định tính chất của sợi dứa sau khi tách và làm sạch: đường kính sợi dứa 49,2 - 62,5 μm ; độ mảnh sợi 2,65 tex, độ bền đứt trung bình 78,1 g/xơ, độ bền đứt tương đối trung bình 28,8 cN/tex. Xác định các tính chất của sợi xe dứa trong các trường hợp có đường kính từ 1 mm đến 2 mm và từ 3 mm đến 4 mm tương ứng là: chỉ số sợi 1053 tex, 6097 tex; độ săn sợi 116 x/m, 118 x/m; độ bền kéo đứt sợi 3044 cN, 25812 cN; độ giãn đứt sợi 2,5%, 5,5%; độ bền tương đối 5,5 cN/tex, 4,2 cN/tex.

Từ khóa: Sợi dứa, sợi xe dứa, tách sợi.

1. MỞ ĐẦU

Tại Việt Nam, cây dứa được trồng với diện tích 47.006,5 ha [8]. Hằng năm cả nước thu hoạch trên dưới 600.000 tấn dứa và điều này cũng đồng nghĩa với việc bỏ đi một lượng gấp đôi lá dứa không sử dụng gây lãng phí và ô nhiễm môi trường. Ở một số nước châu Á đã ứng dụng công nghệ tách sợi tự nhiên từ lá dứa bằng phương pháp cơ học sử dụng các thiết bị tách sợi làm nguyên liệu sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ từ sợi dứa: thảm cửa, thảm (hình dạng khác nhau), giỏ, treo tường, hộp trang sức (nhỏ, lớn), ví, khay, túi có kích cỡ khác nhau, bát, đế lót ly, túi, thảm trải bàn, vỏ di động, bìa đựng hồ sơ, giỏ đựng trái cây; các đồ gia dụng như khăn trải bàn, túi xách, chiếu và các mặt hàng quần áo [10]. Các sản phẩm phụ của lá dứa từ quá trình tách sợi còn được sử dụng bằng cách ủ để sản xuất loại phân hữu cơ giàu chất dinh dưỡng, hoặc dùng làm nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất năng lượng sinh học [11]. Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu về xác lập một số thông số, xây dựng quy trình công nghệ tách sợi tự nhiên từ lá dứa; xác định tính chất cơ lý của sợi dứa làm cơ sở định hướng cho sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Lá dứa sau khi khai thác quả dứa. Ở đây lá dứa được lựa chọn để nghiên cứu từ Nông trường Dứa Suối Hai, Ba Vì, Hà Nội. Kích thước lá dứa: chiều dài 640 - 700 mm; chiều rộng 55 - 65 mm; chiều dày 1,8 - 2,2 mm.

2.2. Thiết bị tách sợi từ lá dứa

2.2.1. Đặc tính thiết bị tách sợi tự nhiên từ lá dứa

Thiết bị được sử dụng tách sợi dứa từ lá dứa bằng phương pháp cơ học là sản phẩm thiết kế, chế tạo của đề tài khoa học công nghệ cấp thành phố Hà Nội [1]. Thông số kỹ thuật chủ yếu của thiết bị tách sợi từ lá dứa được thể hiện ở bảng 1.



Hình 1. Thiết bị tách sợi từ lá dứa TS.HĐ.HN.02

¹ Trường Đại học Lâm nghiệp

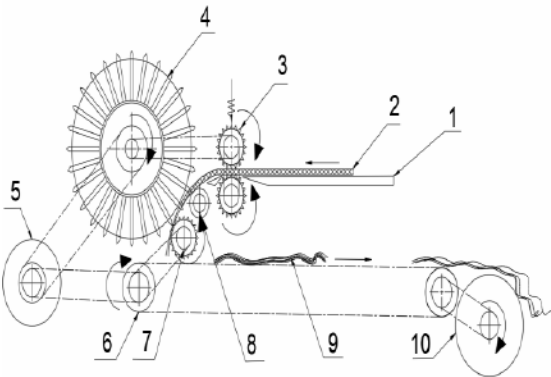
² Viện Nghiên cứu Công nghiệp Rừng, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

Bảng 1. Thông số kỹ thuật của thiết bị tách sợi từ lá dứa

STT	Nội dung	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
1	Kích thước tổng thể (DxRx C)	mm	2330 x 600 x 1150
2	Tổng công suất điện	kW	2,75
4	Điều khiển		Bán tự động
5	Hệ thống nạp liệu		Thủ công
6	Băng tải		
6.1	Vật liệu		Vải cao su
6.2	Kích thước băng tải (DxR)	mm	1420 x 300
6.3	Tốc độ quay ru lô băng tải	vòng/phút	60

Ghi chú: Theo kết quả của đề tài “Nghiên cứu công nghệ và thiết bị tách sợi tự nhiên từ bẹ chuối, lá dứa bằng phương pháp cơ học trong nguyên liệu phục vụ sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ” [1].

2.2.2. Nguyên lý tách sợi tự nhiên từ lá dứa bằng phương pháp cơ học



Hình 2. Nguyên lý hoạt động của thiết bị tách sợi từ lá dứa

Lá dứa (2) được đẩy vào từ máng (1) và được các rulô nhám (3) kéo vào dao tách sợi (4). Quá trình va đập của dao tách sợi kết hợp với rulô cố định (8) sẽ loại bỏ các phần sơ và bã, sau đó lá dứa chỉ còn phần lớn sợi (9) sẽ được rơi xuống và được rulô (7) cuộn xuống băng tải (6) chuyển động ngoài. Đầu băng tải (6) có lắp trống (10) để hỗ trợ cho quá trình thu sợi và loại bỏ các phần bã còn sót lại. Sau khi qua 2 bộ

phần tách, sợi và các phần sơ rơi tách riêng ra 2 băng tải thu hồi và được đưa ra ngoài. Phế liệu sau khi tách sợi sẽ được thu hồi và được sử dụng sản xuất phân hữu cơ.

* Các dụng cụ thí nghiệm:

- Cân chỉ số Testex, thiết bị kéo đứt đa năng MesdanLab, thiết bị kiểm tra độ săn sợi Uster Tester 5.
- Cân điện tử FWD 60: phạm vi cân: 60 kg, sai số: 0,01 kg, dùng để cân khối lượng lá dứa của mẫu thực nghiệm.
- Cân điện tử WH-B05: phạm vi cân: 5 kg, sai số: 1 g, dùng để cân khối lượng sợi.
- Tủ sấy thí nghiệm Memert, có thể điều chỉnh nhiệt độ đến 300°C, dùng để sấy các mẫu lá dứa khi xác định độ ẩm lá dứa.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Bố trí thực nghiệm

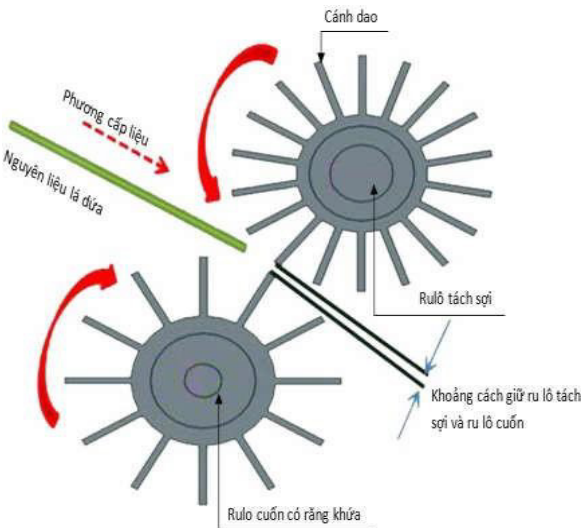
Bố trí thực nghiệm đơn yếu tố, thực hiện nghiên cứu riêng rẽ đối với 2 yếu tố: 1) Khoảng cách giữa ru lô tách sợi và ru lô cuộn; 2) Độ ẩm lá dứa khi tách sợi.

Yếu tố đầu ra: Tỷ lệ tách sợi, %.

Yếu tố cố định: Tần số biến tần bằng 15 Hz.

Yếu tố thay đổi: Khoảng cách giữa ru lô tách sợi và ru lô cuộn; độ ẩm lá dứa ở 3 cấp độ khác nhau, tương ứng với thời gian lưu giữ lá dứa sau khai thác quả.

- Khoảng cách giữa ru lô tách sợi và ru lô cuộn:



Hình 3. Sơ đồ tiếp liệu lá dứa; khoảng cách giữa ru lô tách sợi và ru lô cuộn

Khoảng cách giữa ru lô tách sợi và ru lô cuốn ảnh hưởng đến lực ép lên lá dứa trong quá trình tách sợi. Sơ đồ nguyên lý tiếp liệu lá dứa, vị trí của lá dứa, vị trí của ru lô tách sợi và ru lô cuốn trong thiết bị TS.HĐ.HN.02 được thể hiện ở hình 3 [8].

Cần xác định khoảng cách hợp lý giữa ru lô tách sợi và ru lô cuốn để thu được tỷ lệ tách sợi cao, làm cơ sở điều chỉnh khi tách sợi trên thiết bị TS.HĐ.HN.02.

Yếu tố thay đổi: khoảng cách giữa ru lô tách sợi và ru lô cuốn thay đổi ở 3 mức khoảng cách (khe hở giữa ru lô tách sợi và ru lô cuốn): KC1; KC2; KC3, tương ứng lần lượt là 1,2 t; 1,5 t; 1,8 t (trong đó t là chiều dày lá dứa).

Khi xác định kích thước lá dứa, thu được kết quả: chiều dày lá dứa trong khoảng 1,8 - 2,2 mm. Trong nghiên cứu này, lấy chiều dày trung bình của lá dứa 2 mm để điều chỉnh khoảng cách giữa ru lô tách sợi và ru lô cuốn.

- Độ ẩm lá dứa khi tách

Trong quá trình lưu giữ lá dứa sẽ bị biến màu, bị vàng, úa, giảm độ ẩm, ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả tách sợi. Do vậy, trong nội dung này, đã nghiên cứu ảnh hưởng của độ ẩm lá dứa khi tách sợi đến tỷ lệ tách sợi.

Độ ẩm lá dứa khi tách sợi thay đổi ở 3 mức: $W1 = 82 \pm 2\%$, tương ứng với thời gian lưu giữ từ 1 - 7 ngày sau khi khai thác lá; $W2 = 70 \pm 2\%$, thời gian lưu giữ 7 - 15 ngày, $W3 = 58 \pm 2\%$, thời gian lưu giữ từ 15 - 20 ngày. Lấy giá trị trung bình của độ ẩm lá dứa khi tách lần lượt là 82%, 70%, 58%.

2.3.2. Lấy mẫu thực nghiệm

Thực nghiệm được tiến hành riêng rẽ với 2 yếu tố (khoảng cách giữa ru lô tách sợi và ru lô cuốn, độ ẩm lá dứa khi tách), mỗi yếu tố thay đổi ở 3 mức, ứng với 3 chế độ thực nghiệm. Như vậy với mỗi yếu tố cần 3 lô mẫu/lần lặp x 3 lần lặp.

Lá dứa được lấy từ các cây dứa sau khi khai thác quả, loại bỏ những lá úa vàng, khô, thối. Phân chia lá dứa và bó thành các bó có khối lượng 29 - 31 kg/bó, mỗi bó ứng với một mẫu thực nghiệm, đánh mã hiệu mẫu. Thực hiện việc lấy mẫu với số lượng 10 mẫu/chế độ thực nghiệm.

2.3.3. Các bước tiến hành

- Lấy mẫu thực nghiệm, phân chia mẫu, đánh mã hiệu mẫu thực nghiệm.

- Cắt mẫu xác định độ ẩm nguyên liệu: Lấy 20% số lá dứa trong mỗi bó và cắt từ đầu ngọn các lá một đoạn dài khoảng 30 mm.

- Cân khối lượng các mẫu xác định độ ẩm (m_w) và đưa vào sấy trong tủ sấy thí nghiệm ở nhiệt độ $103 \pm 2^\circ\text{C}$ cho đến khi mẫu đạt trạng thái khô kiệt (khối lượng không đổi), cân khối lượng mẫu khô kiệt m_o .

- Cân khối lượng (M_{bd}) các bó lá dứa còn lại sau cắt mẫu xác định độ ẩm.

- Tiến hành tách sợi theo bố trí thực nghiệm đã định.

- Sau khi tách sợi từ lá dứa trong mỗi mẫu, bó phần sợi thu được thành bó, đánh mã hiệu trùng với mã hiệu của mẫu.

- Rửa sợi bằng nước và giặt sạch sợi để loại bỏ bớt các chất bã, diệp lục bám trên bề mặt sợi. Tiếp theo xử lý sợi bằng dung dịch NaOH 3% ở nhiệt độ 95°C trong thời gian 2 giờ sau đó rửa bằng nước và trung hòa với axit nhẹ.

- Phơi khô sợi: Sợi dứa sau khi làm sạch được hong phơi đạt độ ẩm 10 - 12%.

- Các bó sợi khô thu được từ các mẫu, được lưu giữ ổn định trong cùng điều kiện phòng trong 3 ngày để cân bằng độ ẩm sợi thu được từ các mẫu.

- Cân khối lượng sợi khô thu được sau khi lưu giữ ổn định (M_{sk}).

Độ ẩm ban đầu của lá dứa (các mẫu thực nghiệm) được xác định theo công thức:

$$W_{bd} = 100 \times (m_{bd} - m_o) / m_{bd}, \% \quad (1)$$

Tỷ lệ tách sợi được tính theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ tách sợi} = (\text{Khối lượng sợi} / \text{Khối lượng nguyên liệu lá dứa}) \times 100, \% \quad (2)$$

Độ ẩm của các mẫu lá dứa không bằng nhau ở các mẫu (các bó lá) nên để đánh giá một cách chính xác mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến tỷ lệ tách sợi (loại bỏ ảnh hưởng của độ ẩm nguyên liệu lá dứa) cần chuyển đổi khối lượng mẫu thực nghiệm M_{tn} về khối lượng ở cùng độ ẩm, có nghĩa là đưa trị số khối lượng nguyên liệu lá dứa của tất cả các mẫu thực nghiệm về trị số ở cùng độ ẩm. Trong quá trình thực nghiệm, trị số độ ẩm của lá dứa tươi, sau khi khai thác, ở trong khoảng 78 - 85%. Vì thế, trong nghiên cứu này, đã chuyển đổi khối lượng mẫu thực nghiệm về trị số khối lượng mẫu ở độ ẩm 80%, theo công thức:

$M_{80} = M_{tn}(100 - W_{tn}) / (100 - 80), \text{ kg} \quad (3)$

Như vậy, trong nghiên cứu này, với mỗi mẫu thực nghiệm tỷ lệ tách sợi tính cho sợi khô được tính theo công Minion Prothức:

$\text{Tỷ lệ tách sợi khô} = (M_{sk} / M_{80}) \times 100, \% \quad (4)$

Tỷ lệ tách sợi khô của mỗi chế độ thực nghiệm được tính bằng giá trị trung bình cộng của đại lượng này của 10 mẫu thực nghiệm.

Khi nghiên cứu ảnh hưởng của độ ẩm lá dừa khi tách đến tỷ lệ tách sợi, xác định thời điểm bó lá dừa đạt độ ẩm yêu cầu theo bố trí thực nghiệm thông qua khối lượng bó lá.

Sử dụng công thức chuyển đổi để tính khối lượng bó lá dừa (mẫu thực nghiệm) ở trạng thái khô kiệt M_0 : $M_0 = M_{bd}(100 - W_{bd}) / 100, \text{ kg} \quad (5)$

Khối lượng của bó lá dừa tươi sẽ giảm dần trong quá trình lưu giữ, qua khối lượng bó lá dừa xác định độ ẩm của mẫu thực nghiệm. Vì thế, trong quá trình lưu giữ, mỗi 12 giờ cần phải cân bó lá dừa và dừng quá trình lưu giữ, đưa vào tách sợi khi bó lá dừa đạt độ ẩm yêu cầu $W_{tách}$, nghĩa là đạt khối lượng ở độ ẩm $W_{tách}$. Khối lượng bó lá dừa ở độ ẩm $W_{tách}$ được tính theo công thức: $M_{tách} = 100M_0 / (100 - W_{tách}), \text{ kg} \quad (5)$

** Xác định tính chất sợi dừa*

Sợi dừa sau khi tách từ lá dừa trên thiết bị TS.HĐ.HN.02 được xử lý và rửa sạch bằng nước, sau đó được hong phơi đến độ ẩm 11 - 14%. Trong công trình này, đã tiến hành xe sợi dừa đường kính từ 1 mm đến 3 mm, định hướng sử dụng sợi làm hàng thủ công mỹ nghệ. Xác định tính chất sợi theo các tiêu chuẩn Việt Nam, cụ thể như sau: chỉ số sợi (g/m) theo TCVN 5785 - 2009 [2]; độ săn (vòng xoắn/m) theo TCVN 5788 - 2009 [3]; độ dẫn dài khi đứt, độ bền đứt con sợi theo TCVN ISO 2062: 2009 [5]. Phép thử được thực hiện trên máy kéo đứt đa năng Mesdanlab với các thông số sau: Tốc độ kéo đứt: 50 mm/phút; lực căng ban đầu: 5 cN; khoảng cách hàm kẹp: 100 mm. Các sợi được tách ra khỏi chùm sợi và đưa vào ngàm kẹp, sau đó chạy máy. Tại thời điểm sợi bị đứt, lực kéo đứt lớn nhất và độ giãn khi đứt của sợi được ghi lại. Mỗi mẫu sợi, số lần thử nghiệm kéo sợi 7 lần sau đó lấy giá trị trung bình [2].

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Ảnh hưởng của khoảng cách giữa ru lô tách và ru lô cuốn đến tỷ lệ tách sợi

Kết quả xác định ảnh hưởng của khoảng cách giữa ru lô tách sợi và ru lô cuốn đến tỷ lệ tách sợi được tổng hợp ở bảng 2.

Bảng 2. Ảnh hưởng của khoảng cách giữa ru lô tách sợi và ru lô cuốn đến tỷ lệ tách sợi

TT	Lô mẫu	Chế độ thực nghiệm	Khối lượng lá dừa (kg)	Khối lượng sợi khô thu được (g)	Độ ẩm lá dừa (%)	Khối lượng lá dừa chuyển đổi về độ ẩm 80% (kg)	Tỷ lệ sợi khô (%)
1	KC1.1	Khoảng cách 1 = 1,2t	30,36	516	82,80	26,11	1,98 (± 0,286)
2	KC1.2		30,15	580	81,62	27,69	2,09 (± 0,221)
3	KC1.3		29,89	503	82,67	25,90	1,92 (± 0,289)
	Trung bình của 3 lần lặp		30,13	533	82,36	26,57	2,00
4	KC2.1	Khoảng cách 2 = 1,5t	30,17	740	81,31	28,19	2,62 (± 0,163)
5	KC2.2		30,43	689	82,46	26,67	2,56 (± 0,164)
6	KC2.3		30,28	690	82,44	26,58	2,60 (± 0,269)
	Trung bình của 3 lần lặp		30,29	706	82,07	27,15	2,59
7	KC3.1	Khoảng cách 3 = 1,8t	30,27	643	82,04	27,18	2,36 (± 0,180)
8	KC3.2		30,28	566	82,13	27,05	2,07 (± 0,291)
9	KC3.3		30,10	568	82,7	26,05	2,18 (± 0,243)
	Trung bình của 3 lần lặp		30,22	592	82,29	26,76	2,20

Ghi chú: t là chiều dày lá dừa, lấy bằng chiều dày trung bình của lá dừa và bằng 2 mm

Kết quả cho thấy, tỷ lệ tách sợi khi khoảng cách giữa ru lô tách và ru lô cuốn bằng 1,5 t cao hơn tỷ lệ tách sợi khi khoảng cách này bằng 1,2 t và 1,8 t.

Kết quả phân tích phương sai cho thấy, có sự khác biệt về tỷ lệ tách sợi ở 3 chế độ thực nghiệm. Kết quả so sánh từng cặp cho thấy, có sự khác biệt về tỷ lệ tách sợi ở chế độ KC1 và chế độ KC2, ở chế độ KC2 và KC3, ở chế độ KC1 và KC3.

Khi khoảng cách giữa ru lô tách sợi và ru lô cuốn bằng 1,2 lần chiều dày lá (tương đương 2,4 mm) tỷ lệ tách sợi đạt 2%, kết quả là thấp nhất trong 3 chế độ thực nghiệm do khe hở hẹp khó thoát phần màng và phần mô mềm, kết hợp với độ rung trong quá trình gia công dẫn đến sợi thường bị cắt đứt. Khi khoảng cách giữa ru lô tách sợi

và ru lô cuốn bằng 1,5 lần chiều dày lá màng lụa và mô mềm đã dễ thoát hơn khỏi vị trí cắt và lực ép là đủ lớn để tách rời các phần của lá dứa nên tỷ lệ tách sợi tăng lên và đạt 2,59%. Tuy nhiên khi tiếp tục tăng độ rộng lên đến 1,8 lần chiều dày lá thì khe hở giữa 2 ru lô lớn, lực ép lên lá dứa giảm, lá dứa chỉ chuyển động, ít chịu tác động của các ru lô để tách các phần của lá dứa ra khỏi lá làm cho tỷ lệ tách sợi giảm và đạt giá trị trung bình 2,20%.

3.2. Ảnh hưởng của độ ẩm lá dứa khi tách đến tỷ lệ tách sợi

Kết quả xác định tỷ lệ tách sợi khi thay độ ẩm lá dứa được thể hiện trong bảng 3.

Bảng 3. Ảnh hưởng của độ ẩm lá dứa khi tách đến tỷ lệ tách sợi

TT	Lô mẫu	Chế độ thực nghiệm	Khối lượng lá dứa ban đầu (kg)	Khối lượng lá dứa trước khi tách (kg)	Khối lượng sợi khô thu được (g)	Độ ẩm ban đầu của lá dứa (%)	Khối lượng lá dứa chuyển đổi về độ ẩm 80% (kg)	Độ ẩm lá dứa trước khi tách sợi (%)	Tỷ lệ sợi khô (%)
1	W1.1	Độ ẩm lá dứa khi tách W1= 82 ± 2%	30,20	30,20	706	82,04	27,11	82,04	2,63 (± 0,151)
2	W1.2		30,22	30,22	689	82,40	26,58	82,40	2,60 (± 0,215)
3	W1.3		30,19	30,19	697	82,17	26,91	82,17	2,58 (± 0,209)
	Trung bình của 3 lần lặp		30,20	30,20	697	82,20	26,87	82,20	2,61
4	W2.1	Độ ẩm lá dứa khi tách W2= 70 ± 2%	29,94	17,81	635	82,13	26,75	69,31	2,36 (± 0,243)
5	W2.2		30,14	17,53	610	82,69	26,09	69,78	2,35 (± 0,289)
6	W2.3		30,25	17,90	616	82,32	26,72	71,10	2,31 (± 0,213)
	Trung bình của 3 lần lặp		30,11	17,75	620	82,38	26,52	70,06	2,34
7	W3.1	Độ ẩm lá dứa khi tách W3= 58 ± 2%	29,80	12,24	493	82,99	25,34	57,77	1,86 (± 0,120)
8	W3.2		30,06	12,13	484	83,13	25,37	58,91	1,81 (± 0,223)
9	W3.3		30,08	12,42	489	82,76	25,94	59,42	1,76 (± 0,203)
	Trung bình của 3 lần lặp		29,98	12,26	488	82,96	25,55	58,70	1,81

Kết quả ở bảng 3 cho thấy, tỷ lệ tách sợi dứa giảm khi độ ẩm lá dứa khi tách giảm. Khi độ ẩm trung bình của lá dứa bằng 82,20%, tỷ lệ tách sợi đạt 2,61%. Quá trình tách sợi từ lá dứa ở độ ẩm 70,06% và 58,70% tỷ lệ tách sợi lần lượt là 2,34% và 1,81%.

Kết quả phân tích phương sai chỉ ra rằng có sự khác biệt về tỷ lệ tách sợi của các chế độ thực nghiệm, ứng với các trị số độ ẩm lá dứa khi tách 82 ± 2%, 70 ± 2%, 58 ± 2%.

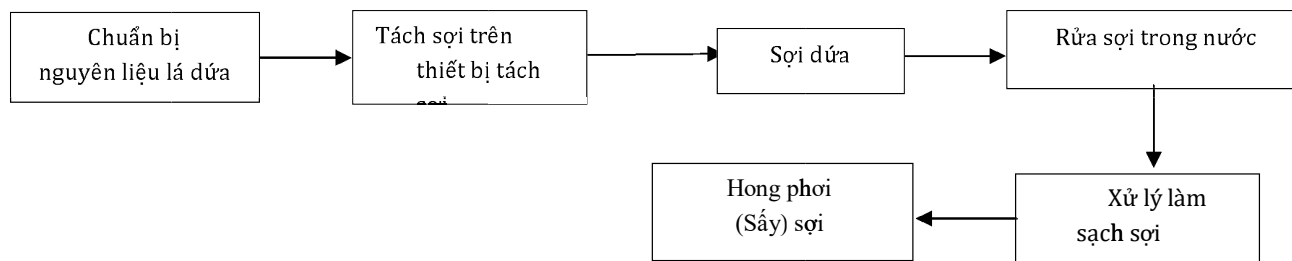
Như vậy, lá dứa tươi, độ ẩm cao, quá trình tách sợi trên thiết bị TS.HĐ.HN.02 thuận lợi hơn và tỷ lệ

tách sợi cao hơn so với khi tách lá dứa đã lưu giữ và độ ẩm giảm. Sau khi khai thác, lá dứa cần được tiến hành tách sợi càng sớm càng tốt để đảm bảo lá dứa không bị thối, bị vàng hoặc bị khô, dẫn đến giảm hiệu quả tách sợi.

3.3. Quy trình công nghệ tách sợi tự nhiên từ lá dứa

3.3.1. Sơ đồ quy trình công nghệ

Các bước trong quy trình công nghệ tách sợi từ lá dứa được đưa ra ở hình 4.



Hình 4. Sơ đồ công nghệ tách sợi từ lá dừa

3.3.2. Mô tả các bước công nghệ

- Chuẩn bị nguyên liệu lá dừa

Lá dừa được lấy từ các cây dừa đã thu hoạch quả, chiều dài không nhỏ hơn 30 cm, không bị vàng, không bị dập gãy, không bị thối.



Hình 5. Nguyên liệu lá dừa

Sau khi khai thác lá dừa cần thực hiện ngay quá trình tách sợi tự nhiên từ lá dừa, trong khoảng từ 1 - 2 tuần sau khi cắt từ cây dừa, nếu để quá thời hạn trên sẽ ảnh hưởng đến tỷ lệ tách sợi.

- Tách sợi dừa trên thiết bị tách sợi



Hình 6. Tách sợi từ lá dừa trên thiết bị tự động



Hình 7. Sợi tự nhiên được tách từ lá dừa trên thiết bị tự động



Hình 8. hong phơi sợi dừa sau khi được xử lý làm sạch

- Xử lý làm sạch sợi

+ Sợi dừa sau khi tách trên thiết bị cơ học có thể vẫn còn một số phần chất lá còn dính vào sợi, do vậy

+ Trước khi tiến hành tách sợi dừa cần căn chỉnh khoảng cách ru lô tách sợi và ru lô cuốn, cũng như tốc độ cắt phù hợp. Khoảng cách khe hở giữa trống dao và ru lô cuốn bằng 1,5 lần chiều dày lá dừa. Chiều dày lá dừa khoảng 1,8 mm - 2,2 mm, khoảng cách bằng 3 mm.

+ Cài đặt tốc độ biến tần 15 - 20 Hz, tương ứng với tốc độ vòng quay của động cơ 450 - 600 vòng/phút.

+ Lá dừa có răng cưa ở phần mép ngoài nên để tránh hiện tượng cuốn sợi vào gai lá tiến hành đưa phần cuống lá vào trước phần ngọn lá vào sau. Khi tiến hành tách sợi lần lượt đưa lá dừa vào ru lô tiếp liệu, chú ý khi đưa lá dừa vào máy cần đưa vuông góc với chiều quay của trống dao, tốc độ đẩy chậm đảm bảo từng phần của lá dừa đi xuống dưới ru lô cuốn mà không bị gấp hay bị văng ra khỏi trống dao. Phương chiều tách sợi: từ cuống lá đến ngọn lá, lá dừa đặt ngửa lên phía trên. Cần kẹp hai lá dừa vào với nhau, xếp đầu đuôi (đầu ngọn) của các lá bằng nhau tạo độ dày vừa đủ cho khâu tách sợi, đồng thời hạn chế hiện tượng rối sợi sau khi tách.

cần phải làm sạch sợi dừa ra khỏi các chất này để không làm ảnh hưởng đến quá trình xe sợi và sử dụng sợi.

+ Ngâm sợi và giặt sạch sợi tách vào trong nước để loại bỏ các chất bã, diệp lục bám trên bề mặt sợi. Tiếp theo xử lý sợi bằng dung dịch NaOH 3% ở nhiệt độ 95°C trong thời gian 2 giờ sau đó rửa bằng nước và trung hòa với axit nhẹ, sau đó giặt sạch sợi trong nước.

- *Sấy khô*: sợi dừa sau khi làm sạch được hong phơi, sấy sợi đến độ ẩm 11 - 14%.

3.4. Tính chất cơ lý của sợi dừa

3.4.1. Tính chất cơ lý của sợi dừa đơn

Sợi dừa đơn chỉ là một sợi được tách ra từ lá dừa bằng phương pháp cơ học nên độ đồng đều về các tính chất (độ nhỏ, độ bền, độ giãn, độ săn...). Kết quả xác định tính chất cơ lý của sợi dừa ở trạng thái sợi đơn, sợi xe được thể hiện ở bảng 4. Sợi đơn

thường được sử dụng trong ngành dệt may để sản xuất vải.



Hình 9. Sợi dừa tách từ lá dừa

Bảng 4. Tính chất cơ lý của sợi dừa đơn sau khi tách bằng phương pháp cơ học

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giá trị
1	Độ mảnh sợi đơn	Tex	TCVN 4182: 2009 [6]	2,65
2	Độ bền đứt trung bình	G/xơ		78,1
3	Độ bền đứt tương đối trung bình	cN/tex		28,8
4	Đường kính sợi đơn trung bình	μm	TCVN 3583: 1981 [7]	49,2

3.4.2. Tính chất cơ lý của sợi xe dừa

Để sử dụng sợi dừa sau khi tách cần phải xe sợi tạo kích thước lớn có đường kính từ 1 đến 5 mm tăng tính chất cơ lý, độ bền đáp ứng yêu cầu làm hàng thủ công mỹ nghệ. Các tính chất cơ lý cơ bản của sợi xe

bao gồm: độ săn của sợi xe, độ bền sợi, độ giãn sợi xe, độ đều sợi xe, được xác định theo các tiêu chuẩn xác định tính chất cơ lý của sợi. Kết quả xác định tính chất cơ lý của sợi xe dừa được thể hiện ở bảng 5.

Bảng 5. Tính chất cơ lý của sợi xe dừa

TT	Chỉ tiêu		Phương pháp thử	Sợi xe dừa, 1 - 1,5 mm	Sợi xe dừa > 3 mm
1	Chỉ số sợi	Chỉ số thực tế (tex)	TCVN 5785: 2009 [2]	1053	7105
		Hệ số biến động (%)		5,27	4,25
2	Độ săn sợi	Độ săn sợi (x/m)	TCVN 5788: 2009 [3]	150	145
		Hệ số biến động (%)		38,3	30,2
3	Độ bền kéo đứt sợi	Độ bền trung bình (cN)	ISO 2062: 2009 [5]	7102	49824
		Hệ số biến động (%)		24,9	21,36
		Độ giãn đứt (%)		3,6	
		Hệ số biến động (%)		12,6	15,8
		Độ bền tương đối (cN/tex)		6,8	7,01
4	Đường kính sợi (mm)		TCVN 5241: 1994 [4]	1,47	3,61

Do đặc thù sợi xe bằng phương pháp thủ công, nên chất lượng sợi xe phụ thuộc chủ yếu vào trình độ tay nghề người xe sợi. Sợi xe có kích thước càng lớn thì độ bền của sợi càng cao. Độ bền đứt con sợi đối

với cả 2 trường hợp sợi xe sợi dừa đối với sợi có đường kính 3 mm đều cao hơn so với sợi đường kính 1 mm. Điều này có thể giải thích được là tăng số mỗi chập, số vòng xoắn của sợi trong quá trình xe sợi.



Hình 10. Sợi xe dừa

3. KẾT LUẬN

Xác định được khoảng cách giữa ru lô tách sợi và ru lô cuốn bằng 1,5 lần chiều dày lá dừa. Khi lá dừa tươi, độ ẩm cao, đạt giá trị trung bình khoảng 82,20%, tương ứng với thời gian lưu giữ lá dừa sau khai thác quả từ 1 - 7 ngày, quá trình tách sợi trên thiết bị TS.HĐ.HN.02 thuận lợi hơn và tỷ lệ tách sợi cao hơn và đạt 2,61%.

Xây dựng được quy trình công nghệ tách sợi từ lá dừa bằng phương pháp cơ học trên thiết bị TS.HĐ.HN.02 được chế tạo.

Xác định tính chất của sợi dừa sau khi tách và làm sạch: đường kính sợi dừa 49,2 μm – 62,5 μm ; độ mảnh sợi 2,65 tex, độ bền đứt trung bình 78,1 g/xơ, độ bền đứt tương đối trung bình 28,8 cN/tex.

Xác định các tính chất của sợi xe dừa trong các trường hợp có đường kính từ 1 mm đến 2 mm và từ 3 mm đến 4 mm: chỉ số sợi 1053 tex, 6097 tex; độ xoắn sợi 116 x/m, 118 x/m; độ bền kéo đứt sợi 3044 cN, 25812 cN; độ giãn đứt sợi 2,5%, 5,5%; độ bền tương đối 5,5 cN/tex, 4.2 cN/tex.

LỜI CẢM ƠN

Công trình này thể hiện kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN thành phố Hà Nội "Nghiên cứu công nghệ và thiết bị tách sợi tự nhiên từ bẹ chuối, lá dừa bằng phương pháp cơ học tạo nguyên liệu phục vụ sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ."

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Huy Đại, Tạ Thị Phương Hoa, Lê Xuân Ngọc, Nguyễn Thế Nghiệp và cộng tác viên (2021). Nghiên cứu công nghệ và thiết bị tách sợi tự nhiên từ bẹ chuối, lá dừa bằng phương pháp cơ học tạo nguyên liệu phục vụ sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ. Báo cáo đề tài khoa học công nghệ thành phố Hà Nội.
2. TCVN 5785: 2009. Vật liệu dệt sợi, phương pháp xác định chỉ số.
3. TCVN 5788: 2009. Vật liệu dệt - sợi - phương pháp xác định độ xoắn bằng cách đếm trực tiếp.
4. TCVN 5241: 1994: Chỉ khâu, phương pháp xác định đường kính trên dụng cụ đo độ dày.
5. TCVN ISO 2062: 2009: Textiles - Yarns from packages - Determination of single - end breaking force and elongation at break using constant rate of extension (CRE) tester.
6. TCVN 4182: 2009: Vật liệu dệt - xơ bông - xác định độ bền đứt và độ giãn dài khi đứt (phương pháp chùm xơ dệt).
7. TCVN 3583: 1981: TCVN 3583 - 81. Nguyên liệu xơ len, phương pháp xác định độ nhỏ.
8. Niên giám Thống kê Quốc gia (2020). Báo cáo diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng trọt.
9. Anbia Adam, YusriYusof, Asia Yahya (2014). Performance of pineapple leaf fibet extraction apparatus through different feeding angle, UniversitiTun Hussein Onn Malaysia.
10. Naimah, M. S., Jariah, M., Aziah, H., Rasmina, H. and Konami, Y (2008). Banana Fibers As By Product of Agro Waste: Raw Source of Material for Paper and Handicrafts, Consumer Interests Annual, Volume 54.
11. Yusri Yusofa, Siti Asia Yahyaa, Anbia Adama (2015). Novel technology for sustainable pineapple leaf fibers productions, ScienceDirect, Procedia CIRP 26 (2015) 756 - 760.

STUDY ON PINEAPPLE LEAF FIBER EXTRACTION TECHNOLOGY BY MECHANICAL METHODS

Vu Huy Dai, Ta Thi Phuong Hoa, Nguyen Thi Loan, Tong Thi Phuong, Vu Thi Ngoan

Summary

In this article, some technological parameters of pineapple leaf fiber extraction by mechanical method on TS.HĐ.HN.02 fiber separator were investigated. The effective distance between spinning rollers and winding rollers on fiber yield separation was determined and was 1.5 times of pineapple leaf thickness; Defining the effect of the moisture content of pineapple leaves on the fiber separation rate. When the leaves were fresh, high moisture, the average of the fiber separation rate was about 82.20%, corresponding to the storage time of pineapple leaves after harvesting from 1 - 7 days. The fiber yield extraction using the TS.HĐ.HN.02 separator reached 2.61%. A technologic process for pineapple leaf fiber extraction by mechanical method using TS.HĐ.HN.02 equipment was established. The properties of pineapple fibers after extraction and cleaning were determined: diameter of pineapple fibers from 49.2 - 62.5 μm ; fiber fineness 2.65 tex, average of tensile strength reached 78.1 g/fiber, average of relative tensile strength 28.8 cN/tex. Determination of properties of wound pineapple fiber at diameter from 1 mm to 2 mm and from 3 mm to 4 mm are: fiber fineness 1053 tex, 6097 tex; fiber twist 116, 118; fiber tensile strength 3044 cN, 25812

cN; breaking elongtion 2.5%, 5.5%; percentage strength 5.5 cN/tex, 4.2 cN/tex. Keywords: Pineapple leaves exctraton fiber, pineapple yarn fibers, exctraton fiber.

Từ xưa đến nay, nông nghiệp cần thiết sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật để cây trồng phát triển toàn diện và cho năng suất tốt hơn. Tuy nhiên, việc lạm dụng phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật tổng hợp quá mức đã dẫn đến nhiều hệ lụy, đầu tiên chính là ảnh hưởng đến sức khỏe con người, giảm giá trị nông sản và ô nhiễm, thoái hóa môi trường. Vì vậy, hướng đến nền nông nghiệp sạch bằng phân bón hữu cơ đang là xu thế tất yếu.



Sử dụng phân bón hữu cơ mang lại nhiều lợi ích cho người nông dân.

Hướng đến nền nông nghiệp sạch bằng phân bón hữu cơ

THS. TRẦN VĂN DŨNG
Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp
Hoàng Phúc

TỔNG QUAN VỀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

Theo Codex Alimentarius (Cơ quan Liên Hợp quốc giám sát các tiêu chuẩn về lương thực trên toàn thế giới) thì nông nghiệp sạch là một hệ thống quản lý sản xuất nông nghiệp tránh sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu tổng hợp, giảm tối đa ô nhiễm không khí, đất và nước. Tối ưu về sức khỏe và hiệu quả của các cộng đồng sống phụ thuộc lẫn nhau giữa cây trồng, vật nuôi và con người.

Còn Tổ chức Nông nghiệp Hữu cơ Quốc tế (IFOAM) lại nêu quan điểm: “Nông nghiệp hữu cơ là hệ thống đồng bộ hướng tới thực hiện các quá trình với kết quả bảo đảm hệ sinh thái bền vững, thực phẩm an toàn, dinh dưỡng tốt, nhân đạo với động vật và công bằng xã hội, không sử dụng các hóa

chất nông nghiệp tổng hợp và các chất sinh trưởng phi hữu cơ, tạo điều kiện cho sự chuyển hóa khép kín trong hệ canh tác, chỉ được sử dụng các nguồn hiện có trong nông trại và các vật tư theo tiêu chuẩn của quy trình sản xuất”.

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ yêu cầu không được sử dụng 5 nguồn vật liệu đầu vào cho sản xuất gồm: Hóa chất bảo vệ thực vật; Phân hóa học; Chất kích thích tăng trưởng; Sản phẩm đột biến gen và phân bắc. Nguồn vật liệu đầu vào của sản xuất nông nghiệp hữu cơ chủ yếu dựa vào luân canh, sử dụng phân hữu cơ và áp dụng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp để canh tác. Canh tác nông nghiệp “sạch” nói chung và việc sử dụng phân bón hữu cơ nói riêng mang lại nhiều lợi ích như:

- Cải tạo, duy trì và bảo toàn độ phì nhiêu của đất.
- Giảm nguy cơ ô nhiễm nguồn nước và không khí.
- Giữ hệ sinh thái cân bằng, bảo vệ hệ

vi sinh vật đất, an toàn cho động vật và thiên địch.

- Giúp cây trồng phát triển bền vững, khỏe mạnh, chống chịu được với những điều kiện bất lợi.

- Giảm thiểu sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, không gây tồn dư hóa chất độc hại, hoocmon trong nông sản.

- Cho ra sản phẩm với chất lượng tốt hơn (hương vị, đặc tính tích lũy), hiệu quả kinh tế mang lại cao hơn.

- Giúp giảm sự tác động của biến đổi khí hậu đang xảy ra trên toàn cầu.

MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ Ở VIỆT NAM

Việt Nam hiện đứng thứ 9/10 nước có diện tích đất nông nghiệp hữu cơ lớn nhất Châu Á. Diện tích đất trồng trọt hữu cơ hơn 63,5 ngàn ha, diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ hơn 100 ngàn ha, diện tích thu hái tự nhiên nông nghiệp hữu cơ hơn 12,4 ngàn ha. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp

hữu cơ đạt 335 triệu USD/năm, sản phẩm xuất khẩu tới 180 nước trên thế giới... Số lượng nhà sản xuất nông nghiệp hữu cơ là hơn 17 ngàn đơn vị, 555 nhà chế biến, 60 nhà xuất khẩu...

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ tăng đồng nghĩa rằng nhu cầu sử dụng các sản phẩm hữu cơ sinh học cũng tăng. Tính đến hết năm 2022, cả nước có 468 nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ, tổng công suất thiết kế 4,7 triệu tấn, tăng 4,4 lần so với năm 2017. Số liệu thống kê cho thấy, nước ta nhập khẩu 3,44 triệu tấn phân bón các loại, trong đó phân bón hữu cơ chiếm 0,46 triệu tấn...

Mặc dù rất tiềm năng nhưng việc phát triển nông nghiệp sạch bằng phân bón hữu cơ đang đối diện nhiều thách thức. Đầu tiên là về kiến thức và nhận thức của người dân, việc thay đổi tập quán của nông dân là rất khó khăn, họ vẫn chưa đủ tự tin để cắt giảm và chuyển đổi hoàn toàn theo hướng hữu cơ. Trong khi đó chưa có nhiều những dự án hữu cơ và chính sách thúc đẩy sử dụng phân hữu cơ có tầm ảnh hưởng đến người dân.

Ngoài ra, người dân còn lo lắng về vấn đề kinh tế và đặc biệt là việc giảm thiểu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật dẫn tới khó kiểm soát dịch bệnh. Giảm thiểu lượng phân hóa học khiến năng suất giảm cũng như đất đã thoái hóa lâu ngày, việc sử dụng phân hữu cơ cũng cần thời gian lâu dài để thấy rõ tác dụng khiến người dân dễ nản lòng.

Nhận thức của người tiêu dùng về sản phẩm nông nghiệp sạch - hữu cơ - an toàn cũng chưa rõ ràng. Qua khảo sát, hiện nay người tiêu dùng Việt Nam lựa chọn sử dụng các sản phẩm theo tiêu chí: Sản phẩm bắt mắt, ngon, hợp khẩu vị (87%); sản phẩm an toàn (80%); sản phẩm có bao bì ghi thông tin rõ ràng (39%); sản phẩm hữu cơ (26%). Như vậy có thể thấy, sản phẩm hữu cơ vẫn chiếm tỉ lệ thấp trong bức tranh tiêu dùng. Bên cạnh



Phát triển nông nghiệp hữu cơ góp phần giảm thiểu sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, không gây tổn dư hóa chất độc hại, hoocmon trong nông sản.

đó, hiện nay trên thị trường có rất nhiều dòng sản phẩm phân bón hữu cơ, nhưng nguồn gốc không rõ ràng, dùng một lần phục hồi cây mất vài năm, tiền mất mà suy cây, làm giảm niềm tin của nông dân...

KIỆN NGHỊ CÁC GIẢI PHÁP

Nhà nước có thêm nhiều những chính sách mới tập trung hướng đến sản xuất nông nghiệp "sạch" bằng phân hữu cơ. Có những chế tài xử lý gắt gao đối với những trường hợp phân bón cũng như nông sản không đảm bảo chất lượng và nguồn gốc. Bên cạnh đó sẽ có những phương án thúc đẩy và khuyến khích hơn nữa những cơ quan đã và đang làm tốt nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp "sạch"; đồng thời khuyến khích các nhà đầu tư mạnh dạn đầu tư hơn vào sản xuất nông nghiệp "sạch" dùng phân hữu cơ, đây cũng chính là những đầu tàu trong ngành, là tiên phong chuyển giao những công nghệ, sản phẩm đến các trang trại, hộ gia đình.

Một giải pháp cũng cần được chú trọng là tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của bà con, về sản phẩm hữu cơ và việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình sản xuất



Sử dụng phân bón hữu cơ góp phần cải tạo, duy trì và bảo toàn độ phì nhiêu của đất.

giám sát và chứng nhận sản phẩm. Đồng thời đào tạo thêm đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn và bổ sung thêm nhiều nghiên cứu làm phong phú nguồn tài liệu cho nền nông nghiệp "sạch" bền vững. Tạo thêm nhiều cơ hội để doanh nghiệp, người dân có thể trao đổi kinh nghiệm học tập thêm kỹ thuật không chỉ trong nước mà còn với quốc tế. Tiến hành đưa các kỹ thuật, máy móc công nghệ cao vào sử dụng để gia tăng hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp. ■



28 năm vững vàng bản lĩnh người thợ khoáng sản

Với chặng đường 28 năm xây dựng và phát triển, (1995-2023), Tổng công ty Khoáng sản - TKV (VIMICO) đã khẳng định vị thế, trở thành doanh nghiệp giàu kinh nghiệm, hàng đầu của cả nước về khai thác và chế biến sâu khoáng sản, đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước, giảm nhập khẩu, tạo việc làm cho hàng ngàn lao động và góp phần đảm bảo an sinh xã hội tại nhiều địa phương...



LƯU KÝ

Cách đây 28 năm, ngày 27/10/1995, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam được thành lập theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương) trên cơ sở hợp nhất Tổng công ty khoáng sản Quý hiếm Việt Nam và Tổng công ty phát triển Khoáng sản. Chặng đường đổi thay kỳ diệu ấy của Tổng công ty Khoáng sản được viết nên bởi tinh thần đoàn kết, quyết tâm vượt mọi khó khăn của lớp lớp thế hệ CBCNV, người lao động, dù ở bất cứ giai đoạn nào cũng luôn khẳng định bản lĩnh người thợ khoáng sản.

GAİ ĐOẠN TỪ 1995 – 2005: ĐẶT NỀN MÓNG VỮNG CHẮC CHO KHOÁNG SẢN VƯƠN LÊN

Kế thừa và phát huy những thành tựu của ngành khai thác khoáng sản, nhằm phù hợp với thời kỳ đổi mới, ngày 27/10/1995, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng có Quyết định số 1118/QĐ-TCCBDT thành lập Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam. Tại thời điểm thành lập, tổng nguồn vốn kinh doanh của Tổng công ty chỉ có vốn vện 120 tỷ đồng, chủ yếu do tiếp nhận và sáp nhập các đơn vị, hầu như chưa được Nhà nước bổ sung thêm vốn.

Xác định rõ nhiệm vụ được giao, ngay sau khi thành lập, Đảng bộ Tổng công ty đã nhanh chóng triển khai Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 01/3/1996 của Bộ Chính trị về phát triển chế biến sâu khoáng sản. Được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy đảng; sự đồng thuận của toàn thể CBCNV và người lao động, nhiều dự án được khẩn trương hoàn thiện, đưa vào sản xuất có hiệu quả từ năm 1997 ÷ 2000 như: Dự án lò quay xử lý quặng oxít nghèo, sản xuất oxít kẽm 60% quy mô 4.000 tấn sản phẩm/năm ở Thái Nguyên; khai thác Ilmenit Kỳ Xuân (Hà Tĩnh) 20.000 tấn tinh quặng/năm; Cải tạo xưởng tuyển nổi kẽm chì Làng Hích (Thái Nguyên) 3.000 tấn tinh quặng kẽm/năm; Sản xuất gang đúc tại Cao Bằng với công suất 28.000 tấn/năm,... với tổng mức đầu tư gần 150 tỷ đồng, các dự án đã đầu tư đưa vào sản xuất đều có hiệu quả, tạo thêm việc làm cho gần 2.000 lao động.

Kết quả sau 10 năm (từ năm 1995 đến năm 2005), giá trị tổng sản lượng toàn Tổng công ty tăng 2,5 lần so với giai đoạn trước, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 13% năm, tổng doanh thu năm 2005 gấp 3 lần so với năm 1996, nộp ngân sách Nhà nước tăng 3,58 lần, tổng giá trị sản Tổng công ty tăng gần 10 lần so với khi mới được thành lập, thu nhập bình quân tăng hơn 2 lần so với năm 1996. Những thành công ban đầu này có ý nghĩa vô cùng quan

trọng cho sự chuyển mình mạnh mẽ của Tổng công ty thời gian sau này.

GIẢI ĐOẠN TỪ 2006 ĐẾN 2015: NGÀNH KHOÁNG SẢN CHUYỂN MÌNH, NGÀY Càng LỚN MẠNH

Sau giai đoạn tái cơ cấu doanh nghiệp, ổn định SXKD, ngày 28/12/2005, theo Quyết định số 345/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam chính thức trở thành Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam với tên gọi Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Đây là dấu mốc quan trọng trong sự nghiệp 28 năm phát triển của Tổng công ty.

Với hành trang là tinh thần “Kỷ luật và Đồng tâm”, CBCNV trong toàn Tổng công ty luôn sát cánh bên nhau, quyết tâm vượt qua khó khăn, thực hiện quyết liệt các giải pháp. Từ năm 2010 đến năm 2015, các sản phẩm sản xuất chủ yếu của Tổng công ty như đồng tấm, kẽm thỏi, thiếc thỏi... đều tăng gấp nhiều lần so với giai đoạn trước, CBCNV đã làm chủ được dây chuyền công nghệ, tổng doanh thu giai đoạn 2011 – 2015 so với giai đoạn 2006 – 2010 tăng 1,6 lần; nộp ngân sách tăng 2,5 lần.

Với thế và lực đã có, thời kỳ này Tổng công ty quyết định chuẩn bị và triển khai đầu tư các dự án trọng điểm: Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai; Dự án mở rộng và nâng công



Nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày Bác Hồ về thăm mỏ thiếc Tĩnh Túc, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã vinh dự được Tổng Giám đốc Tập đoàn TKV tặng bằng khen và Chủ tịch Công đoàn TKV tặng bức trướng.



Chương trình văn nghệ chào mừng kỷ niệm 60 năm ngày Bác Hồ về thăm mỏ thiếc Tĩnh Túc, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.



suất Nhà máy Luyện đồng Lào Cai giai đoạn II đạt 30.000 tấn/năm; ...

Từ tháng 10 năm 2015, Tổng công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP. Tổng công ty tiếp tục hoàn thiện chiến lược phát triển, hướng tới mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong ngành công nghiệp kim loại màu tại Việt Nam và khu vực, giữ vững là một trong những đơn vị mạnh trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

GAJ ĐOẠN 2016-2023: KHẮNG ĐỊNH VỊ THẾ, KIỀM CƯỜNG BẢN LĨNH NGƯỜI THỢ KHOÁNG SẢN

Một dấu son đáng nhớ nữa đánh dấu một bước ngoặt trong chặng đường phát triển của Tổng công ty là, ngày 05/11/2019, tại Quyết định số 7954-QĐ/TU của Thành ủy Hà Nội, Đảng bộ Tổng công ty đã chính thức được chuyển giao về trực thuộc Đảng bộ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Sau khi về sinh hoạt tại Đảng bộ Tập đoàn, Đảng bộ Tổng công ty nhận được sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện và xuyên suốt trong công tác xây dựng Đảng và thực hiện nhiệm vụ SXKD. Đảng bộ Tổng công ty ngày càng phát huy thế mạnh và kết quả đạt được, tiếp tục lãnh đạo xây dựng Đảng bộ vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Mặc dù giai đoạn này còn gặp phải một số khó khăn như: Giá khoáng sản liên tục giảm sâu, có thời gian dài giá bán giảm dưới giá thành; điều kiện khai thác tại các mỏ ngày càng xuống sâu; nguồn tài nguyên khoáng sản giảm; người lao động nghỉ việc nhiều, đặc biệt trong những năm từ 2016 đến 2018; sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19 từ cuối năm 2019 tiếp tục ảnh hưởng nặng nề tới mọi mặt của đời sống xã hội, các doanh nghiệp. Trong đó có các doanh nghiệp của Tổng công ty. Tuy nhiên, với bản lĩnh vững vàng được tôi luyện qua lịch sử hình thành và phát triển của Tổng công ty một lần nữa đã chứng minh, càng trong khó khăn thử thách, bản lĩnh của người Khoáng sản càng thêm kiên định và tỏa sáng.

Điển hình nhất là, Tổng công ty quyết liệt thực hiện khẩu hiệu “vừa đảm bảo chống dịch



Sản phẩm phôi thép Q235A.



Sản phẩm đồng tấm.

– Vừa đảm bảo sản xuất”, đồng thời đẩy mạnh tái cơ cấu tổ chức; tập trung mọi nguồn lực hoàn thành các dự án trọng điểm. Nhờ vậy, giữa vô vàn khó khăn, Dự án mở rộng, nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai đã hoàn thành, đưa vào hoạt động và được lựa chọn là công trình tiêu biểu nhân dịp kỷ niệm 30 năm Ngày tái thành lập tỉnh Lào Cai.

“Lửa thử vàng, gian nan thử sức”, bước vào năm 2023, với sự chuẩn bị kỹ càng từ đầu năm, Đảng ủy Tổng Công ty đã ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết chuyên đề năm 2023. Ngoài ra, hằng tháng Đảng ủy đều ban hành Nghị quyết về công tác Đảng và thực hiện nhiệm vụ chính trị để lãnh đạo, chỉ đạo; thực hiện công tác cán bộ, công tác đoàn thể chính trị. Nhờ vậy, Tổng

Công ty đã đạt được nhiều kết quả ấn tượng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

Kết quả, trong 9 tháng đầu năm 2023, tổng doanh thu của VIMICO đã đạt 8.756,3 tỷ đồng/12.556 tỷ đồng, bằng 69,74% KHN và bằng 99,4% cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận 131,5 tỷ đồng/215 tỷ đồng KHN; nộp ngân sách nhà nước 985,5 tỷ đồng/924,5 tỷ đồng KHN, đạt 106,59% KHN; tổng số lao động 5.038 người với thu nhập bình quân đạt 13,935 triệu đồng/người/tháng.

Nối tiếp truyền thống, các phong trào thi đua yêu nước đã khích lệ, động viên cán bộ công nhân lao động Tổng công ty nỗ lực vượt khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên từng vị trí công tác, đóng góp vào sự nghiệp

xây dựng và phát triển của ngành Than - Khoáng sản và của đất nước.

Từ các phong trào thi đua lao động sản xuất, nhiều tập thể, cá nhân đã trở thành những tấm gương điển hình xuất sắc được Đảng và Nhà nước ghi nhận và khen tặng nhiều phần thưởng cao quý: Tổng công ty Khoáng sản – TKV đã vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng Ba (năm 2005, 2006), Huân chương lao động hạng Nhì (năm 2010), Huân chương lao động hạng Nhất (năm 2015). Đảng bộ Tổng công ty và các đơn vị ngày càng phát triển vững mạnh, làm tốt vai trò lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao và công tác xây dựng Đảng. Đảng bộ Tổng công ty liên tục được xếp loại “Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu”.

Tự hào về truyền thống và những thành tựu đạt được của Tổng công ty 28 năm qua, một lần nữa khẳng định bản lĩnh của người thợ khoáng sản ngày càng được hun đúc và toả sáng. Toàn thể CBCNV – NLĐ Tổng công ty quyết tâm vượt qua mọi trở ngại thách thức, tiếp tục đưa Tổng công ty phát triển vững mạnh toàn diện, phấn đấu trở thành doanh nghiệp về khai thác, chế biến sâu khoáng sản hàng đầu của cả nước và khu vực, đóng góp vào sự phát triển lớn mạnh của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và góp phần xây dựng nước Việt Nam phát triển ổn định, hòa bình, giàu mạnh, công bằng và văn minh. ■



Chất lượng sản phẩm đồng cathod của Vimico luôn đảm bảo chất lượng theo quy chuẩn công bố.



Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai – Vimico tập trung phát triển công nghệ chế biến sâu khoáng sản.



Không hệ thống phân phối, không chuỗi cửa hàng, không quảng cáo rầm rộ, nhưng nhắc đến Nhà thuốc Minh Châu Đà Nẵng thì người dân ở đây hầu hết ai cũng có ấn tượng đặc biệt. Không chỉ vì những bài thuốc tốt mà còn ấn tượng vì cô chủ tâm đức vẹn tròn Nguyễn Thị Hậu.

Chị Nguyễn Thị Hậu –
“vị cứu tinh” của người nghèo.

CÁP VƯƠNG – LÊ THÀNH

DƯỢC SĨ NGUYỄN THỊ HẬU:

HÀNH TRÌNH TÌM LỐI ĐI RIÊNG

Thị trường dược phẩm thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn không ngừng phát triển, nhất là sau đại dịch COVID-19, đã mở ra không gian rộng lớn cho những dược sĩ có đam mê và áp ủ sứ mệnh phục vụ cộng đồng. Cũng vì lẽ đó mà nhiều người có tầm nhìn xa trong ngành y đã chủ động tìm hướng đi riêng để có những chuyển biến bất phá.

Chị Nguyễn Thị Hậu (SN 1987) vốn là sinh viên của Trường Đại Học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên. Cũng như bao sinh viên khác, ra trường chị bắt đầu với công việc dược sĩ. Sau khi chuyển môi trường công tác, chị bén duyên với công việc giảng dạy tại khoa Dược của trường Đại học Duy Tân Đà Nẵng. Từng bước trải qua những năm tháng làm giảng viên, chị Hậu vẫn không ngừng tìm kiếm, đam mê khám phá và luôn học hỏi, nâng cao kiến thức chuyên môn y dược của mình.

Nhưng sứ mệnh của chị Hậu không dừng lại ở việc truyền đạt tri thức trên giảng đường. Từ năm 2008, chị quyết định xây dựng mô hình kinh doanh dược phẩm có tầm nhìn, mang lại lợi ích sức khỏe cho cộng đồng hơn. “Đứa con tinh thần” này chính là Nhà thuốc Minh Châu 123 - trước đây đặt tại Thái Nguyên, nay dời trụ sở về địa chỉ 123 Nguyễn Như Đãi, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.

“Nàng Hậu” giữa đời thường

Những bước chân đầu tiên trên hành trình tìm lối đi riêng của chị không hề dễ dàng. Đối mặt với nhiều khó khăn từ thị trường cạnh tranh khốc liệt, Nhà thuốc Minh Châu đã trải qua nhiều thử thách đầy cam go. Nhưng rồi bản lĩnh của một người từng trải trong ngành đã giúp chị đưa nhà thuốc đi lên và trụ vững.

“Bản thân có đầy đủ những kiến thức chuyên ngành nên hầu hết những khó khăn khi hoạt động chị đều có thể kiểm soát được. Cũng chính vì vậy mà sau những khó khăn tưởng chừng ngã gục đó nhà thuốc Minh Châu vẫn hoạt động tốt và giúp được nhiều người”, một nhân viên Nhà thuốc Minh Châu cho hay.

Với quyết tâm và lòng đam mê, chị Hậu đã thành công trong việc xây dựng một thương hiệu riêng, một nhà thuốc uy tín tại Đà Nẵng. Với kiến thức được đào tạo bài bản cùng kinh nghiệm 15 năm trong nghề, việc kê đơn và cung cấp dược phẩm của chị không chỉ chất lượng, hiệu quả mà còn là niềm tin và sự an tâm cho người sử dụng.

Cô Phan Thị Hoài (phường Hoà Thọ Tây, quận Cẩm Lệ) cho biết: “Từ 5 năm trở lại đây



là tôi chỉ mua thuốc ở Nhà thuốc Minh Châu, giá thành hợp lý mà thuốc lại rất hiệu quả. Cô dược sĩ ở đây cũng rất nhiệt tình, tận tâm”.

Với tầm nhìn chiến lược và tâm đức của một người dược sĩ, nhà thuốc của chị Hậu ngày càng được nhiều người biết đến và tin dùng. Dược phẩm Minh Châu không chỉ nổi tiếng trong nội thành Đà Nẵng mà còn được nhiều người ở các tỉnh bạn biết đến. Minh Châu đạt được một số thành công nhất định và thành tựu lớn nhất là sự tin nhiệm từ khách hàng.

“VỊ CỨU TINH” CỦA NGƯỜI NGHÈO

Là một người thầy thuốc, chị Hậu luôn tâm niệm làm nghề phải vừa có y thuật, vừa có y đức. Từ chữ “Tâm” trong nghề, chị thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện, công tác xã hội. Hầu hết các hoạt động thiện nguyện tập trung hỗ trợ thực phẩm, thuốc men cho bà con nghèo như: khám chữa bệnh miễn phí cho bà con ở các huyện vùng núi; gói bánh chưng tặng dân nghèo dịp Tết; phát quà Lễ Vu lan báo hiếu cho các cô chú bán vé số, nhặt rác; tổ chức



Nhà thuốc Minh Châu tổ chức lễ Trung thu, phát quà cho trẻ em khó khăn.

Trung thu cho trẻ em nghèo có hành cảnh khó khăn...

Nhiều lần hoạt động thiện nguyện, chị nhận thấy một số bà con ở những vùng khó khăn rất dễ mắc các bệnh về da. Với tấm lòng nhân ái và trách nhiệm cộng đồng, chị quyết tâm nghiên cứu và phát triển các loại thuốc hữu ích, giúp giải quyết các vấn đề da phổ biến như nấm, viêm da, chốc lở, zona, mụn ruồi, mụn cơm... Được biết, những bệnh ngoài da như vậy rất khó điều trị dứt, tuy nhiên, nhờ hướng dẫn và bài thuốc của chị Hậu nhiều người đã thoát được tình trạng này.

Sau thời gian ngắn sử dụng sản phẩm của chị Hậu, cô Vương Hiền Châu (TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk) cho biết: “Tôi bị viêm da lâu năm, cũng nghe theo nhiều người mách bảo làm nhiều cách mà không khỏi. Gần đây mới biết đến chị Hậu nhờ cháu gái tôi từng là sinh viên của chị giới thiệu. Được chị hướng dẫn nên tôi dần tạm biệt căn bệnh đeo đuổi mình suốt 15 năm”.

Cùng sử dụng sản phẩm của chị Hậu, anh Phan Hưng (một đầu bếp ở Đà Nẵng) hào hứng chia sẻ: “Công việc của tôi là đầu bếp, sử dụng đôi tay nhiều nhưng không may bị tổ đũa, á sừng. Nhờ điều trị theo phương pháp của chị Hậu mà đến giờ này bệnh không tái lại”.

Nhà thuốc Minh Châu còn đặt mục tiêu hỗ trợ bà con nghèo bằng cách tạo ra những sản phẩm có giá thành hợp lý, giúp mọi người đều có cơ hội tiếp cận và sử dụng. Ngoài cung cấp sản phẩm, chị Hậu còn tận tâm hướng

dẫn sử dụng đúng cách và chia sẻ kiến thức đầy đủ. Bằng việc giúp dân nghèo hiểu rõ hơn về cách sử dụng thuốc và cách thực hiện các biện pháp hợp lý, chị đã và đang góp phần không nhỏ vào công cuộc nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống cho bà con.

Gắn kết sự nghiệp kinh doanh với các hoạt động thiện nguyện, chị Hậu đã gửi đi thông điệp về tầm quan trọng của việc hỗ trợ cộng đồng trong kinh doanh. Chị chia sẻ, tham gia vào các hoạt động xã hội không chỉ mang lại lợi ích cho những người được nhận mà còn mang lại sự hài lòng và ý nghĩa sâu sắc cho bản thân.

“Hiện tại và tương lai sắp tới, tôi vẫn muốn bản thân mình đảm nhiệm tốt việc chăm sóc bệnh nhân. Cái tôi đề cao là chất lượng chứ không phải số lượng. Vì vậy, tôi chưa nhân rộng hệ thống nhà thuốc của mình. Tôi vẫn luôn đặt ra mục tiêu cho bản thân, vừa làm tốt việc chuyên môn, vừa giúp đỡ được cộng đồng, như thế là đủ”, chị Hậu tâm sự.

Với những nỗ lực không ngừng, chị Nguyễn Thị Hậu đã góp phần đưa hình ảnh người làm y tế trở nên gần gũi hơn với bà con nghèo thông qua những sản phẩm chất lượng. Bằng việc kết hợp sứ mệnh nghiên cứu với tinh thần nhân ái, chị đã tạo ra tác động tích cực và có ý nghĩa sâu sắc đối với cộng đồng. Hành trình của chị là minh chứng rõ ràng cho sức mạnh của quyết tâm và lòng nhân ái, là sứ mệnh, cũng là một nguồn cảm hứng trao truyền đến với tất cả mọi người.■



BÁC SĨ - DOANH NHÂN LÊ THỊ VINH:

Niềm vui của người bệnh là thước đo thành công

Với tiêu chí lấy niềm vui của người bệnh làm thước đo của sự thành công, chị đã từng bước gây dựng hình ảnh đẹp của người bác sĩ - doanh nhân trong lòng người bệnh. Đó là chân dung nữ bác sĩ - doanh nhân Lê Thị Vinh, Giám đốc Bệnh viện Dược y học cổ truyền An Khang - Giám đốc Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Như Thanh Khánh Hoàng (huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá).

Bác sĩ Lê Thị Vinh kiểm tra sức khỏe của bệnh nhân.



HÀ KHẢI

DÁM NGHĨ, DÁM LÀM

Sinh ra và lớn lên trong vùng quê nghèo ở xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, ngay từ khi còn ngồi ghế trường phổ thông, chị Lê Thị Vinh (sinh năm 1966) đã mơ ước vào ngành y. Thực hiện ước mơ đó, chị đã thi và đỗ vào Trường cao đẳng Y tế Thanh Hóa; năm 1990 tốt nghiệp và về công tác tại Trạm Y tế xã Xuân Khang.

Làm việc ở Trạm Y tế xã, hằng ngày chứng kiến những người bệnh chịu nỗi đau thể xác vì bệnh tật, chị Vinh quyết tâm phải đi học, nâng cao trình độ để giúp bà con. Năm 1998, chị theo học khóa đào tạo bác sĩ đa khoa tại Trường Đại học Y - Dược Thái Bình.

“Khi tôi quyết định để tiếp tục đi học, gia đình tôi phản đối lắm, vì lúc đó con còn nhỏ. Nhưng may chồng tôi luôn động viên an ủi, thay tôi làm hết những công việc nhà để tôi yên tâm học tập”, chị Vinh chia sẻ.



Hàng ngày, bác sĩ Vinh đều dành thời gian thăm hỏi, động viên bệnh nhân.

Sau khi tốt nghiệp đại học, chị tiếp tục về công tác tại Trạm Y tế xã Xuân Khang. Đến năm 2007, chị được điều động làm Phó trưởng Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản tại Trung tâm Y tế huyện Như Thanh. Những tưởng đây là đích cuối cùng của chị, khi công việc đã ổn định, con cái bắt đầu lớn khôn. Nhưng với khát khao cháy bỏng của một người mang trong mình tay nghề của một bác sĩ và “máu kinh doanh” đã thôi thúc

chị mở phòng khám tư nhân.

Năm 2012, sau thời gian đi học thêm nghiệp vụ, chị Vinh bàn với gia đình vay vốn thành lập Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Như Thanh Khánh Hoàng và mở Phòng khám tư nhân An Khang tại xã Xuân Khang. Thời gian đầu hoạt động, với tâm huyết và sự cố gắng của chị, phòng khám đã thu hút được đông đảo đội ngũ y, bác sĩ có chuyên môn cao về làm việc, tạo niềm tin

đối với Nhân dân trong vùng.

Năm 2021, để đảm bảo quy mô chăm sóc sức khỏe, phục vụ cho người dân, Phòng khám An Khang đã “nâng cấp” thành Bệnh viện Y Dược cổ truyền An Khang với 77 cán bộ y bác sĩ hoạt động thường xuyên và hàng chục y bác sĩ hoạt động ngoài giờ. Phòng Khám An Khang được chị Vinh chuyển về xã Minh Khôi (huyện Nông Cống) để tiếp tục phục vụ những bệnh nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Y TÀI SÁNH VAI Y ĐỨC

Trải qua hơn 10 năm thành lập và đi vào hoạt động, Bệnh viện Y Dược cổ truyền An Khang đã từng bước xây dựng được thương hiệu, được đông đảo bà con tin cậy. Có được như ngày hôm nay là nhờ nỗ lực, chỉ đạo, giám sát của Ban Giám đốc Công ty, trong đó bác sĩ Vinh là người trực tiếp truyền lửa cho đội ngũ cán bộ, y bác sĩ. Đồng thời chị cũng là người tiên phong xây dựng hình ảnh đẹp về người bác sĩ trong lòng người bệnh.



Bệnh viện Y Dược cổ truyền An Khang với 34 giường bệnh, với đội ngũ gần 20 y bác sĩ, điều dưỡng (trong đó có 7 bác sĩ) có nhiều kinh nghiệm. Bệnh viện thực hiện các dịch vụ khám chữa bệnh nội khoa thông thường, khám chữa bệnh nội khoa bằng phương pháp y học cổ truyền, khám chữa bệnh chuyên khoa RHM & làm RHG; xét nghiệm, chụp X. Quang, siêu âm tổng quát; dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và điều dưỡng. . . Bệnh viện được quản lý bằng hệ thống điện tử, giúp giảm thiểu tối đa thời gian chờ đợi của bệnh nhân.”



Bệnh viện An Khang được đầu tư cơ sở hạ tầng, máy móc hiện đại trong quá trình trị liệu.

Bác sĩ – doanh nhân Lê Thị Vinh chia sẻ: “Ngay từ ngày đầu thành lập, Ban lãnh đạo bệnh viện đã xác định phải xây dựng đội ngũ y, bác sĩ chuyên môn cao, lấy niềm vui của bệnh nhân làm cơ sở để tu dưỡng đạo đức, từng bước nâng cao chất phục vụ. Từ đó, đã xây dựng được hình ảnh đẹp của đội ngũ bộ y bác sĩ của bệnh viện trong lòng quần chúng Nhân dân”.

Không chỉ chú trọng đến chất lượng khám, chữa bệnh, Bệnh viện An Khang còn hướng tới sự chuyên nghiệp trong dịch vụ chăm sóc bệnh nhân, mang đến cho bệnh nhân sự thoải mái, tin cậy bằng phong cách phục vụ thân thiện, chu đáo, tận tình, không gian thoáng đãng, môi trường y tế văn minh, thấu hiểu và tôn trọng từng nhu cầu, mong muốn của người bệnh... Vì vậy, Bệnh viện An Khang đã trở thành địa chỉ chăm sóc sức khỏe tin cậy của người dân, không chỉ ở huyện Như Thanh mà còn đón tiếp nhiều bệnh nhân các địa phương lân cận.

“Là một bác sĩ, để làm tốt vai trò của mình, ngoài chuyên môn giỏi thì cần phải có y đức. Nhìn người bệnh đau cần sự cảm thông, thấu hiểu từ những ánh mắt của người bệnh khi họ dành trọn niềm tin với bác sĩ, có như vậy thì khi ta nhìn thấy người bệnh khỏe mạnh ta cũng vui theo”, chị Vinh chia sẻ.

Đánh giá về những đóng góp của bác sĩ Lê Thị Vinh, ông Tống Văn Hùng - Chủ tịch Hội y tế tư nhân tỉnh Thanh Hóa cho biết: “Dù ở cương vị nào thì bác sĩ Vinh vẫn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Bà là người tiên phong trong việc xây dựng hình ảnh một bác sĩ chuẩn mực. Chính vì vậy mà đội ngũ cán bộ y bác sĩ tại Bệnh viện An Khang đều được đánh giá là những người giỏi chuyên môn và y đức trong sáng”.

Bệnh nhân Vi Văn Hải điều trị tại Bệnh viện An Khang cho biết: “Trong quá trình điều trị, tôi được các y bác sĩ ở đây hướng dẫn và chăm sóc tận tình. Đặc biệt là bác sĩ Vinh, dù là Giám đốc Bệnh viện, nhiều việc, nhưng hằng ngày bà đều đi đến từng giường bệnh thăm hỏi bệnh nhân, xem lại bệnh án để có phương hướng điều trị hợp lý. Ngoài ra, bác sĩ Vinh còn đưa thêm thuốc ngoài Bảo hiểm y tế cho những bệnh nhân có bảo hiểm, thực sự chúng tôi rất biết ơn”.

Chia sẻ về vấn đề này, bác sĩ – doanh nhân Lê Thị Vinh cho rằng, đối với bệnh viện, một vài hộp thuốc, giá trị không đáng mấy, nhưng với bệnh nhân thì đây là cả một giá trị, vậy tại sao mình không giúp.

“Có thể bệnh viện sẽ mất một số hộp thuốc đó, nhưng giá trị của nó mang lại rất lớn, lan tỏa tình yêu thương, sự tin cậy của người dùng, từ đó nâng cao chất lượng hình ảnh của bệnh viện”, chị Vinh nói.

Nỗ lực không biết mệt mỏi, chị Lê Thị Vinh đã cùng lãnh đạo Công ty và bệnh viện từng bước vượt qua khó khăn, xây dựng hình ảnh đẹp của lương y trong lòng bệnh nhân, lấy niềm vui của người bệnh làm thước đo của sự thành công. Với những đóng góp của mình, bác sĩ Lê Thị Vinh đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp; nhưng có lẽ phần thưởng lớn nhất đối với chị là những nụ cười mãn nguyện của người bệnh. ■

CÔNG TY TNHH CUNG ỨNG NHÂN LỰC QUẢNG BÌNH:

Lấy chữ “Tín” làm phương châm hoạt động

Vừa mới thành lập, lại hoạt động trong lĩnh vực không hề mới là giới thiệu việc làm - xuất khẩu lao động, nhưng với phương châm luôn đặt chữ “Tín” lên hàng đầu, Công ty TNHH Cung ứng nhân lực Quảng Bình đã dần trở thành địa chỉ được khách hàng tin tưởng. Hoạt động bước đầu của doanh nghiệp rất trẻ này được kỳ vọng đóng góp tích cực trong giải quyết việc làm, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Quảng Bình, như chính cái Tâm của chủ doanh nghiệp.



Ông Nguyễn Thái Chung - Giám đốc Công ty TNHH Cung ứng nhân lực Quảng Bình.

TRẦN HÙNG

KINH DOANH TỪ CHỮ “TÂM”

Quảng Bình là một địa phương còn nghèo so với mặt bằng chung của cả nước. Điều kiện tự nhiên nơi đây vô cùng khắc nghiệt; mưa lũ, hạn hán, nắng nóng diễn ra quanh năm nên đời sống của một bộ phận

người dân nông thôn, miền núi ở đây rất khó khăn. Muốn thoát nghèo, nhiều người phải đi mưu sinh khắp nơi, trong đó không ít người mong muốn đi lao động ở nước ngoài.

Từ nhu cầu rất lớn đó, rất nhiều chi nhánh đại diện của các doanh nghiệp xuất khẩu lao động lớn trong nước đã đóng chân trên đất Quảng Bình từ nhiều năm nay. Nhưng vì là chi nhánh nên hồ sơ, thủ tục và các hoạt động học tiếng, đào tạo kỹ

năng... phải thông qua công ty chính nên lao động phải mất thời gian và chi phí đi lại từ Quảng Bình ra Hà Nội, hoặc vào TP. Hồ Chí Minh.

Theo ông Nguyễn Thái Chung - Giám đốc Công ty TNHH Cung ứng nhân lực Quảng Bình, nắm được thực trạng đó, ông đã mạnh dạn thành lập Công ty TNHH Cung ứng nhân lực Quảng Bình (thành lập ngày 08/5/2023). Với mong muốn giúp đỡ bà con quê hương bớt đi lại tốn kém chi phí, mọi giấy tờ thủ tục để các lao động đi xuất khẩu làm việc ở các nước trên thế giới sẽ được Công ty chủ động làm hộ; trường hợp, không làm được phía Công ty sẽ hoàn trả lại tiền chi phí ban đầu cho người lao động.

“Xuất thân trong một gia đình nghèo ở Quảng Bình, hơn ai hết tôi rất hiểu nỗi khổ cực của bà con nơi đây. Cho nên, khi lập Công ty, tôi luôn tâm niệm là muốn tìm đúng thị trường lao động ổn định, hợp pháp và có thu nhập khá để con em trong địa phương đi xuất khẩu lao động thuận lợi nơi xứ người, đồng thời gửi tiền về phụ giúp gia đình mình. Nói cách khác, Công



Buổi thành lập Công ty TNHH Cung ứng nhân lực Quảng Bình.

ty chúng tôi luôn hướng người lao động đến các thị trường nước ngoài một cách hợp pháp và đúng quy định pháp luật Việt Nam để ra”, Giám đốc Nguyễn Thái Chung chia sẻ.

Theo ông Chung, thị trường chính mà Công ty đang hướng đến là các đơn hàng xuất khẩu lao động qua Đức, với ngành nghề chính là đầu bếp phục vụ trong nhà hàng, khách sạn; dạng du học vừa học vừa làm, điều dưỡng, khách sạn... Riêng lao động qua Đức làm nghề đầu bếp, chủ sẽ lo ăn ở, lương sau thuế hàng tháng dao động khoảng 2.000 Euro. Ngoài ra, các lao động đi theo diện này sẽ được chủ ký hợp đồng cá nhân với các chế độ phúc lợi kèm theo quy định mà nước Đức đặt ra như số ngày nghỉ phép, đóng nộp thuế đầy đủ, được chủ sử dụng lao động bảo lãnh.

ĐA DẠNG THỊ TRƯỜNG ĐỂ PHÁT TRIỂN

Một thị trường mà Công ty TNHH Cung ứng nhân lực Quảng Bình xem là chủ lực, muốn giới thiệu cho các lao động tại địa phương Quảng Bình đó là các đơn hàng thuộc diện E7-3 sang lao động tại các công xưởng của các tập đoàn ở Hàn Quốc như: Samsung, Hyundai. Các ngành nghề tuyển lao động chính là hàn xì, sơn, điện... với mức lương cơ bản khoảng 49 triệu đồng/tháng. Đặc biệt, lao động đi theo diện này có thể bảo lãnh người thân sang lao động tại thị trường Hàn Quốc khi đủ điều kiện. Ngoài ra, diện E10 dành cho bà con ngư dân lao động sinh sống ở các vùng biển mong muốn qua làm việc tại Hàn Quốc, biết khâu vá lưới ngư cụ, chịu được sóng gió, có sức khỏe tốt.

Do Công ty còn non trẻ, lại trong bối cảnh xuất khẩu lao động gặp nhiều khó khăn từ các biến động địa chính trị trên thế giới nên định hướng của doanh nghiệp là phải đa dạng hóa thị trường. Hiện Công ty đang hướng đến thị trường lao động trên khắp các nước trên thế giới từ châu Á, châu Âu, châu Úc, Bắc Mỹ. Công ty đang ra thông báo tuyển sinh du học, cho đối tượng muốn đi du học ở các nước Đức, du học học bổng Úc, du học nghề Trung Quốc, du



Lao động ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Cung ứng nhân lực Quảng Bình.



Lao động chụp ảnh lưu niệm với Công ty trước khi đi xuất khẩu.

học Nhật Bản... với chi phí phù hợp để các đối tượng lao động lựa chọn.

Theo bà Hoàng Anh, nhân viên Công ty TNHH Cung ứng nhân lực Quảng Bình, đối tượng du học học ở đức chỉ cần chứng

chỉ tiếng anh đạt IELTS4.5, PTI 30 trở lên và tốt nghiệp THPT là có đủ điều kiện vừa học vừa làm tại nước Đức, với mức lương từ 900 -1000 Euro trên tháng. Cũng theo bà Anh, các đối tượng đi du học ở Đức sau 5 năm khi vừa học vừa làm sẽ được định cư tại nước sở tại. Hiện tại, phía Công ty cũng đang tuyển sinh đối tượng du học sinh tại Canada và nhiều nước trên thế giới.

Ngoài ra, Công ty cũng đang ra thông báo tuyển dụng lao động tại các thị trường lao động Nhật Bản, châu Âu, Hàn Quốc. Đặc biệt, hiện phía Công ty đang tuyển dụng lao động dạng 462 sang làm nông nghiệp tại nước Úc. Công việc chính là làm tại các trang trại, chăn nuôi, trồng trọt, chế biến và thu hoạch các loại rau củ quả. Mặt khác, Công ty cũng đang tuyển dụng lao động đi làm nông nghiệp tại Hy Lạp với mức thu nhập từ 30 đến 40 triệu đồng tháng, chủ lo chi phí ăn ở...

“Hiện tại, sau đại dịch COVID-19, khi số lượng lao động nhập cư giảm ở châu Âu, thị trường lao động châu Âu tiếp tục thiếu nhân lực ở mức trầm trọng. Do đó, Công ty cũng đang hướng đến xuất khẩu lao động Việt Nam qua các thị trường các nước như Hungary, Ba Lan, Hy Lạp...” - Giám đốc Công ty TNHH Cung ứng nhân lực Quảng Bình Nguyễn Thái Chung cho biết. ■



Hội chợ triển lãm nông nghiệp quốc tế lần thứ 23 - AgroViet 2023 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức tại Hà Nội, từ ngày 14 đến ngày 17/9.

Hình thành các “sứ giả OCOP” để lan tỏa văn hóa Việt Nam

Là một giải pháp trọng tâm để phát triển kinh tế nông thôn, sau 5 năm triển khai, Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm” (OCOP) theo Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ đã đạt được những kết quả tích cực, đồng thời cũng bộc lộ những tồn tại, hạn chế cần tháo gỡ. Xung quanh nội dung này, Tạp chí Doanh nghiệp và Kinh tế xanh đã có cuộc phỏng vấn TS. Ngô Trường Sơn - Chánh Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).



TS. Ngô Trường Sơn - Chánh Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương.

VI HOA (thực hiện)

Phóng viên: Sau 5 năm triển khai, Chương trình OCOP đã đạt được những kết quả gì, thưa ông?

TS. Ngô Trường Sơn: Tính đến ngày 31/8/2013, cả nước đã có 63/63 tỉnh, thành phố đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP, đã có 10.322 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên, trong đó 67,3% sản phẩm 3 sao, 31,2% sản phẩm 4 sao, 0,8% sản phẩm tiềm năng 5 sao

và 42 sản phẩm 5 sao. Đã có 5.361 chủ thể OCOP, trong đó có 38,1% là HTX, 24,2% là doanh nghiệp, 34,9% là cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh, còn lại là tổ hợp tác.

Sản phẩm OCOP đang từng bước khẳng định được giá trị và chất lượng trên thị trường, được người dân tin nhiệm, góp phần gia tăng giá trị, giúp các chủ thể tăng quy mô sản xuất và doanh thu. Theo thống kê, hơn 60,7% chủ thể OCOP đạt từ 3 sao trở lên có doanh thu tăng bình quân 17,6%/năm, giá bán các sản phẩm sau khi được chính thức công nhận

OCOP tăng bình quân 12,2%.

Chương trình thúc đẩy phát triển sinh kế ở những vùng đặc biệt khó khăn và các nhóm yếu thế như: đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ. Kết quả sau 5 năm triển khai cho thấy, tỷ lệ chủ thể OCOP là nữ giữ ổn định với khoảng 40%; đặc biệt, ở khu vực miền núi, tỷ lệ chủ thể OCOP là nữ rất cao, như: ở Bắc Trung Bộ là 50,6%, miền núi phía Bắc là 43,4% và Tây Nguyên là 45,2%. Hay tỷ lệ chủ thể là người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn chiếm 17,1%, đặc biệt là ở khu vực

miền núi phía Bắc lên đến 37,3%...

Phóng viên: Ông đánh giá như thế nào về vai trò của Chương trình OCOP trong việc chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế hàng hóa?

TS. Ngô Trường Sơn: Trong 5 năm qua, Chương trình OCOP đã có những đóng góp quan trọng trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn Việt Nam. Đầu tiên, các chủ thể OCOP đã từng bước thay đổi tư duy về sản xuất, từ sản xuất nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa gắn với sản phẩm, chất lượng và thương hiệu của mình. Ví dụ như, hơn 2.126 hợp tác xã có sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên đã chuyển đổi hoạt động, thực hiện chức năng tiêu thụ sản phẩm, gắn với việc xây dựng sản phẩm có tiêu chuẩn, quy chuẩn, bao bì, nhãn mác và thương hiệu của hợp tác xã, thay vì chỉ làm các dịch vụ cho các thành viên,...

Bên cạnh các yếu tố về chất lượng, an toàn thực phẩm, nhiều sản phẩm OCOP đã khai thác, tích hợp các giá trị về văn hóa, đặc điểm vùng miền, tri thức bản địa,... hình thành các câu chuyện sản phẩm để gia tăng giá trị, nâng cao giá bán và lợi nhuận. Nhiều sản phẩm OCOP gắn với vai trò như một “đại sứ” chuyển tải những câu chuyện sản phẩm mang tính nhân văn của vùng, miền, như: Sản phẩm trà Phìn Hồ mang hương sắc, văn hóa của đồng bào người Dao ở vùng núi Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang; sản phẩm từ sen - thể hiện những giá trị về văn hóa, con người xứ sở sen Hồng, tỉnh Đồng Tháp...

Phóng viên: OCOP được xác định là Chương trình dài hơi, nhưng thời gian qua một số địa phương tỏ ra nóng vội, thậm chí chạy theo phong trào, dẫn đến việc thực hiện Chương trình thiếu bền vững. Ông đánh giá như thế nào về vấn đề này?

TS. Ngô Trường Sơn: Bên cạnh những thành tựu nổi bật, chúng ta cũng phải thẳng thắn nhìn nhận những khó khăn, tồn tại của Chương trình sau 5 năm triển khai. Trong đó có thực trạng số lượng sản phẩm OCOP tăng nhanh nhưng chưa thực sự bền vững, thể hiện là: một số địa phương

còn chạy theo thành tích, tập trung vào những sản phẩm đã được hình thành, không phải là các sản phẩm có lợi thế; thiếu sự chủ động của các chủ thể khi tham gia vào Chương trình; chưa tập trung đến các giải pháp về chuẩn hóa chất lượng, mẫu mã bao bì sản phẩm, nâng cao năng lực thực sự của chủ thể (về quản trị, tổ chức sản xuất, năng lực thị trường...).

Hoạt động xúc tiến thương mại tuy được nhiều địa phương triển khai nhưng còn manh mún, thiếu đồng bộ, chưa hình thành được hệ thống quảng bá, xúc tiến thương mại mang tính kết nối, chuyên sâu về sản phẩm OCOP. Đặc biệt, công tác quản lý, giám sát sản phẩm sau khi được công nhận còn là vấn đề nổi cộm cần được quan tâm và đẩy mạnh. Đây cũng là những vấn đề mà Chương trình OCOP giai đoạn 2021 - 2025 đã đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để tổ chức triển khai trong thời gian tới.

Phóng viên: Giải pháp để thúc đẩy Chương trình OCOP phát triển bền vững trong thời gian tới là gì, thưa ông?

TS. Ngô Trường Sơn: Cần phải xác định phát triển sản phẩm OCOP phải gắn với bối cảnh chung về mục đích, yêu cầu của “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”; sản phẩm OCOP phải trở thành niềm tự hào của người dân, cộng đồng của từng địa phương. Bên cạnh mục tiêu nâng cao đời sống, thu nhập cho người dân, đặc biệt là phụ nữ, người nghèo, người dân tộc thiểu số thì sản phẩm OCOP còn góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa nông thôn Việt Nam.

Tuần hàng quảng bá nông sản Hà Nội và các tỉnh, thành phố 2023 diễn ra từ ngày 8 đến ngày 10/9 tại phố đi bộ Hồ Gươm, TP. Hà Nội.
(Ảnh: Trần Quỳnh)



Do đó, thời gian tới, Chương trình sẽ tập trung nâng cao chất lượng, giá trị, hình ảnh sản phẩm OCOP gắn với các thế mạnh, lợi thế về nguyên liệu địa phương, văn hóa và tri thức bản địa (tập trung khai thác các bản sắc, lợi thế đặc trưng của các sản phẩm để tạo sự khác biệt với các sản phẩm có tính phổ biến); đẩy mạnh phát triển sản phẩm chế biến, chế biến sâu gắn với vùng nguyên liệu địa phương, văn hóa và tri thức bản địa. Đồng thời chú trọng công tác tuyên truyền, xây dựng thương hiệu OCOP Việt Nam, đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm,... Mục tiêu là nâng cao hình ảnh, giá trị sản phẩm OCOP, đưa biểu trưng OCOP trở thành dấu hiệu nhận diện đối với người tiêu dùng.

Cùng với nâng cao năng lực và sự tham gia của các chủ thể OCOP vào hệ thống thương mại điện tử, hình thành các sàn thương mại điện tử quy mô lớn, các kênh bán hàng trực tuyến (online), đặc biệt là cho với các sản phẩm có quy mô nhỏ, sản phẩm đặc sản địa phương... thì Chương trình sẽ tập trung xây dựng để hình thành các “Điểm đến” về sản phẩm OCOP (Điểm OCOP, cà phê OCOP, tuyến phố OCOP, công viên sáng tạo OCOP,...) gắn với các trung tâm du lịch, các hoạt động văn hóa; nâng cao năng lực hệ thống logistic về nông sản và OCOP nhằm thúc đẩy thương mại, thị trường sản phẩm trong nước và xuất khẩu. Đồng thời chú trọng và đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao gắn với quà tặng OCOP ở các cấp (quốc gia, bộ ngành và địa phương); tổ chức các sự kiện, diễn đàn kết nối sản phẩm OCOP với các đại sứ, cơ quan, đại diện quốc tế tại Việt Nam, hình thành các “sứ giả OCOP” để hội tụ giá trị, lan tỏa văn hóa Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn ông!

Người đưa bánh đa vùng Hà Tĩnh xuất ngoại



Anh Lê Văn Duẩn và sản phẩm bánh đa được xuất đi nước ngoài.

NGUYỄN DUYÊN

TRẦN TRỞ VỚI SẢN PHẨM TRUYỀN THỐNG

Chia sẻ với phòng viên Tạp chí Doanh nghiệp và Kinh tế xanh, anh Lê Văn Duẩn cho hay, Kỳ Giang vốn là vùng quê nghèo của tỉnh Hà Tĩnh. Những năm trước đây, nhiều thanh niên trong xã - trong đó có anh, với mong muốn thay đổi cuộc sống nên đã xuất khẩu lao động. Sang Đài Loan làm việc được gần 10 năm, thu nhập cũng khá, nhưng anh luôn mong ngóng trở về quê hương để lập nghiệp.

“Làm việc ở nước ngoài nhưng trong đầu

mình luôn suy nghĩ đến việc về quê để sản xuất sản phẩm truyền thống quê hương là bánh đa vùng. Thời điểm đó, trên thị trường Hà Tĩnh nói riêng, cả nước nói chung đã có nhiều loại bánh đa vùng nhưng mình vẫn quyết tâm làm loại bánh này vì đây là sản phẩm truyền thống, hơn nữa nguồn nguyên liệu có sẵn tại địa phương”, anh Duẩn tâm sự.

Theo anh Duẩn, khi biết được ý định của anh sẽ về quê sản xuất bánh đa vùng thì bố mẹ, anh em, bạn bè ai cũng ngăn cản. Nhưng anh vẫn quyết tâm làm. Sau khi thuyết phục được người thân, bố mẹ cho mượn mảnh đất, anh bắt tay vào xây dựng nhà xưởng, cơ sở sản xuất bánh đa vùng truyền thống. Anh dùng hết vốn

Sau gần 10 năm lao động ở nước ngoài, anh Lê Văn Duẩn, ở xã Kỳ Giang, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, quyết định về quê khởi nghiệp với sản phẩm truyền thống bánh đa vùng. Hiện sản phẩm của anh đã được chứng nhận là sản phẩm OCOP 3 sao và xuất khẩu đến nhiều nước trên thế giới.

liếng sau 10 năm đi lao động tại Đài Loan để đầu tư máy móc, nhà xưởng.

“Thời điểm đó, ngoài sự ngăn cản của bố mẹ, tôi còn phải vượt qua rất nhiều khó khăn khác. Bởi bánh đa là sản phẩm có từ lâu ở địa phương nhưng chưa ai phát triển lớn được. Sản xuất được bánh, nhưng tiêu thụ được không? Và tiêu thụ như thế nào là cả một vấn đề lúc đó”, anh Duẩn tâm sự.

Kể về hành trình lập nghiệp của mình, anh Duẩn bảo, ban đầu, khi những mẻ bánh đầu tiên ra đời, ngày ngày một chiếc xe máy cùng với hai chiếc sọt chở bánh đa hai bên, anh đi vào các nhà hàng, quán ăn để tiếp thị bánh. Thời điểm đó, mới được khách hàng thử bánh tại quán ăn đã là một thành công. Để hoàn thiện sản phẩm, anh để lại phiếu thăm dò ý kiến của khách hàng và chủ động liên hệ để nhận phản hồi. Từ chỗ dùng thử, khách hàng đã sử dụng sản phẩm của anh nhiều hơn.

Cứ thế, bánh đa vùng của anh Duẩn ngày càng được hoàn thiện về hình thức và chất lượng. Năm 2018, anh Duẩn đầu tư nhà xưởng và đi vào sản xuất sản phẩm bánh đa vùng với số lượng lớn. Đến năm 2020, anh đăng ký tham gia Chương trình OCOP và sản phẩm bánh đa vùng của anh đạt tiêu chuẩn 3 sao. Sau khi đạt chứng nhận OCOP, sản phẩm bánh đa vùng của anh được nhiều người biết đến hơn.

Được tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực tổ chức sản xuất, các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển sản phẩm... anh



Bánh đa của HTX Nguyên Lâm tham gia quảng bá, giới thiệu sản phẩm đến khách hàng trong và ngoài nước.

“Anh Lê Văn Duẩn là một công dân, một đảng viên trẻ ở địa phương dám nghĩ dám làm. Từ một sản phẩm truyền thống của địa phương, anh đã xây dựng và phát triển để xuất khẩu ra nước ngoài. Đây cũng là một mô hình tạo động lực cho nhiều bạn trẻ, nhiều cơ sở học tập tìm kiếm cơ hội để phát triển sản phẩm của địa phương, đưa sản phẩm của quê hương vươn ra thế giới”.

(Ông Hoàng Hậu Hải - Chủ tịch UBND xã Kỳ Giang)

Duẩn đã lên lộ trình sản xuất hiệu quả hơn. Năm 2021, Hợp tác xã (HTX) Nguyên Lâm do anh làm Giám đốc được ra đời với 15 thành viên. Ngoài sản xuất bánh đa, HTX còn sản xuất bún, miến, kẹo cu đơ và thu mua lúa gạo cho bà con trên địa bàn. Doanh thu mỗi năm của HTX hàng tỷ đồng, tạo việc làm cho các thành viên với mức lương ổn định từ 5 triệu đồng/người/tháng.

ĐƯA SẢN PHẨM QUÊ HƯƠNG XUẤT NGOẠI

Trong thời gian đi lao động ở nước ngoài, anh Duẩn có cơ hội được tiếp xúc, nghiên cứu thị trường. Anh nhận thấy, ở các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan... có đông người Việt Nam làm việc và sinh sống, do đó anh muốn mang hương vị quê hương sang để phục vụ bà con. Anh bắt đầu tìm đối tác và hướng

đưa bánh đa vùng xuất ngoại.

Sau nhiều lần liên hệ, anh đã tìm được đối tác đến từ Nhật Bản. Vượt qua quy trình kiểm định gắt gao của đối tác, sản phẩm của anh đã chinh phục được đối tác ở thị trường khó tính này. Đơn hàng đầu tiên được ký kết; năm 2021, HTX Nguyên Lâm xuất khẩu lô hàng bánh đa đầu tiên sang thị trường Nhật Bản. Đến tháng 10/2023, HTX Nguyên Lâm đã xuất lô bánh đa vùng sang thị trường Nga.

Chia sẻ về chặng đường đã qua, anh Duẩn cho biết, thành công mà anh đã đạt được trước hết là nhờ sự kiên định mục tiêu, biết tìm kiếm cơ hội phát triển. Nhất là vấn đề tiêu thụ sản phẩm sẽ quyết định hiệu quả sản xuất. Do vậy, người sản xuất phải biết và hiểu được nhu cầu của khách hàng, không ngừng nâng cao chất lượng, mẫu mã của sản phẩm; đẩy mạnh khâu giới

thiệu và quảng bá sản phẩm để khai thác, tìm kiếm thị trường, tạo hướng đi và chỗ đứng cho sản phẩm của mình.

“Khi thời đại công nghệ thông tin đang phát triển, cũng nhờ biết cách nắm bắt và vận dụng công nghệ số vào sản xuất, quảng bá, giới thiệu, tìm kiếm và kết nối đối tác. Còn vẫn làm cách làm truyền thống thì sẽ khó có những kết quả khả quan”, anh Duẩn chia sẻ.

Nói về dự định thời gian tới, anh Duẩn cho biết, đơn hàng của HTX ngày càng tăng nên anh đang mở rộng nhà xưởng để sản xuất và quyết tâm nâng hạng OCOF cho sản phẩm bánh đa. Tháng 9/2023, anh tham gia lớp tập huấn bán hàng, quảng bá giới thiệu sản phẩm từ những người bán hàng nổi tiếng do Trung ương Đoàn tổ chức, là cơ hội để anh tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ.

“Tại đây, mình được các nhà sáng tạo nội dung số hướng dẫn cụ thể từng bước, từng việc để bắt đầu kinh doanh trên TikTok và làm thế nào để đạt hiệu quả trong kinh doanh. Mình cũng được trang bị kỹ năng livestream bán hàng, đưa bánh đa vùng Nguyên Lâm đến tay người tiêu dùng. Việc quảng bá sản phẩm trên TikTok sẽ tạo cơ hội cho HTX tìm kiếm đối tác, mở rộng kênh phân phối”, anh Duẩn chia sẻ. ■

“Từ đầu năm 2023 đến nay, HTX Nguyên Lâm đã tiêu thụ hơn 3 triệu bánh với doanh thu 6 tỷ đồng; trong đó 20% sản phẩm được xuất đi Nhật Bản và Nga, mang về nguồn thu 1,3 tỷ đồng. Từ nay đến cuối năm, HTX tập trung tiêu thụ nội địa với sản lượng 0,5 triệu bánh. Với cách quảng bá sản phẩm trên nền tảng TikTok, dự kiến doanh số của HTX Nguyên Lâm sẽ tăng trưởng so với mục tiêu đề ra.”



Hợp báo giới thiệu nội dung Diễn đàn quốc gia thường niên “Văn hóa với doanh nghiệp” lần thứ 3, dự kiến tổ chức ngày 18/11/2023 tại TP. Hồ Chí Minh.

“Rèn chìa khóa” để doanh nghiệp phát triển bền vững

Từ khi đất nước chuyển sang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta luôn đề cao vai trò của các doanh nghiệp (DN), bởi hệ thống DN chính là xương sống của nền kinh tế. Đặc biệt, để thực hiện khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, các DN phải phát triển hài hòa trên các trụ cột: kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, trong đó văn hóa chính là “chìa khóa”, là nền tảng dẫn dắt và điều chỉnh các trụ cột khác. Do đó, việc “rèn chìa khóa” này là động lực nội sinh để DN phát triển bền vững.

KHÁNH THƯ

ĐỘNG LỰC NỘI SINH

Các chuyên gia kinh tế đều nhìn nhận, văn hóa DN là một khái niệm khá quen thuộc trong bối cảnh hiện nay. Đặc biệt, trong thời kỳ hội nhập sâu rộng toàn cầu, vấn đề văn hóa DN không chỉ quan trọng với nội tại DN, thị trường trong nước mà còn thể hiện văn hóa Việt Nam với bạn bè quốc tế. Văn hóa DN rất khó để định nghĩa tốt hay xấu mà chỉ có văn hóa phù hợp hay không phù hợp. DN chú

trọng xây dựng văn hóa của mình bài bản sẽ tạo ra động lực cho nhân viên, gắn kết các thành viên lại với nhau, từ đó thúc đẩy DN phát triển, thu hút nhân tài.

Vậy, văn hóa DN là gì? Theo Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch Nguyễn Văn Hùng, văn hóa DN là hệ thống các giá trị, chuẩn mực, quan niệm và hành vi chi phối hoạt động của mọi thành viên trong DN, được các thành viên chia sẻ và tạo nên bản sắc riêng cho DN. Văn hóa DN được tạo dựng trong suốt quá trình hình thành và phát triển của DN, dần dần trở thành tình cảm, suy nghĩ, niềm tin, ý thức tự giác của mỗi cá nhân và truyền thống của DN. Sứ mệnh, tầm nhìn, những giá trị cốt lõi, triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội, văn hóa giao tiếp và ứng xử trong DN, phong cách lãnh đạo và phương thức quản trị DN sẽ quyết định hiệu quả kinh doanh, tạo nên uy tín, thương hiệu của DN, từ đó dẫn tới sự phát triển ổn định, bền vững cho DN.

Thực tế đã chứng minh, văn hóa chính là “chìa khóa” để DN từng bước tìm được “ánh sáng cuối đường hầm” mỗi khi xảy ra khủng hoảng. Và đại dịch COVID-9 vừa qua là “phép thử” rõ ràng nhất. Đại dịch COVID-19 đã gây ra những khủng hoảng lớn cho DN, nhiều DN đã phải cắt giảm sản lượng, giảm lao động...

Tuy nhiên, trong khó khăn nhiều người lao động vẫn bám trụ, gắn bó với DN để cùng vượt qua sóng gió. Có được điều này chính là do yếu tố văn hóa DN tạo nên. Trong đại dịch, văn hóa như tấm lá chắn hay là “vaccine” giúp DN không bị chảy máu chất xám.

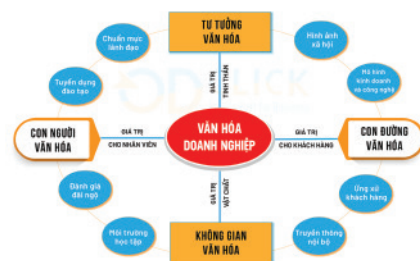
Trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, cuộc sống cá nhân và hoạt động của DN không tránh khỏi những ngưng trệ, nhưng dòng chảy văn hóa không hề ngừng lại, nó vẫn luôn vận động và là nguồn sức mạnh để gắn kết thúc đẩy mỗi con người, mỗi tổ chức hành động vì mục tiêu chung cùng vượt qua khó khăn – đó là sự tiếp biến văn hóa. Khi cả xã hội thích nghi, ứng phó cùng dịch bệnh, từng bước tiến tới giao đoạn bình thường mới, văn hóa sẽ là nền tảng để DN nhanh chóng phục hồi và vươn lên.

TS. Nguyễn Sỹ Dũng - nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, cho rằng, hiện các xu hướng tiếp biến văn hóa tại Việt Nam theo những mô hình quản trị DN kinh doanh tốt hơn, chẳng hạn như xây dựng thương hiệu, quan hệ khách hàng và những điều gắn với kinh doanh hiện đại. Bên cạnh đó, văn hóa truyền thống Việt Nam với bản sắc vốn có với sự tích hợp giữa hiện đại và giữ được bản sắc. Điều này giúp DN ngày càng kinh doanh tốt hơn mà vẫn giữ được bản sắc.



Trong Diễn đàn quốc gia thường niên “Văn hóa với doanh nghiệp” diễn ra nhiều hoạt động thảo luận về văn hóa doanh nghiệp.

Diễn đàn quốc gia thường niên “Văn hóa với doanh nghiệp” lần thứ 3 dự kiến tổ chức ngày 18/11/2023 tại TP. Hồ Chí Minh. Ban Tổ chức diễn đàn gồm: Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Công Thương, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.



Một mô hình về văn hóa doanh nghiệp.

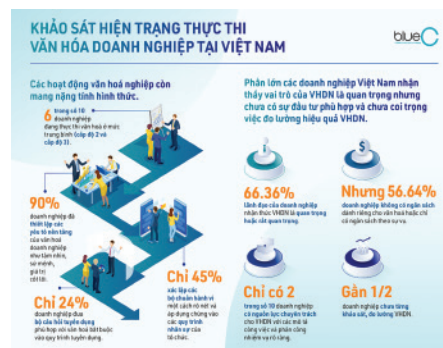
LÀM GIÀU THÊM VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của văn hóa DN, ngày 26/9/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1846/QĐ-TTg, lấy ngày 10/11 hằng năm làm Ngày Văn hóa doanh nghiệp Việt Nam. Ngay tại Lễ công bố Ngày Văn hóa doanh nghiệp Việt Nam cách đây 7 năm (ngày 07/11/2016), Thủ tướng Chính phủ đã phát động Cuộc vận động “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam”. Ngày 28/2/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 248/QĐ-TTg, thành lập Ban Tổ chức triển khai Cuộc vận động để giúp Thủ tướng đưa Cuộc vận động vào cuộc sống, từ đó khẳng định văn hóa DN là yêu cầu cơ bản, cấp thiết để phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của các DN.

Trên tinh thần đó, từ năm 2021, Ban Tổ chức cuộc vận động “Xây dựng văn hóa

doanh nghiệp Việt Nam” đã tổ chức Diễn đàn quốc gia thường niên “Văn hóa với doanh nghiệp” và Lễ tôn vinh, trao chứng nhận “Doanh nghiệp đạt chuẩn Văn hoá kinh doanh Việt Nam”. Sau thành công của năm 2021 và 2022, Diễn đàn quốc gia thường niên “Văn hóa với doanh nghiệp” lần thứ 3 – năm 2023 dự kiến được tổ chức vào ngày 18/11 tới đây, tại TP. Hồ Chí Minh.

Theo ông Hồ Tuấn Anh, Chủ tịch Hiệp hội Phát triển doanh nghiệp Việt Nam – Trưởng ban tổ chức Cuộc vận động “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam”, trong khuôn khổ Diễn đàn lần thứ 3 sẽ diễn ra Hội thảo “Văn hóa kinh doanh - Dòng chảy phát triển và hội nhập”. Hội thảo xoay quanh các chủ đề lớn như giá trị “được và mất” trong văn hóa giao thương Việt Nam qua các thời kỳ phát triển lịch sử; nhận diện và gọi tên bản sắc của văn hóa kinh doanh Việt Nam; giải pháp giúp DN Việt Nam “hòa nhập nhưng không



Một kết quả khảo sát văn hóa doanh nghiệp Việt Nam. (Nguồn: Thời báo Ngân hàng)

hòa tan” trong bối cảnh chuyển đổi số...

“Chuỗi hoạt động thuộc Diễn đàn lần thứ 3 được kỳ vọng sẽ góp phần thúc đẩy xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam trong, ngoài nước, qua đó từng bước hình thành các đặc trưng của văn hóa kinh doanh Việt Nam”, ông Hồ Tuấn Anh khẳng định. ■



TRUNG TƯỚNG NGUYỄN SƠN HÀ:

Hạnh phúc và may mắn là cứu được người

Từ trung tuần tháng 10, miền Trung mưa lớn, ngập lụt ở nhiều địa phương; vùng đồng bằng sông Cửu Long đối diện nguy cơ hạn mặn lịch sử,... Biến đổi khí hậu đang làm thiên tai ngày càng cực đoan, với nhiều loại hình thiên tai khó đoán định. Cùng với việc dự báo, phòng, chống thiên tai chính xác thì công tác cứu hộ, cứu nạn cần được các bộ ngành, địa phương và người dân vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai chuẩn bị kỹ lưỡng, từ đó hình thành nên văn hóa chủ động phòng, chống thiên tai, giảm thiểu thiệt hại. Tạp chí Doanh nghiệp và Kinh tế xanh đã có cuộc trao đổi với Trung tướng Nguyễn Sơn Hà - nguyên Cục trưởng Cứu hộ - Cứu nạn (Bộ Quốc phòng), nguyên Chánh Văn phòng Ủy ban Quốc gia Phòng chống sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xung quanh nội dung này.

T. MINH - K. HẠNH (thực hiện)

Phóng viên: Thưa Trung tướng, ông có nhớ không khi được giao làm Cục trưởng Cục Cứu hộ - Cứu nạn?

Trung tướng Nguyễn Sơn Hà: Tôi có may

mắn trước khi về nhận nhiệm vụ mới đã từng trải qua cương vị cấp Trung đoàn trong chiến tranh; trong thời bình là lãnh đạo của những đơn vị cơ động trong quân đội, rồi làm Phó Tư lệnh Quân đoàn I. Năm 2004, Bộ Quốc phòng thành lập Cục Cứu hộ - Cứu nạn, tôi được cấp trên điều động về làm Cục trưởng.

Khi bắt tay vào thực hiện, tôi đã bàn bạc, chủ động xin ý kiến các chuyên gia, được sự hậu thuẫn của lãnh đạo Bộ Quốc phòng. Khi thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn, tôi cần quân có quân, cần phương tiện có phương tiện, lúc cấp bách có thể điều cả trực thăng trong quá trình làm nhiệm vụ. Việc được cấp trên giao nhiệm vụ “đúng người, đúng việc”, tôi đã phát huy được sở trường, thực hiện tốt các nhiệm vụ cấp trên giao. Bên cạnh đó thiết lập mối quan hệ với các Ban, Bộ, Ngành, bạn bè quốc tế để việc tìm kiếm cứu hộ cứu nạn được thuận lợi

Phóng viên: Thực tế thiên tai đang có xu hướng ngày càng phức tạp, bất thường và khó lường. Điều đó đặt ra yêu cầu gì cho công tác cứu hộ, cứu nạn ở nước ta, thưa Trung tướng?

Trung tướng Nguyễn Sơn Hà: Cứu hộ, cứu nạn khi xảy ra sự cố không khác gì một cuộc chiến đấu. Dù chúng ta có lực lượng, phương tiện nhưng không xác định được trọng tâm, trọng điểm thì lúc xảy ra sự cố sẽ bị động hoàn toàn. Do đó, chúng ta cần trang bị các phương tiện máy móc hiện đại, phù hợp với điều kiện để đáp ứng kịp thời, phương án tác chiến cứu hộ cứu nạn. Bên cạnh đó, cần tổ chức huấn luyện, diễn tập từ cấp Trung ương tới địa phương. Cần nắm bắt thông tin nhanh, nhạy, kịp thời. Nếu thông tin chậm, sẽ gây nên những hậu quả khôn lường. Phải xác định được tinh thần cứu hộ, cứu nạn là nhiệm vụ trọng tâm để “rèn quân, rèn tướng” thường xuyên.

Phóng viên: Theo ông, yếu tố cốt lõi trong công tác cứu hộ, cứu nạn là gì?

Trung tướng Nguyễn Sơn Hà: Trong cứu hộ cứu nạn, yếu tố con người là quan trọng nhất. Dù làm gì thì làm, chúng ta vẫn phải lấy đạo đức làm trọng, “thương người như thể thương thân”. Với đặc thù cứu hộ cứu nạn, yếu tố này cực kỳ quan trọng. Bản thân mỗi cá nhân phải vì mọi người, việc cứu hộ cứu nạn là nhân đạo. Với người có đạo đức, sống có tình người, họ sẵn sàng bất chấp nguy hiểm, ý thức việc cứu người làm trọng trong tình thế hiểm nguy.

Khi đã nhận nhiệm vụ, chúng ta phải ý thức trách nhiệm rất cao trước Đảng và Nhân

dân, trước tính mạng con người đang gặp nguy hiểm. Bên cạnh đó, chúng ta cần phải có tính kỷ luật cao, đã lệnh là phải lên đường, bất luận ngày đêm, diễn biến thời tiết bất thường ra sao. Người làm nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn cần phải có trí tuệ, sáng tạo linh hoạt trước các tình huống khẩn cấp. Chúng ta phải ý thức “4 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, trang bị tại chỗ, hậu cần tại chỗ). Để hoàn thành được nhiệm vụ, đòi hỏi tính đoàn kết cao, người chỉ huy phải là thủ lĩnh thu phục được nhân tâm anh em trong công tác cứu hộ, cứu nạn.

Phóng viên: Sau gần 6 năm làm công tác cứu hộ, cứu nạn, ông rút ra được bài học gì để người dân chủ động, hình thành văn hóa phòng chống thiên tai, thưa Trung tướng?

Trung tướng Nguyễn Sơn Hà: Khi những thông tin dự báo bão được phát ra, đòi hỏi người dân phải nghiêm chỉnh thực hiện, triệt để chấp hành. Bởi những chủ trương đó đưa ra, mục đích là giúp người dân an toàn tính mạng, bảo vệ tài sản cho họ. Người dân phải luôn ý thức chủ động khi dự báo cơn bão đang đến, nhận thức đúng, khi bão đến tự phải cứu mình trước, chứ không thể chờ các lực lượng tới cứu mình.

Khi bão đến, đối với ngư dân đang hoạt động trên biển phải thường xuyên theo dõi, cập nhật tin tức về bão, tìm nơi trú ẩn an toàn, giữ liên lạc với đất liền, thực hiện nghiêm túc các chỉ thị của Nhà nước. Bên cạnh đó cần thông báo với các cơ quan chức năng về số lượng ngư dân trên tàu, tình hình của tàu, thuyền.

Phóng viên: Vậy, với chính quyền các cấp phải làm gì để giúp người dân chủ động phòng, chống thiên tai, thưa Trung tướng?

Trung tướng Nguyễn Sơn Hà: Việc đầu tiên chính quyền các cấp cần theo dõi chặt chẽ

diễn biến của bão để kịp thời thông báo tới người dân, những nơi bão có thể ập đến. Ban hành kịp thời các chỉ đạo phòng tránh bão đối với địa phương, ngư dân, người dân sinh sống trên đất liền. Triển khai gia cố hệ thống đê điều phòng xảy ra sạt lở, lũ quét. Thống kê đầy đủ số lượng tàu thuyền trong khu vực ảnh hưởng của bão. Tổ chức nơi cư trú an toàn cho người dân ở vùng căn sơ tán. Tăng cường biện pháp tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức phòng chống bão với dân. Giáo dục, nâng cao năng lực cứu hộ cho lực lượng chuyên trách và Nhân dân.

Phóng viên: Trong suốt thời gian làm công tác cứu hộ, cứu nạn, kỷ niệm nào để lại cho ông ấn tượng nhất?

Trung tướng Nguyễn Sơn Hà: Kỷ niệm trong hành trình 6 năm đảm đương cương vị

Cục trưởng Cục Cứu hộ - Cứu nạn thì nhiều. Nhưng tôi nhớ nhất, lần cứu nạn tàu ngư dân đánh bắt cá đã bị chìm. Tôi đã giao cho một đồng chí Cục phó trực tiếp tổ chức cứu hộ. Sau 10 ngày thực hiện, việc cứu nạn con tàu không thành, nên tôi đã bay vào hiện trường, chỉ huy công tác cứu hộ cứu nạn. Việc đầu tiên là tôi đã triệu tập một cuộc họp, thành phần tham dự có cả Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh... Tôi đã phân tích cho các đồng chí lãnh đạo tỉnh hiểu những việc cần làm ngay. Thực tế nếu không thực hiện nhanh, con tàu bị vỡ, toàn bộ dầu trên tàu sẽ làm nhiễm độc cả một bể mặt biển rộng, khi ấy nguy hại khó lường hết được. Sau cuộc họp đó, chúng tôi đã quyết liệt thực hiện, ba ngày sau, con tàu đã được trục vớt thành công.

Trân trọng cảm ơn ông!

Khi về hưu, thành thơi tôi mới ngộ về nghề và nghiệp khi mình được giao phụ trách cứu hộ cứu nạn. Cá nhân tôi nhận thấy công việc này đã chọn mình, may mắn được cấp trên tin tưởng, giao phó. Tôi thấy lương tâm thanh thản, khi một hành trình đã qua, cứu được nhiều sinh mạng. Việc cứu người, làm những công việc nhân đạo, có ích cho đời, hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước và quân đội giao phó. Những người làm nghề này thì nghèo, nhưng hạnh phúc và may mắn cứu được người.”



FORD VIỆT NAM:

Dấu ấn thành tựu và trải nghiệm sở hữu khác biệt

CHÂU GIANG

DẤU ẤN THÀNH TỰU

Từ khi có mặt tại Việt Nam, Ford đã mang lại nhiều đóng góp và thành tựu to lớn về sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Ford tự hào cung cấp cho khách hàng tại Việt Nam hơn 300.000 sản phẩm xe hơi Ford đa dạng. Đặc biệt, trong quý 4/2022, Ford Việt Nam đã phá vỡ mọi kỷ lục về doanh số bán hàng theo tháng và theo quý trong lịch sử, đạt mức cao nhất từ trước tới nay với 13.329 xe bán ra.

Ford Việt Nam đã tiếp nhận một gói đầu tư mở rộng trị giá hơn 2.000 tỉ đồng, với mục tiêu nâng cấp nhà máy Ford Hải Dương lên công suất sản xuất 40.000 xe/năm và tăng số ca làm việc lên 2 ca mỗi ngày. Điều này cũng đồng nghĩa với việc tạo thêm khoảng 1.200 việc làm trực tiếp.

Chỉ trong năm 2022, Ford Việt Nam ra mắt thành công 5 sản phẩm mới, bắt chắp các thách thức về kinh tế và nguồn cung sau đại dịch. Lần đầu tiên trong lịch sử, Ford Việt Nam hoàn thành 5 chương trình sản phẩm mới trong một năm, với 3/5 sản phẩm lắp ráp tại nhà máy ở Hải Dương.

Trong năm 2023, Ford cũng đã ra mắt mẫu xe Ford Everest Wildtrak - phiên bản cao nhất hướng tới mục đích phiêu lưu khám phá, và Ford Ranger Raptor Thế hệ Mới, được chế tạo chuyên dụng với sự kết hợp giữa hệ thống treo tinh tế, cao cấp, công nghệ thông minh và động cơ Bi-Turbo 2.0L hiệu quả, hứa hẹn đưa trải nghiệm của những tay lái đam mê địa hình lên một tầm cao mới. Trong tháng 9/2023, đã có 3.118 xe đã được

bán ra. Tính từ đầu năm 2023 tới hết tháng 9/2023, đã có 26.484 xe Ford được giao tới tay khách hàng, tương đương mức tăng trưởng 71% so với cùng kỳ năm 2022.

TRẢI NGHIỆM SỞ HỮU KHÁC BIỆT

Với thực tế biến đổi nhanh chóng của công nghệ và xu thế và thị trường ô tô Việt Nam ngày càng cạnh tranh khốc liệt, Ford không còn chỉ tập trung vào sản phẩm như trước đây mà còn tập trung lắng nghe khách hàng và xây dựng kế hoạch tương lai một cách linh hoạt, luôn đáp ứng đúng nhu cầu của họ tại mỗi giai đoạn.

“Ở tất cả các kế hoạch trung hạn và dài hạn, chúng tôi luôn ưu tiên áp dụng chiến lược Ford+ của Tập đoàn, lấy khách hàng làm trung tâm để tích cực nâng cao chất lượng dịch vụ, không ngừng cải thiện quy trình, tích hợp các ứng dụng công nghệ để mang lại một hệ sinh thái hoàn thiện cho khách hàng từ trải nghiệm mua hàng cho đến trải nghiệm sở hữu và dịch vụ về sau. Mục tiêu xuyên suốt của chúng tôi là cung cấp cho từng khách hàng một không gian di chuyển tốt nhất, thuận tiện và phù hợp, bắt kịp với mọi thay đổi và xu hướng mới của thế giới hiện đại. Để vươn tới mục tiêu này một cách nhanh nhất, chúng tôi luôn coi khách hàng như người trong gia đình và đồng hành cùng khách hàng trong toàn bộ quá trình sử dụng xe của họ” - ông Ruchik Shah, Tổng Giám đốc Ford Việt Nam cho biết.

Ford không ngừng cải thiện hệ thống quy trình để nâng cao trải nghiệm của khách hàng thông qua chương trình Ford Guest Ex-

perience (FGE) theo tiêu chuẩn toàn cầu, triển khai đến toàn bộ hệ thống đại lý trên khắp cả nước và tiếp tục mở rộng mạng lưới đại lý ủy quyền và trung tâm dịch vụ, với hơn 40 cơ sở hiện đã hoạt động trên khắp cả nước. Trong năm nay, Ford Việt Nam sẽ tiến hành mở thêm 10 đại lý mới và nâng cấp khoảng 10 đại lý hiện tại theo tiêu chuẩn Ford Signature.

Ngoài ra, Ford liên tục đóng góp tích cực vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội tại Việt Nam thông qua các hoạt động và sáng kiến trách nhiệm cộng đồng được thực hiện liên tục trong hơn một thập kỷ với chương trình Hướng dẫn Lái xe An toàn (DSFL), Chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức về văn hóa giao thông K0 Còi, tuần lễ Chăm sóc Toàn cầu, các chương trình Học bổng cho học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ giảm nhẹ tác động của thiên tai, dịch bệnh,...

Ngoài ra, Ford liên tục đóng góp tích cực vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội tại Việt Nam thông qua các hoạt động và sáng kiến trách nhiệm cộng đồng được thực hiện liên tục trong hơn một thập kỷ với chương trình Hướng dẫn Lái xe An toàn (DSFL), Chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức về văn hóa giao thông K0 Còi, tuần lễ Chăm sóc Toàn cầu, các chương trình Học bổng cho học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ giảm nhẹ tác động của thiên tai, dịch bệnh,...





CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN
BINH DIEN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY

PHÂN BÓN ĐẦU TRÂU

Bạn đồng hành của nhà nông



CÔNG TY CỔ PHẦN
BÌNH ĐIỀN - LÂM ĐỒNG



NHÀ MÁY PHÂN BÓN
BÌNH ĐIỀN - LONG AN



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN



CÔNG TY CỔ PHẦN
BÌNH ĐIỀN - MIỀN BẮC



C.TY TNHH MTV THÉ THẢO
BÌNH ĐIỀN - LONG AN



CÔNG TY CỔ PHẦN
BÌNH ĐIỀN - BÌNH DƯƠNG



CÔNG TY CỔ PHẦN
BÌNH ĐIỀN - QUẢNG TRỊ

Hotline: 19006613



www.binhdien.com [Binh Dien Việt Nam](https://www.facebook.com/binhdien)



PHIẾU ĐẶT MUA TẠP CHÍ DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ XANH

Đơn vị, (cá nhân) đặt mua:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Email:.....

Mã số thuế:.....

Người đại diện:..... Chức vụ:.....

Số lượng đặt mua hàng tháng: /cuốn /tháng.....

Đơn giá: 60.000đ/cuốn.

Địa chỉ gửi Tạp chí:.....

.....

Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản:
Tạp chí Doanh nghiệp và Kinh tế xanh: 35930999 tại Ngân hàng Eximbank, Chi nhánh Hà Nội.
Hoặc thanh toán trực tiếp tại Tòa soạn: Tạp chí Doanh nghiệp và Kinh tế xanh
Số 120, Võ Chí Công, phường Xuân La, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.2210.2285/ 0985.192.498
Email: hcts.dnktx@gmail.com

Mùa đổ nước.

Ảnh: Nghệ sỹ nhiếp ảnh Phan Ái.

